

Nguyệt san



BỘ MỚI

CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP



TIN TỨC PHẬT SỰ



VĂN HỌC PHẬT GIÁO



Mừng Tân Niên 2013

14

THÁNG 01.2013



Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

SỐ 14
THÁNG 01.2013

HOẰNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: info@chanhphap.us

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Chúc Thiên**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình bìa: **Đình Cường**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ◆ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Điều Ám lược dịch), trang 3
- ◆ MỪNG NGÀY VỀ NGUỒN VI (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 7
- ◆ HÀNH GIẢ NIỆM PHẬT (Thích Đức Trí), trang 8
- ◆ QUÁN NHƯ MỘNG (HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 10
- ◆ ĐỜI GIẢ TẠO / VỀ ĐI THỜI / ĐỀM CẦU NGUYỄN (thơ Thắng Hoan, Cát Tường, Trúc Nguyên), trang 13
- ◆ CÚNG PHẬT (TN Trí Hải), trang 14
- ◆ THÂN PHẬN NHỮNG CON CỜ (Lê Bích Sơn) trang 14
- ◆ NÉN VÀ HOA (thơ Mặc Không Tử), trang 14
- ◆ TƯỜNG NIỆM ÂN SỰ (thơ Thích Minh Tuệ), trang 15
- ◆ HÌNH ẢNH GHPGVNTNHK PHÙNG VIÊNG ĐLHT THÍCH HỘ GIÁC, tr. 16
- ◆ CẨM NIỆM ĐLHT THÍCH HỘ GIÁC (Sa môn Thích Tín Nghĩa), trang 17
- ◆ BẢN-THÊ-CỦA-PHẬT (Hoang Phong dịch), trang 18
- ◆ SÁNG & CHÁY... / CHỚM ĐÔNG / THÂN NẮNG ỬA (thơ Nguyễn Nguyên An, Hàn Long Ân, Phù Du), trang 21
- ◆ BƯỚC THIÊN IN DẤU NON THIÊNG (Huệ Trân), trang 22
- ◆ CHIÊU (thơ Hoàng Xuân Sơn), trang 23
- ◆ HÌNH ẢNH CỨU TRỢ NẠN NHÂN BẢO SANDY, trang 24
- ◆ TƯ TƯỢNG THIÊN HỌC TRONG KINH KIM CANG (TN Khánh Năng), trang 26
- ◆ ĐỌC BÀI THƠ "TÀO PHÁT BẠCH ĐẾ THÀNH" (Lam Nguyên), trang 29
- ◆ ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ (Tuệ Như), tr. 30
- ◆ CƠN MƯA, TIẾNG THỜI GIAN (thơ Võ Quỳnh Uyển), trang 31
- ◆ ĐI TÌM MỘT PHẬT GIÁO MỸ (Trí Tánh dịch & giới thiệu), trang 32
- ◆ TIẾNG HÁT NGƯỜI TÍN NỮ NI SƯ (Nguyễn Văn Sâm), trang 37
- ◆ KHÔNG ĐỀ (thơ Biểu Ý), trang 40
- ◆ CHĂM SÓC NGỌN ĐÈN (Tâm Quang), trang 41
- ◆ MÙA ĐÔNG... TỊNH (Biện thị Thanh Liêm), trang 47
- ◆ HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG – song ngữ, chương 3 (Thích Nguyên Tạng dịch), trang 48
- ◆ HOA ÁNH SÁNG (thơ Mặc Phương Tử), trang 51
- ◆ Ý NGHĨA MÀU LAM (GDPTVN tại Hoa Kỳ), trang 52
- ◆ MƯA THỦY TINH (thơ Bạch Xuân Phê), trang 53
- ◆ NƯỞNG LỜI PHẬT TÔ THÁNH TĂNG... (Tịnh Minh soạn dịch), tr. 54
- ◆ THIÊN SỰ VÀ CÔ LÁI ĐÒ (Nguyễn Giác), trang 55
- ◆ NẤU CHAY: DƯA MUỐI KHO TƯƠNG (Diệu An), trang 57
- ◆ ĐỀ KHỎE NHƯ VUA CÀN LONG (Bs. Lương Mạnh Hà), trang 59
- ◆ CHUYẾN ĐI CỨU TRỢ NẠN NHÂN BẢO SANDY TẠI NEW JERSEY (Thích Nhựt Huệ), trang 60
- ◆ TỰ TƯ (thơ Yên Chi), trang 62
- ◆ BẦY VOI CHỜ NƯỚC CỨU SÔNG ĐÀN CÁ – song ngữ (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 63
- ◆ PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM – 5. BUD-DHIST STORY / CHUYỆN PHẬT GIÁO (Tâm Minh Ngô Tăng Giáo dịch), trang 64
- ◆ LUCKY CHÙA BÁT NHÃ (TN Giới Định), trang 66
- ◆ TIẾNG CHUÔNG TỈNH THỨC (thơ Nguyễn Đăng), trang 71
- ◆ HỘI LUẬN: PHẬT GIÁO VN TẠI MỸ (Tâm Tĩnh Lặng), trang 72
- ◆ CÁI NGÃ (Vĩnh Hiền), trang 77

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp Bộ Mới - số 14 (tháng 01.2013) do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

Cuối năm dương lịch, trời lạnh cắt và mưa rì rả lâm râm ngày đêm, tạo nên những vũng nước lênh láng trên mặt đường. Những người phu làm vườn đã cào hốt lá vàng hai hôm trước, mà nay đợt lá khác đã phủ thêm một lớp nơi công viên. Nhìn từ xa, chỉ thấy một thảm lá nâu vàng, không thấy đâu là lối đi và màu xanh mướt của bãi cỏ. Trong khi khách vắng lại ngập ngừng tìm lối thì những người quanh vùng đã quen đường, tay che dù, chân vẫn bước mau trong mưa, dẫm trên lá sũng nước...

Người ta vẫn thường đổ lỗi cho hoàn cảnh xã hội, hoặc trường hợp đặc biệt nào đó của cá nhân, hoặc nhân danh sự bảo vệ và phát triển tổ chức (chính quyền, đảng phái, tôn giáo...) để làm sai, làm tổn hại đến kẻ khác, tập thể khác. Làm sai mà biết phục thiện, hối cải, sửa đổi thì còn đáng tha thứ, đáng khen. Làm sai mà còn ngoan cố tìm mọi cách để biện minh cho sự sai lầm của mình, vấy tội cho người khác, thì không xứng để gọi là người lương thức, càng không xứng là người con Phật.

Nhà Phật nói có hai hạng người đáng quý: một là người không hề làm lỗi, hai là người làm lỗi mà biết ăn năn, phục thiện.

Đi xa hơn, người không làm lỗi không khinh ghét người làm lỗi, mà xem họ như là những nạn nhân của vô minh, tham ái; luôn rộng lòng tha thứ và tìm cách thay đổi họ; nếu không chuyển hóa được họ thì cũng giữ lòng từ bi, khoan dung của mình, không để cho sự ác, sự lỗi của người trở thành mối phiền não làm vẩn đục tự tâm.

Đã có những nhà lãnh đạo rất sai: vì danh vọng và quyền lợi cho cá nhân hay cho phe phái của mình mà phá bỏ qui ước chung của tổ chức, của xã hội; dẫm đạp lên quyền sống và nguyện vọng của số đông. Những người này cần phải học làm người hiền (hiền nhân), học làm người con Phật (thiện nhân), để sám hối, sửa đổi và nhận được sự khoan dung tha thứ của đại chúng.

Ở đời hay trong đạo cũng thế: để thành tựu việc lớn, phải giữ tâm cho rộng và sáng. Rộng thì mới dung được thiên hạ; sáng thì mới bước được những bước chân vững chãi, không sai lầm.

Ngày đã qua, năm cũ tàn. Cuộc sống trăm năm xem vậy mà chẳng là bao. Chỉ là thoáng chốc trong chuỗi dài trăm luân một khi ác nghiệp đã gieo.

Một ngày mới, một năm mới vừa đến. Chúng ta đang đứng trước một cửa ngõ mới của tương lai, của những chuỗi ngày mà không ai đoán trước được những gì sẽ xảy ra.

Vậy thì, người ác hãy tự làm mới cho mình và cho người bằng sự chân thành hối cải, điều chỉnh những sai lầm, dứt bỏ những điều ác, tận lực làm điều lành. Đừng quên rằng những người viết sử công tâm ở mai sau sẽ không viết theo ý của người lãnh đạo thời nay. Điều sai, điều ác sẽ để lại vết nhơ muôn đời, thật là dài lâu, so với cuộc sống trăm năm bươn chải theo bã lợi danh hư huyễn.

Và này, hỡi những người bạn hiền, từng giây phút tỉnh khôi ngay nơi hiện tiền, tiếp tục mở ra những ngày tháng mới của niềm an lạc, hạnh phúc, của sự tĩnh lặng vô biên nơi tự tâm.

Mưa sẽ dứt. Lá vàng sẽ được dọn sạch. Rồi một vùng trời biêng biếc mở ra. Ánh triêu dương sẽ chan hòa trên những lối đi và bãi cỏ xanh trong khu vườn đẹp của chúng ta.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ẤN ĐỘ: Đền Đại Bồ đề sẽ lập bệnh viện và trường cao đẳng y khoa

Patna, Ấn Độ - Đền Đại Bồ đề của Bồ đề Đạo tràng sẽ lập một bệnh viện và trường cao đẳng y khoa cấp thế giới với tài trợ tài chính quốc tế trong thành phố Bihar linh thiêng. "Ban quản lý đền đã quyết định thành lập một bệnh viện và trường cao đẳng y khoa Phật giáo thế giới tại Bồ đề Đạo tràng, với sự giúp đỡ của các nước đông nam Á", ông N.Dorjee, thư ký của Ban quản lý Đền Đại Bồ đề, nói.

Ông cho biết nó sẽ là dự án phát triển đầu tiên tại Bồ đề Đạo tràng, với mục đích duy nhất là phục vụ người nghèo và cung cấp cho họ sự chăm sóc y tế và sức khỏe tốt nhất. "Tôi rất vui được tiết lộ rằng một số quan chức của các đại sứ quán các nước Phật giáo của đông nam Á đã bày tỏ sự quan tâm giúp đỡ cho dự án được đề xuất này tại Bồ đề Đạo tràng", ông Dorjee nói. Ông cho biết kinh phí cho dự án sẽ không phải là một vấn đề. "Hầu hết trong số 22 nước của đông nam Á sẽ tài trợ cho dự án vì nó sẽ nổi bật tại Bồ đề đạo tràng".

(Mahabhodi IP - December 1, 2012)



Dấu chân Đức Phật tại Bồ đề Đạo tràng - Photo: Buddhist Door

UZBEKISTAN: Phát hiện tác phẩm điêu khắc Hy Lạp-Phật giáo

Tashkent, Uzbekistan - Một đội khảo cổ học Uzbek và Pháp làm việc tại Sukhandarya Oblast vào tháng 10-2012 đã tìm thấy một tác phẩm chạm nổi cao được bảo quản tốt làm bằng đá vôi trắng.

Tác phẩm điêu khắc cao khoảng 40 cm này thuộc một phù điêu Hy Lạp-Phật giáo, vốn xưa kia dùng để trang trí một ngôi đền, đại sứ quán Pháp tại Tashkent cho biết. Nó cho thấy một người đàn ông ăn mặc bành bao và một phụ nữ được miêu tả theo phong cách kết hợp các nền văn hóa Hy Lạp, Ấn Độ và Bactria. Các nhà khảo cổ đã chuyển vận họ tìm được cho bảo tàng khảo cổ học Termez để nghiên cứu.

Hy Lạp-Phật giáo là một sự hợp nhất của nền văn hóa Hy Lạp và Phật giáo vốn đã tồn tại ở các nước Afghanistan, Pakistan và Ấn Độ ngày nay từ thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên đến thế kỷ thứ 5 sau Công nguyên.

(Tipitaka Network - December 3, 2012)

TÍCH LAN: Lập thực đơn an toàn cho chư tăng

Colombo, Tích Lan - Do quan tâm đến chế độ ăn uống không tốt của chư tăng bản địa, Cơ quan y tế Tích Lan sắp đưa ra một thực đơn mới cho họ.

Bộ trưởng Bộ Y tế, ông Maithripala Sirisena, nói rằng tín đồ cung kính cúng dường chư tăng những thức ăn ngon và bổ dưỡng, nhưng như vậy lại gây ra các vấn đề về sức khỏe cho các tu sĩ. Bộ Y tế nói rằng thực phẩm bổ dưỡng ấy đã khiến một số nhà sư bị bệnh tiểu đường và huyết áp.

Bộ này sẽ ban hành một thực đơn đặc biệt an toàn vào ngày 16-12-2012 như một biện pháp khắc phục.

Phật tử tin rằng cúng dường thực phẩm cho chư tăng vào giờ

ăn trưa là việc làm công đức. Theo lời Phật dạy, công đức tích lũy sẽ đem đến một cuộc sống tốt đẹp hơn ở kiếp sau cho người cúng dường cũng như thân nhân đã khuất của họ.

(Mahabhodi IP - December 4, 2012)



Tín đồ cúng dường thực phẩm cho chư tăng - Photo: PTI

HONG KONG: Triển lãm tranh và thư pháp quý

Triển lãm mang tựa đề Tranh và Thư pháp Trung Hoa của các Triều đại Tống, Nguyên và Minh từ Bảo tàng Mỹ thuật của Thành phố Osaka (OCMFA) diễn ra từ 30-11-2012 đến 9-1-2013 tại Bảo tàng Nghệ thuật Hong Kong (HKMA).

Triển lãm trưng bày 38 tranh và thư pháp quý giá từ thời Tống đến thời Minh, cho khách thưởng lãm một cơ hội hiếm có để trải nghiệm nghệ thuật hội họa Trung Hoa trong thời kỳ này, cũng như dịp để tìm hiểu nhiều hơn về quan điểm của Nhật Bản đối với nền văn hóa Trung Hoa cổ xưa và về mối quan hệ Trung-Nhật trong thiên niên kỷ vừa qua.

Cùng được trình bày bởi Cục Dịch vụ Giải trí và Văn hóa (Hong Kong) và OCMFA (Nhật Bản), cuộc triển lãm do HKMA và OCMFA tổ chức để kỷ niệm 15 năm thành lập đặc khu Hành chính Hong Kong và 50 năm thành lập HKMA.

(Buddhist Door - December 4, 2012)



Giám đốc Dịch vụ Giải trí và Văn hóa Betty Fung (bên trái) khánh thành triển lãm Tranh & Thư pháp Trung Hoa của Triều Tông, Nguyễn & Minh - Photo: CAN

HOA KỲ: Các nữ lãnh đạo Phật giáo lên tiếng chống lại bạo lực giới tính

Là một chiến dịch quốc tế bắt nguồn từ Viện Lãnh đạo Toàn cầu của Phụ nữ và được tài trợ bởi Trung tâm Lãnh đạo Toàn cầu của Phụ nữ, "16 Ngày của Chiến dịch Hoạt động Cấp tiến Chống Bạo lực Giới" đang diễn ra mạnh mẽ với hàng loạt bằng chứng qua video, trong đó có sự lên tiếng của 2 nữ lãnh đạo Phật giáo là Wendy Egyoku Nakao và Alisa Roadcup. Chiến dịch 16 ngày là "một chiến dịch do các cá nhân và các nhóm khắp thế giới tổ chức để kêu gọi loại bỏ tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ".

Trong video của mình, Nakao, Thiền sư Phật giáo và là Sư trưởng Trung tâm Thiền Los Angeles, thảo luận về "nguyên tắc bất bạo động trong Phật Thiền và cách nó đã làm tăng cường sự cam kết chấm dứt bạo lực trong bản thân bà và trong thế giới".

Là Phó chủ tịch Hội đồng Những người Ủng hộ Nạn nhân bị Cưỡng hiếp, là một nhà lãnh đạo trong Nhóm Cộng tác vì Nhân Quyền của Phụ nữ về Ấn Độ Quốc tế Hoa Kỳ và là Giám đốc ban Vận động Chính sách và Phát triển cho Heshima Kenya của Hoa Kỳ, Roadcup "chia sẻ 2 giáo lý từ truyền thống Phật giáo của mình, vốn truyền cảm hứng cho công việc của cô với các nạn nhân của tấn công tình dục".

(Shambhala Sun - December 7, 2012)



Biểu trưng của Chiến dịch Chống Bạo lực Giới - Photo: Buddha Dharma

CAM BỐT: Pho tượng Phật bị đánh cắp nhiều lần đã được tặng cho Bảo tàng Quốc gia

Từ chùa Sambor ở quận Dangkor của Phnom Penh, có một tượng Phật bằng đồng đã rất nhiều lần bị đánh cắp và được thu hồi, nên các nhà sư ở đó quyết định che dấu tác phẩm nghệ thuật đầy sức thu hút này bằng cách sơn phủ lên nó màu sơn vàng.

Tuy nhiên bọn trộm vẫn phát hiện sự nguy trạng ấy và lại cuộm tượng một lần nữa - là lúc mà mọi người nhất trí rằng phải có một biện pháp an ninh cao hơn.

Thượng tọa Kong Pisey, sư trưởng chùa Sambor, nói, "Tôi và ban trị sự chùa cùng các tín đồ đã rất lo, vì vậy chúng tôi đồng lòng quyết định tặng tượng cho Tòa thị chính để cất giữ trong Bảo tàng Quốc gia".

Giám đốc Bảo tàng là Kong Vierak tin rằng pho tượng bằng đồng màu xanh thẫm này khoảng 100 năm tuổi.



Thượng tọa Kong Pisey (bên trái) và các quan chức tòa thị chính Phnom Penh trong lễ tặng tượng Phật cho Bảo tàng Quốc gia - Photo: Pha Lina

Tượng được trao cho bảo tàng trong một buổi lễ chính thức vào ngày 4-12-2012.

Các thợ phục chế đã cạo tẩy hầu hết lớp sơn vàng, dù khuôn mặt của tượng vẫn còn những vết ố.

(Buddhist Door - December 8, 2012)

ẤN ĐỘ: Nghi thức tụng niệm kinh Phật tại Ladakh được thêm vào danh sách Di sản Văn hóa Phi vật thể của Liên hiệp quốc

Là một trong số 20 danh mục mới, nghi thức tụng kinh Phật giáo tại vùng Ladakh của Ấn Độ đã được Ủy ban Liên chính phủ (gồm 24 thành viên) của Liên Hiệp Quốc thêm vào danh sách Di sản Văn hóa Phi vật thể của Nhân loại.

Theo Ủy ban, việc tụng kinh tại Ladakh được chọn vì chư tăng tại các tu viện và làng mạc ở vùng này thể hiện tinh thần, triết lý và lời Phật dạy qua tụng niệm kinh kệ.

Các nhà sư vùng này mặc lễ phục và dùng các động tác của bàn tay và các nhạc khí khác nhau trong khi cầu nguyện cho hạnh phúc về tinh thần và đạo đức của mọi người, cho sự thanh khiết và an lạc, để xoa dịu sự thịnh nộ của ma quỷ hoặc để cầu xin chư Phật, chư Bồ tát, chư thần thánh.

(Buddhist Channel - December 9, 2012)



Tụng kinh Phật tại Ladakh - Photo: Yoshita Singh

THÁI LAN: Triển lãm tranh Phật giáo của họa sĩ Aree Kongpol tại Phuket

Phuket, Thái Lan – Nổi tiếng với các tranh sơn dầu về chủ đề Phật giáo, họa sĩ Aree Kongpol đang có cuộc triển lãm những tác phẩm nghệ thuật đẹp nhất của mình tại Phòng Trưng bày 111 trên đường Phang Nga, Phuket.

Nhiều họa sĩ địa phương đã tham dự lễ khai mạc triển lãm, diễn ra vào ngày 17-11-2012. Triển lãm bao gồm 23 tác phẩm: Tranh xưa nhất được vẽ vào năm 1998, và tranh mới nhất được hoàn thành vào đầu năm nay.

Aree là người dân Phuket, tốt nghiệp Khoa Hội họa của trường Đại học Prince of Songkhla tại Pattani.

Sau khi kết thúc việc học, Aree đi khắp vương quốc trong nhiều năm. Trong thời gian này, và sau khi trở về Phuket, ông từng vẽ “những bản sao” của các họa sĩ nổi tiếng từ khắp thế giới. Cuối cùng ông đã tìm được ‘cách’ của mình với nghệ thuật Phật giáo.

Ngoài tranh sơn dầu, Aree còn sáng tác các tác phẩm điêu khắc Phật giáo.

(Buddhist Art News – December 9, 2012)



Họa sĩ Aree và một tác phẩm điêu khắc Phật giáo của ông - Photo: Phuket News

SINGAPORE: Tòa nhà mới cho trường Cao đẳng Phật giáo Singapore

Trường Cao đẳng Phật giáo Singapore tọa lạc tại Tu viện Kong Meng San Phor Kark See ở Bishan sẽ có một tòa nhà mới vào năm 2014.

Cơ sở mới này tại tu viện sẽ bao gồm một thư viện, phòng máy tính và ký túc xá mới chứa được đến 200 sinh viên. Hiện nay, trường cao đẳng Phật học đầu

tiên của Singapore này chỉ có chỗ cho 80 sinh viên một lúc.

Lễ động thổ cho tòa nhà mới cũng như cho bãi đậu xe mới của tu viện đã được tổ chức vào ngày 5-12-2012 tại khuôn viên trường.

Bãi đậu xe mới, sẽ hoàn thành vào đầu năm 2014, sẽ tăng không gian đậu xe của tu viện từ 100 lên đến 270 chỗ.

(Mahabodi IP – December 10, 2012)

ẤN ĐỘ: Binh sĩ Vương quốc Anh sẽ thiền định tại cây Bồ đề ở Bồ đề Đạo tràng

Trong 12 tháng tới, tại bang Bihar ở miền đông Ấn Độ, hơn 4.000 binh sĩ quân đội Anh một mình vì chiến tranh sẽ loại bỏ căng thẳng qua thiền định dưới cây bồ đề linh thiêng tại Bồ đề Đạo tràng, nơi Đức Phật giác ngộ cách đây hơn 2.500 năm.

Các binh sĩ, tất cả đều là Phật tử thực hành, sẽ bắt đầu đến Bồ đề Đạo tràng vào tháng 1

-2013. Họ sẽ đến theo từng nhóm từ 100 đến 150 người, và sẽ trải qua một tuần tại địa điểm linh thiêng nhất của Phật giáo.

Họ đã từng trải nghiệm những cuộc chiến đấu kéo dài tại Iraq, Afghanistan hoặc ở cả 2 nước.

Các binh sĩ, trong đó có một số bị hội chứng chấn thương tâm lý, cũng sẽ có một ngày viếng Lộc Uyển, nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên.

Người tổ chức cuộc tham quan là Sumil Kumar Pintu, bộ trưởng du lịch bang Bihar, nói, “Chuyến thăm Bồ đề Đạo tràng và Lộc Uyển là nhằm mục đích mang lại sự an bình cho binh sĩ Anh sau những trải nghiệm của họ trên chiến trường”.

Ông Pintu cho biết bộ du lịch bang đã đạt được thỏa thuận với quân đội Anh thông qua một đại lý du lịch quốc tế tại Thị trường Du lịch Thế giới ở Luân Đôn vào tháng trước.

(Irishtimes.com – December 12, 2012)



4.000 binh sĩ Anh sẽ đến Bồ đề Đạo tràng để tham thiền từ tháng 1-2013



Bồ đề Đạo tràng
Photo: Giridhar Jha

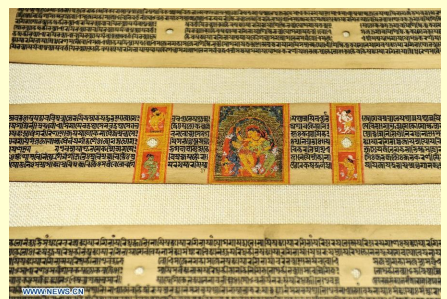
TÂY TẠNG: Bản thảo Lá cọ trên 1.000 năm tuổi của kinh Phật giáo

TIN ẢNH:

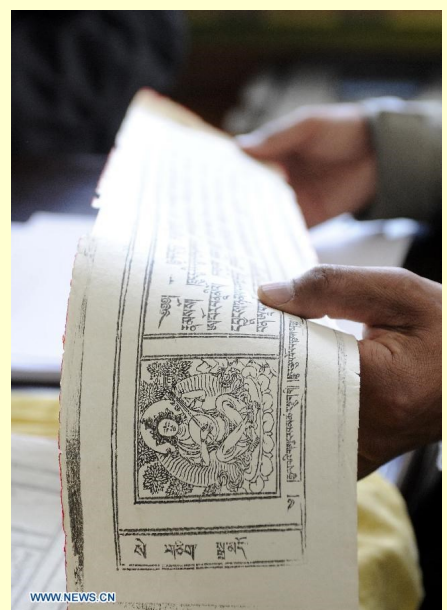
1/ Ảnh chụp những bản kinh Phật giáo viết trên lá cọ được bảo quản tốt tại thủ phủ Lhasa của Tây Tạng



2/ Việc viết kinh trên lá cọ bắt nguồn từ Ấn Độ và được truyền vào Tây Tạng, Trung Hoa cách đây hơn 1.000 năm, vào thời nhà Đường (618-907)



3/ Tranh minh họa ở trang trong của một bản kinh lá cọ



4/ Kinh lá cọ được lưu giữ trong các hộp gỗ trên các ngăn kệ



5/Các học giả nghiên cứu các Bản thảo Kinh Lá cọ của Phật giáo tại Lhasa



Photos: Chogo
(Buddhist Art News – December 15, 2012)

THÁI LAN: Triển lãm 1.500 năm nghệ thuật Phật giáo

Qua 190 tác phẩm từ các bảo tàng quốc gia Thái cũng như từ bộ sưu tập của Hội đồng Di sản Quốc gia, cuộc triển lãm mang tên 'Những con đường Giác ngộ: Nhiều dòng Phật giáo tại

Thái Lan' giới thiệu nghệ thuật Phật giáo 1.500 năm tuổi tại Thái Lan.

Triển lãm được tổ chức từ ngày 29-11-2012 đến 17-4-2013 tại Bảo tàng Các nền văn minh châu Á.

Đây là cuộc trưng bày một tập hợp của những đồ tạo tác, tác phẩm nghệ thuật và cả hàng dệt – không những cho thấy sự đa dạng của nghệ thuật mà còn là của nhiều sự ảnh hưởng vốn hình thành nó qua thời gian.

Một số tượng Phật trầm mặc được giới thiệu cùng với các đồ trang sức, tác phẩm điêu khắc, tranh, bùa hộ mệnh và hàng dệt may. Nhiều hiện vật gắn với truyền thuyết trong số này chưa từng được triển lãm bên ngoài đất nước Thái Lan.

(Mahabodi IP – December 16, 2012)



Triển lãm 'Những con đường Giác ngộ' tại Thái Lan - Photo: Mark Cheong

HOA KỲ: Phim tài liệu 'Chư Phật của Mes Aynak' (Afghanistan) của đạo diễn Brent E. Huffman

Phim 'Chư Phật của Mes Aynak' là câu chuyện của một cuộc chạy đua với thời gian. Đây là phim tài liệu theo chân một đội khảo cổ học quốc tế khi họ cố gắng lập tài liệu về thành phố Phật giáo cổ đại Mes Aynak của Afghanistan, trước khi nó bị hủy diệt trong tháng 12-2012.

Địa điểm này, được gọi là một trong những khám phá khảo cổ quan trọng nhất tại châu Á, sẽ bị phá hủy bởi MCC - công ty khai thác khoáng sản thuộc sở hữu của chính phủ Trung quốc - để khai thác mỏ đồng trị giá hơn 100 tỉ đô la, nằm ngay bên dưới các ngôi đền Phật giáo.

Phim 'Chư Phật của Mes Aynak' cũng sẽ tìm hiểu ý nghĩa văn hóa và lịch sử của tổ hợp Phật giáo Mes Aynak, và trình chiếu từng chi tiết sống động về cuộc

sống của chư tăng ni từng làm việc và thờ phượng tại đó ra sao.

Phim do đạo diễn Brent E. Huffman thực hiện. Ông là một đạo diễn, nhà văn, biên tập viên và nhà quay phim từng đoạt giải thưởng, và còn là một giảng viên tại trường Bảo chí Medill của Đại học Tây Bắc, Illinois (Hoa Kỳ).

(Buddhist Door – December 17, 2012)



Các tượng Phật tại Mes Aynak, Afghanistan - Photo: Buddhist Door

ANH: Hoạt động của Trung tâm Thiền Đất Phật tại Keighley

Gần đây, các tình nguyện viên đã sửa sang lại Trung tâm Thiền Đất Phật và Quán ăn Hòa bình Thế giới ở Lawkholme Crescent, Keighley (Yorkshire). Trung tâm đang mời mọi người đến dự các cuộc hội thảo và các sự kiện tại đây.

Được điều hành bởi các tình nguyện viên vì lợi ích và hạnh phúc của cộng đồng, trung tâm mở cửa cho mọi người của mọi tầng lớp và tín ngưỡng muốn học thiền, và nếu muốn, họ có thể tìm hiểu thêm về Phật giáo.

Các lớp thiền, các cuộc hội thảo nửa ngày và một ngày được tổ chức trong thiền phòng ở tầng một.

Trung tâm điều hành các lớp đêm thường xuyên tại các cộng đồng lân cận, cung cấp các dịch vụ công cộng, cũng như hoạt động hàng tháng về âm thực theo chủ đề quốc tế và đi bộ vì Hòa bình Thế giới.

Trung tâm có một phòng cộng đồng và Quán ăn Hòa bình Thế giới, được thành lập vào năm 2010.

(Buddhist Channel – December 18, 2012)

Trung tâm Đất Phật ở Keighley điều hành các lớp thiền tại khu Ikley lân cận

Photo: Wharfedale Observer

Mừng NGÀY VỀ NGUỒN VI

Ngày Về Nguồn Sáu ở Úc châu,
Ánh sáng từ bi thật nhiệm mầu,
Tôn đức Tăng ni đều có đủ,
Đồng bào Phật tử vẫn tín sâu.

Sáu kỳ tỏa sáng khắp thế giới,
Bốn biển vui vầy với năm châu,
Tụ họp mỗi năm hòa như thể,
Lo gì Chánh pháp chẳng bền lâu.

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ
TÍN NGHĨA

Adelaide, Quý thu Nhâm Thìn



MÃ LAI: Hội Phật giáo Subang Jaya tặng đồ dùng học tập cho học sinh nghèo

Sabang Jaya, Selangor – Ngày 16-12-2012, khoảng 500



học sinh kém may mắn trong khu vực đã được tặng cặp, văn phòng phẩm và giày do Hội Phật giáo Subang Jaya đóng góp.

Các em từ 10 trường Mã Lai, Tamil và Trung Hoa cùng với một số em khác từ các nhà thờ Hồi giáo, đền thờ và các hội người khuyết tật đã được trao quà. Ngoài ra còn có 60 học sinh từ SJK(C) Kheng Ming đến bằng xe buýt để nhận quà tặng.

Sáng kiến này là một phần của chương trình Chăm sóc Giáo dục của Hội Phật giáo này, nhằm giảm bớt gánh nặng của cha mẹ và bảo đảm rằng các em kém may mắn đều có những vật dụng thiết yếu để học tập trong năm tới.

James Khoo, chủ tịch tổ chức Chăm sóc Giáo dục, nói, "Đây là năm thứ 7 chúng tôi thực hiện chương trình này, và sự hưởng ứng là rất tốt, nhờ có các tín đồ và hội viên".

(Mahabodi IP – December 20, 2012)

HÀNH GIẢ NIỆM PHẬT

Thích Đức Trí

Từ xưa cho tới nay, giáo lý đạo Phật vẫn là kho tàng tri thức giải thoát khổ đau cho nhân loại. Pháp Phật dạy như liều thuốc quý trị bệnh phiền não của chúng sanh. Người tìm đến với giáo lý ấy như đi vào rừng rậm với vô số cây cỏ thuốc quý báu. Nếu chỉ ngấm nhìn thôi mà ra về thì không có thuốc để trị bệnh. Nếu chọn đúng thuốc mà uống mà chữa lành bệnh cho mình mới là người có trí tuệ. Phật dạy có nhiều pháp môn tu, một người tha thiết thoát ly sinh tử mà chọn pháp môn tu hành là điều vô cùng cần thiết. Pháp môn tu gắn liền với sinh mệnh giải thoát của chính mình thì cần thực hành siêng năng để đạt đến mục đích sau cùng. Người tu pháp môn niệm Phật cũng như thế, luôn tinh tấn học tập và thực hành mới đạt được kết quả. Người niệm Phật như thế gọi là hành giả niệm Phật. Một hành giả niệm Phật trước hết cần xác định mục đích, phương pháp và kết quả của sự tu niệm mới phát huy hết năng lực của chính mình.

Mục đích niệm Phật là xa rời tham sân si thành tựu tuệ giác ngộ và được sanh Tây Phương Cực Lạc. Nếu không như vậy thì tu học cũng như ngoại đạo tu mà thôi. Ngoại đạo gồm ai? Ngoại đạo không chỉ người khác tôn giáo mà còn chỉ chung cho những ai tu niệm ngoài mục đích giải thoát khổ đau sinh tử. Các pháp môn đều cần chuyên tâm. Như học thuật các môn thể gian, cầu hội tụ khí thần, luyện khí công và luyện nhân diện đều cần sự nhất tâm để đạt được mục đích riêng của họ.

Chúng ta tu niệm Phật, tụng kinh hằng ngày cần giữ tâm an định hướng đến nhất tâm. Cho nên, nhất tâm từ giai đoạn đầu tiên cho đến lúc thành Phật. Niệm Phật là phương pháp thực tiễn trong đời sống hằng ngày. Còn cầu sanh Tịnh độ là mục đích, vì đó là điều dụng vốn có. Nếu xem niệm Phật là quên hết đời sống hiện thực, đợi chết để sanh về Tịnh độ thì thật là đáng tiếc. Nhận thức Tịnh độ như thế là một sự sai lầm lớn. Chẳng khác nào đặt chiếc thuyền trên sa mạc rồi muốn thuyền chạy là điều vô lý.

Cảnh giới nhất tâm trong Tịnh độ là thể nhập với vũ trụ bao la. Tâm ấy bao gồm mọi hiện tượng tồn tại trong không gian và thời gian. Tâm ấy viên mãn, là cái thể của vạn vật, rộng lớn trùm khắp. Đó là cảnh giới của niệm Phật tam muội, tương ứng với

pháp thân chư Phật. Kinh dạy: “Như Phật, chúng sanh đồng. Phải biết Phật cùng tâm thể tánh đều vô tận” (1). Cái mà kinh Hoa Nghiêm nói là Tâm, Phật và chúng sanh cả ba đều không sai biệt. Hay nhà thiền nói, Tức tâm tức Phật (2) là cùng nói về phương diện bản thể của tâm.

Làm sao mà niệm Phật mau được nhất tâm? Trước hết, phải nhận thức được tâm và niệm. Nhà Phật thường nói rằng, một hơi thở vô và một hơi thở ra gọi là một niệm. “Vì một niệm như thế có 90 sát na, mỗi sát na có 900 lần sanh diệt. Trong Thành Thuyết Luận giải thích rằng: Sát na là thời gian rất ngắn, có muôn pháp sanh diệt, rồi từ sát na này đến sát na kia, các pháp cứ tiếp tục sanh và diệt mãi, như vậy gọi là sát na sanh diệt” (3). Cho nên niệm Phật nhất tâm, nhất tâm cho đến vô niệm. Vô niệm là thấy cái pháp đang sanh diệt. Chứng đắc niệm Phật tam muội là trực nhận cái tâm không sanh không diệt đó. Tâm đó gọi là Phật tâm. Tâm ấy tự tại trong sanh tử, chứ không phải cái tâm tạo nghiệp bị luân hồi. Khi chứng niệm Phật tam muội cầu sanh tịnh độ cũng được tự tại.

Bản tính vốn có của chúng ta là vô nhiễm. Nhưng do vô minh nên nhận cái giả cho là thật, nên gọi là vọng tâm. Vọng niệm và phiền não huân tập và biểu hiện tương tục trong từng sát na. Nó như dòng chảy đêm ngày cho đến kiếp này kiếp khác. Nó thành sức mạnh chi phối tâm chúng ta, như là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến và vô số phiền não khác từ tâm đó mà biến hóa ra. Cho nên nói một niệm có tám vạn bốn ngàn phiền não là nghĩa đó. Kinh dạy: “Chư Phật ba đời, quán đặc tính của pháp giới là do tâm tạo” (4). An lạc giải thoát cũng từ tâm này, khổ đau sanh tử cũng từ tâm này. Phật hay chúng sanh đều từ tâm này mà ra. Muốn chấm dứt dòng luân hồi vô tận ấy là phải dừng lại vọng tâm và trở về chơn tâm. Trở về bản thể thanh tịnh sáng suốt ấy gọi là tu.

Muốn thành tựu giải thoát không ngoài tâm. Tu các pháp môn là thấy rõ, thấy sâu tính chất sanh diệt các pháp trong từng sát na. Như vậy, khi niệm Phật còn biết mình niệm được bao nhiêu hạt châu là phương tiện nhắc nhở trở về với tâm mình. Nếu còn biết đếm là chưa đủ định lực nhiếp phục vọng niệm trong từ sát na sanh diệt ấy. Thậm chí niệm Phật còn có cảm giác, suy lường cũng chưa phải nhất tâm. Do vậy, niệm Phật đến nhất tâm bất loạn là dứt vọng niệm.

Tuy nhiên, khi an trú câu niệm Phật trong tâm, dầu bao nhiêu vọng niệm không cần quan tâm đối phó. Cũng như người đi đường nhắm mục đích mà bước đi vững chãi. Bao nhiêu người qua lại không bận tâm làm gì. Nhất hướng là giữ ý niệm mình



đang niệm Phật. Còn người qua lại là dụ khách phiền não hiện khởi không chướng ngại người niệm Phật. Niệm Phật không ngại vọng tưởng sanh khởi, không hoài nghi và phải tự tin mình nhất định vắng sanh. Tâm tánh chúng ta vốn không nhiễm loạn nay chỉ trở về thôi. Chúng ta lấy câu niệm Phật để về với tâm Phật. Hằng ngày mọi thời mọi lúc câu niệm Phật nhuộm ở trong tâm.

Khi tâm không chạy theo pháp sanh diệt trong từng sát na thì gọi là tịch diệt. Tâm không chạy theo niệm sanh diệt gọi là nhất tâm. Tâm không sanh phiền não ô nhiễm gọi là tâm tịch diệt. Cho nên kinh Niết Bàn nói: “Sanh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc” (5). Nghĩa là khi đã dứt cái tâm sanh diệt rồi thì có sự tịch diệt, sự yên lặng và an lạc giải thoát. Lạc ở đây là giải thoát mọi phiền não, sự an lạc ấy có mặt tại đây. Niệm Phật như thế gọi là đặc pháp lạc hiện tiền. Đó là nghĩa thù thắng thứ nhất của pháp niệm Phật.

Niệm Phật tam muội thành tựu công đức không thể nghĩ bàn. Tam muội lực là tâm chánh định. Chánh định này tương ứng tất cả các tam muội của Phật. Kinh dạy: “Ở một đức Phật mà niệm niệm nối nhau không gián đoạn, thì liền trong niệm ấy thấy được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại” (6). Đó là cảnh giới cao tột của Tâm giải thoát. Một hành giả niệm Phật là phải tự tại với mọi hoàn cảnh để bảo trì sự chuyển tâm niệm Phật. Các tổ sư niệm Phật tin tấn theo năm tháng mới có sự chứng đắc niệm Phật tam muội. Huống gì người mới thực tập mà mong muốn mau chứng đắc liền là khó. Thiền môn quy củ mục đích giúp chúng ta an trú trong pháp môn tu. Cho nên, hành giả tu tập là hạ quyết tâm mới xả li tất cả mọi chướng ngại để duy trì niệm Phật tại tâm. Chứng đắc niệm Phật tam muội là thể nhập vào bản thể của vạn Pháp, đó cũng là cái thể sáng suốt của Phật A Di Đà.

Chúng ta tu là chuyển hóa, từ nhiễm sang tịnh, từ loạn đến nhất tâm, từ phiền não chấp trước đến giác ngộ giải thoát. Các tập khí vô minh từ vô lượng kiếp chồng chất cần có sự niệm Phật nhất tâm, định lực thành khối bất động. Năng lực ấy như ngọn lửa nóng mới đốt sạch cỏ rác phiền não trong tâm nhanh chóng. Sự tu học giải đãi thì lâu dài mới có kết quả. Ví dụ như chúng ta cần đun một ấm nước. Nước chưa sôi mà rồi dập tắt lửa thì nước không sôi được. Nếu đốt lửa liên tục thì nước sẽ mau sôi. Cũng thế, niệm Phật liên tục trong mọi thời khắc thì mau đạt nhất tâm bất loạn.

Vậy thì tu niệm Phật khó không? Nếu muốn tu rồi thì rất dễ, càng tu thì càng bớt khổ nên nói là dễ tu. Vì tâm tánh chúng ta vốn là Phật, niệm Phật là con đường trở về tâm tánh ấy. Phật A Di Đà cũng là cái thể của tâm tánh sáng suốt. Chúng ta đi đứng nằm ngồi, mọi thời lúc cũng trong ánh sáng của Phật A Di Đà. Ánh sáng ấy không bao giờ gián đoạn với thời gian nên gọi là Vô Lượng Thọ. Nếu chúng ta có Tín, có Hành và có Nguyên hướng về Phật mà niệm thì ánh sáng chiếu soi tâm ta liên tục. Vì ánh sáng của Phật A Di Đà là bản thể của Tâm trùm khắp vũ trụ nên gọi là Vô Lượng Quang. Ánh sáng A Di Đà luôn hiện hữu trong từng hơi thở, trong trời đất vũ trụ và trong chúng ta. Cho nên niệm Phật nhất tâm bất loạn chứng đắc tam muội là thể nhập và năng lượng ánh sáng ấy. Trạng thái niệm Phật mà không còn niệm, không còn Phật để niệm. Bản chất tam muội ấy là không còn sai biệt giữa tâm và Phật. Nó xa rời có và không và không còn luận là Thiền hay là Tịnh.

Tâm Phật đang hiện hữu trong vũ trụ bao la. Cho

nên khi niệm Phật là hòa nhập được năng lực gia trì của Phật. A Di Đà tu vô lượng công đức là chánh báo, Tây Phương Cực lạc là y báo của Phật. Cực Lạc trang nghiêm thù thắng là cõi nước của Phật giáo hóa mọi chúng sanh. Cũng như con người có thể giới này, Phật A Di Đà có thể giới Cực Lạc. Thế giới này là cực khổ nhiều, thế giới của Phật thanh tịnh an lạc nên gọi là Cực Lạc. Chính vì lẽ đó mới nói rằng tu niệm Phật là gồm hai năng lực, đó là tự lực và tha lực. Tự lực là công phu tu hành của chúng ta, tha lực là tất cả chư Phật hộ niệm “Nhất thiết chư Phật sở hộ niệm” (7). Tu Tịnh độ ví như người chèo thuyền xuôi theo dòng nước thì rất nhanh. Đây là nghĩa thù thắng thứ hai của pháp môn niệm Phật.

Tóm lại, pháp môn niệm Phật là bao gồm mọi căn cơ trình độ con người. Ai tu cũng có phần lợi lạc hết, nhưng nếu nhận thức trọn vẹn phương pháp thì có kết quả rất to lớn. Nhưng dù tu bất cứ pháp môn nào cũng phải dựa trên ba môn Giới, Định và Tuệ làm nền tảng. Như lâu đài dù cao cho mấy cũng dựa trên mặt đất mới đứng vững. Vì niệm Phật là nhiếp thân, khẩu và ý đều thanh tịnh hợp nhất mới thành tựu. Giới, Định và Tuệ là lộ trình của tâm hướng tới mục đích chứng ngộ. Niệm Phật A Di Đà với Tín, Nguyên và Hạnh là hành trang chúng ta đi trên lộ trình đó. Một hành giả tu niệm Phật thành tựu thì được giải thoát tự tại và tùy nguyện vắng sanh. Đó là hai phương diện đặc thù vốn có trong pháp môn niệm Phật.

Chú thích:

- 1- Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Dạ Ma Cung, Tập 1, Tr. 661. HT Thích Trí Tịnh dịch
- 2- Mã Tổ Ngữ Lục, quyển 1, Nguyễn Nam Trân biên dịch
- 3- Đoàn Trung Còn, Phật học Từ điển, Tr. 726, 727
- 4- Kệ trong kinh Hoa Nghiêm, trích từ Kinh Nhật Tụng
- 5- Kinh Bát Chu Tam Muội, HT. Thích Minh Lễ dịch
- 6- Kinh A Di Đà, HT. Thích Trí Tịnh dịch
- 7- Sđd, Pháp thoại đầu-Tịch diệt, Tr. 13, Thích Nhất Hạnh.



TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

QUÁN NHƯ MỘNG

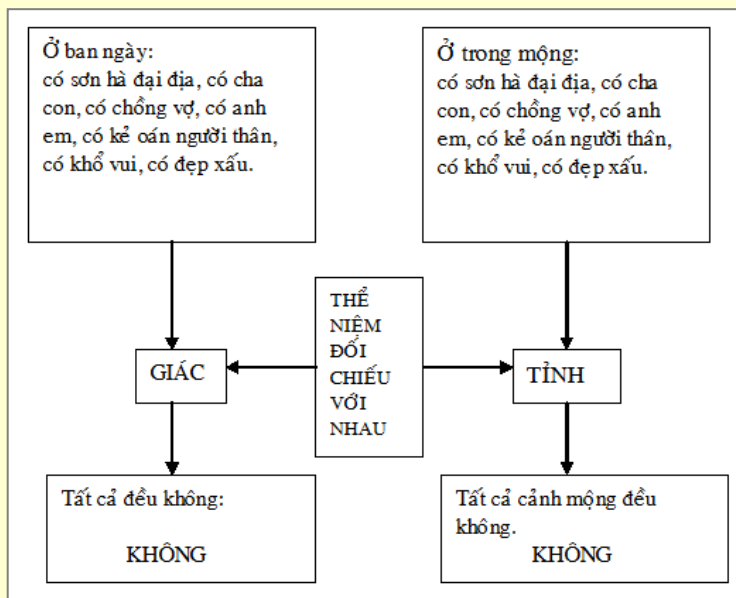
Tác giả: Cư sĩ LÝ NHẤT QUANG

Dịch giả: *Thích Thắng Hoan*

“Nhân sanh như mộng”, đây là điều suy nghĩ của người phàm phu thường than thở như thế! Cho đến người sống ở đời xem các pháp cũng giống như thế. Thật ra họ không biết làm cách nào từ trong mộng huyền có thể tỉnh trở lại được. Tại sao họ không biết? Nguyên vì họ không có lòng tin tông giáo và không có dày công tu dưỡng, lại chưa từng học Phật, lẽ đương nhiên không biết ý nghĩa của chữ “Phật”. Còn chúng ta bình thường cũng chỉ có thể căn cứ trên mặt chữ nghĩa để tìm ra một giải đáp: “Phật nghĩa là giác ngộ, giác ngộ lý chân thật của các pháp và phân biệt một cách rõ ràng.” Giải thích như thế nói chung cũng vẫn không thể minh bạch được một cách cứu cánh của nó. Thế thì do nguyên nhân gì? Nguyên nhân chính là anh chưa thành Phật, tôi cũng chưa thành Phật và mọi người đều chưa thành Phật. Chúng ta đều không có kinh nghiệm (tức hiện lượng) của sự thành Phật. Chúng ta đã hành động không ra ngoài hiện lượng và dùng hiện lượng để thuyết minh hình như cũng khó mà nhập môn, chỉ căn cứ nơi tỷ lượng để lý giải ý nghĩa của chữ Phật đấy thôi. Trong các tình trạng chung, mọi người dường như chỉ sử dụng mộng mơ làm tỷ lượng để so sánh cho thích hợp. Điều đặc biệt mọi người trong mộng mơ lại có một hạng kinh nghiệm, xin quán sát bản đồ sau đây sẽ thấy tình trạng một đối một với nhau giữa trong mộng và ban ngày: (Xem bản đồ thứ nhất).

BAN NGÀY

TRONG MỘNG



Ở trong mộng, có sơn hà đại địa, có cha con, có chồng vợ, có anh em, có kẻ oán người thân, có khổ vui, có đẹp xấu và khi đã tỉnh mộng, cảnh mộng thấy đều không. Còn ở ban ngày, chỗ giống nhau với cảnh mộng là: cũng có sơn hà đại địa, có cha con, có

chồng vợ, có anh em, có kẻ oán người thân, có khổ vui, có đẹp xấu và khi đã giác ngộ, tất cả cũng đều không. Ngay lúc giác ngộ tất cả đều không, cho đến mọi người cũng vẫn là không và họ không bao giờ sanh trở lại. Vấn đề đây nhất định ai cũng nghi vấn, ngay cả chính mình cũng giống nhau là khó tin tưởng. Tại sao thế? Liền trả lời rằng: tại anh chưa giác ngộ, tôi cũng chưa giác ngộ, đối với vấn đề giác ngộ thì lại bối ngỡ, mọi người đều không có kinh nghiệm về vấn đề giác ngộ này. Cho nên chúng ta chỉ có cách đem toàn bộ của tất cả ban ngày trở lại quán sát trong mộng thì nhận thấy tất cả mọi vật ban ngày cũng giống như cảnh mộng và khi tỉnh mộng cũng tức là giác ngộ. Nhờ đem thế giới hiện thật đây mà lãnh hội được cảnh mộng và ngay khi tỉnh mộng tất cả đạo lý đều không; nhờ lãnh hội được cảnh mộng mới có thể giác ngộ được tất cả mọi thứ cảnh giới thấy nghe thấy đều do nơi Thức biến hiện.

Cũng từ nơi đây tiến thêm một bước, giải thích sâu thêm một chút. Nơi luận Đại Thừa Khởi Tín giải thích: “Tất cả các pháp đều nương nơi vọng niệm mà có sai biệt; nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của tất cả pháp.” Ý đây nói rằng, tất cả hình sắc sắc tướng ngày của chúng ta đều do chúng ta vọng niệm sanh khởi, giả sử đem vọng niệm trừ khử đi thì tất cả cảnh giới của các pháp cũng không có, gọi là Không, cũng tức là đạt đến cảnh giới của Phật. Như thế xin lập lại lần nữa, chỉ cần đem vọng niệm tẩy trừ cho tiêu mất thì tất cả đều không. Nhưng trên thực tế, chúng ta luôn luôn hiểu rằng khó dùng đức tin nhận xét để trừ khử vọng niệm trở thành chân thật được; nó cũng không có quan hệ với kinh nghiệm (hiện lượng). Ở đây chỉ có thể từ nơi tỷ lượng trong mộng mà quán sát, đương nhiên chỗ tốt nhất là chúng ta khi ngủ trên giường bỗng nhiên giác mộng phát khởi, liền xuất hiện các thứ cảnh giới; những cảnh giới đây sanh khởi như thế nào? Chúng nó đích thực là do vọng tưởng sanh khởi. Giả sử vọng tưởng đem trừ khử đi thì cảnh mộng kia tức khắc tiêu mất không còn dấu vết. Cho đến mộng kia cũng không còn. Những cảnh giới ở ban ngày cũng giống đạo lý này, những vọng tưởng ở ban ngày nếu trừ khử đi thì tất cả đều giống nhau là không.

Nói đến đạo lý trên, theo Phật học thường dùng những gì trong mộng để tỷ lượng? Nguyên nhân mộng là hư huyền mà ai cũng đều biết; tất cả sự vật vật trong thế gian cũng là hư huyền không thật. Cuối cùng chúng nó như thế nào cũng đều là mộng. Đối với vấn đề này, chúng ta chỉ vì ở trong mê mất đi bản tánh của mình, cho nên rất khó hiểu biết được. Giờ đây, trước hết đem ý nghĩa hai chữ thế gian hơi giống để trình bày:

Ý nghĩa của Thế Gian chính là biến đổi lưu chuyển vô thường, là hư vọng giả dối không thật, có thể chế phục được nó, có thể phá hoại đoạn diệt được nó; các pháp bị đoạn vào trong cõi này gọi là thế gian. Vô thường nghĩa là tất cả sự vật trong thế gian, do ở trong thời gian và ở trong không gian biến đổi lưu chuyển không ngừng. Còn không thật nghĩa là tất cả vật chất phân tích đến cùng cực, rốt cuộc không đạt được thật thể đơn thuần của chúng. Nhon vì vô thường cho nên có thể chế ngự, nhon vì không thật cho nên có thể đoạn diệt. Nhưng có chỗ cho rằng tất cả pháp thế gian là giả tướng do tâm biến hiện. Giả tướng phân làm hai loại:

- Một là “Giả tướng liên tục”: nghĩa là dụ như điện ảnh và một đốm hỏa châu chuyển biến thành hình vòng, vấn đề này biết rất rõ là do giả tướng



liên tục hình thành.

- Hai là "Giả tướng hòa hợp": nghĩa là giống như trong Hóa Học có 90 thứ nguyên tố hòa hợp mà thành các hình sắc, các thứ vật chất trong thế gian, mỗi nguyên tố lại do các hạt trong điện tử, v.v... hòa hợp lại thành. Nhưng điện tử lại không phải đơn thể, cho nên chung cuộc không tìm được thật thể của nó. Vật chất là như thế, thân thể vật chất của chúng ta cũng giống như thế.

Còn tinh thần thì cũng biến chuyển giống như trên, cũng buồn, giận, mừng, vui không có nhất định. Cho nên tất cả đều biến chuyển hư vọng không thật, so với cảnh mộng lại cũng có hai thứ như thế nào? Hãy suy nghĩ lần nữa để xem, ngày hôm qua tụ tập, ngày nay an trụ nơi chỗ nào? Có chỗ nói rằng: "Hôm nay giấc ngộ đôi khi không phải hôm qua". Từ đó có thể biết thêm "Hôm nay giấc ngộ đã không phải thì vị lai cũng không phải."

Chúng ta đã biết rõ những lý do trên, từ đó có thể dùng nó để giải thích rất nhiều ý nghĩa của Kinh văn:

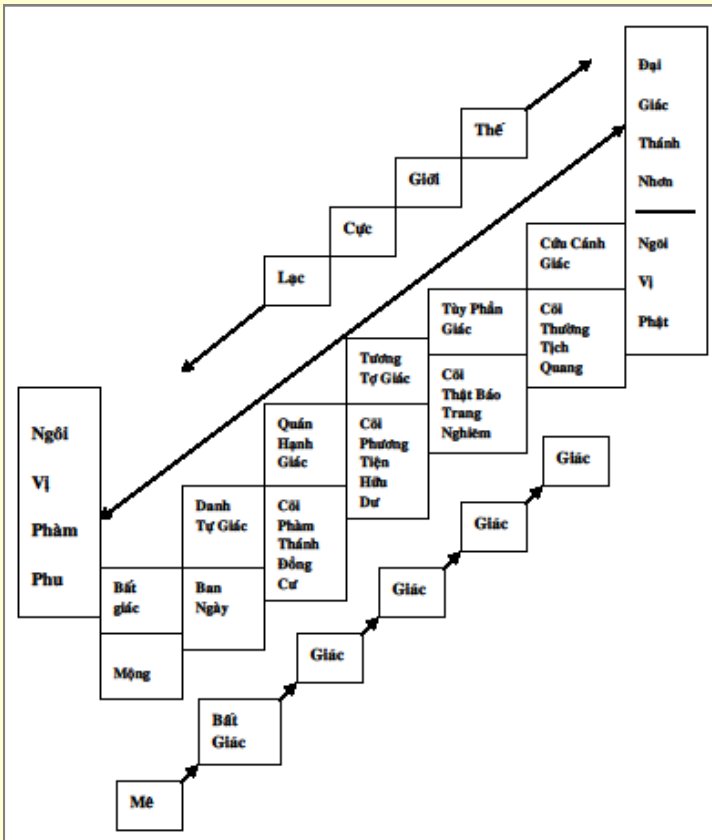
1.- Cảnh giới của Niết Bàn: Có người cho rằng cảnh giới của Niết Bàn không thể trình bày; tại sao thế? Nguyên vì mọi người đều ở trong mê, lại còn ở trong mộng, phát ra những lời nói đều là ngôn ngữ mộng, đã ngôn ngữ mộng thì mỗi mỗi lời nói không có chỗ chứng đắc. Liên bảo Niết Bàn là chỗ không sanh không diệt, nói như thế có nghĩa là chúng ta hoàn toàn không có thể nghiệm sâu sắc đến cảnh giới chân thật của Niết Bàn, nguyên vì chúng ta thiếu sót kinh nghiệm (hiện lượng) của Niết Bàn. Giờ đây chúng ta sử dụng giấc mộng để giải thích: ở trong mộng có sanh tử, có khổ vui, có lo mừng, khi tỉnh mộng thì tất cả đều không. Cho nên trong quá trình của nhơn sanh, chỗ giống nhau cũng có sanh tử, có khổ vui, có lo mừng, lại cũng có các thứ cảnh giới đối đãi; còn đề cập đến cảnh giới Niết Bàn thì không sanh không tử. Vì thế mới cho rằng cảnh giới Niết Bàn thì hoàn toàn tịch tịnh và tròn sáng, không có vấn đề tử sanh. Chỉ có từ nơi mộng và tỉnh là chỗ nhiều lần tư duy, nhờ đó thể nghiệm được tình trạng tướng tượng của cảnh giới Niết Bàn, nơi đó không có vấn đề buồn lo và cũng không vui mừng. Như trên đã nói khi mộng thì có vấn đề buồn lo và vui mừng,

còn khi tỉnh mộng thì sao lại có vấn đề buồn lo và vui mừng được? Cảnh giới Niết Bàn thì cũng giống như thế, nghĩa là cũng giống như trường hợp tỉnh mộng.

2.- Kinh Kim Cang nói rằng: "... như thế chúng sanh vô lượng, vô số, vô biên được diệt độ, thật không có chúng sanh được diệt độ. Tại sao thế? Nay ông Tu Bồ Đề, Bồ Tát nếu như có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không phải Bồ Tát." Xin giải thích yếu nghĩa của đoạn kinh văn đây, trước hết đem chúng sanh vô lượng, vô số, vô biên và tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả quy về từ trong cảnh mộng mà suy cứu. Ở trong cảnh mộng tất cả đều tồn tại, nhưng đến khi chúng ta tỉnh mộng, lập tức biết rõ tất cả đều không chỉ giả hiện không thật. Do đó nói rằng ngay khi ở ban ngày chúng ta thấy được chúng sanh vô lượng vô số vô biên đáng độ và thấy được sự sai biệt của ngã nhơn chúng sanh thọ giả, nhưng đến khi chúng ta giác ngộ thì tất cả cũng là không. Cho nên Bồ Tát nếu như còn dùng tâm phân biệt thấy chúng sanh đáng được độ và còn phân biệt ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả thì Bồ Tát như thế còn ở trong mộng, còn mê chấp sự lý, lẽ đương nhiên không phải là Bồ Tát.

3.- Kinh Kim Cang cũng nói rằng: "Bồ Tát ở nơi pháp, nên dùng vô trụ mà thật hành việc bố thí. Chỗ gọi là không trụ nơi sắc để bố thí, không trụ nơi tinh, hương, vị, xúc, pháp để bố thí... Lý này trước hết nói đến một công án. Lúc đầu Lương Võ Đế tạo lập cửu năm trước một ngôi chùa, mười trước một cái am, độ tăng ni vô số, có người hỏi Tổ sư Đạt Ma có công đức không? Tổ sư Đạt Ma đáp: "Hoàn toàn không có công đức!" Lương Võ Đế tạo lập tự viện am đường nhiều như thế làm gì không có công đức? Người thường hiểu biết chung cho lời nói không thông. Giả sử những việc làm đích thật của Lương Võ Đế nếu như đem vào trong cảnh mộng để suy cứu thì chỗ tạo lập tự viện am đường trong cảnh mộng, nếu như được lợi ích đi nữa cũng là ở trong cảnh mộng, chỗ làm việc thiện cũng vẫn là việc thiện trong mộng; đến khi giác ngộ thì tất cả đều không. Xin nói lại thế này, làm thiện là mộng, làm ác cũng là mộng, nhất định có người lãnh hội lời nói này bảo rằng: dứt khoát không làm gì cả là không tốt hay sao? Kỳ thật khi nói đến câu thoại đầu này, người đó vẫn ở trong cảnh mộng và lời nói của họ cũng vẫn là lời nói mộng và việc làm mộng của họ vẫn tiếp tục không dứt; việc mộng vẫn làm chỉ là ác mộng, thống khổ lại càng thống khổ, cố nhiên phải nói việc tốt mới là yếu tố. Những yếu tố việc tốt để làm là (lục độ, vạn hạnh) cần phải dùng vô trụ thì mới không bị hội nhập một thứ hiện tượng trụ vào mê giống như mộng và nhờ đó đạt đến được chỗ thanh tịnh (giác) và ngay lúc đó có thể thành Phật.

4.- Kinh Kim Cang nói rằng: "*Phàm chỗ có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng không phải tướng tức là thấy Như Lai.*" Nếu so với trong Kinh A Di Đà nương theo tướng cầu sanh Tịnh Độ, như thế không phải là mâu thuẫn sao? Câu hỏi đây cho biết quý vị đã ở một góc độ nào đó để nhìn, giả sử quý vị đứng ở góc độ nơi ngôi vị Phật (Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tất cả đều không, tức là chỗ thấy các tướng không phải tướng) để nhìn xuống thì thấy, (Như đồ hình trình bày) thế giới Cực Lạc lại ở trong mộng tốt; nhân vì trong cõi đó đã có sẵn ao bầy báu, nước tám công đức, các thứ trang nghiêm tồn tại, những hiện tượng đầy đủ là tướng và đã có tướng thì cũng thuộc về mộng cả.



(Chú thích: ở trong Tập Tịnh Độ của Đại sư Ngẫu Ich giải thích: Căn cứ nơi tương đối mà luận người sinh hoạt nơi cõi ta bà thì mộng càng thêm, người cầu sanh Tịnh Độ khi tỉnh mộng cũng vậy, nhưng không thể không cầu sanh. Còn căn cứ nơi tuyệt đối mà luận, hoặc là nghiệp cảm hoặc là ác mộng nơi ba cõi, nếu niệm Phật để sanh nơi Tịnh Độ thì cũng thuộc về mộng tốt, nhưng không thể không cầu sanh.)

Ngược lại nếu quý vị đứng ở góc độ nơi ngôi vị phàm phu để nhìn lên thì thấy (Như đồ hình trình bày), nơi thể giới Cực Lạc chính là vị trí của giác ngộ. Thế giới đó có những vị trí giác ngộ như sau: có vị trí mang danh Quán Hạnh Giác là cõi Phàm Thánh Đồng Cư đã thành tựu vắng sanh, có vị trí mang danh Tương Tợ Giác là cõi Phương Tiện Hữu Dư đã thành tựu vắng sanh, có vị trí mang danh Tùy Phần Giác là cõi Thất Bảo Trang Nghiêm đã thành tựu có thể vắng sanh, có vị trí mang danh Cứu Cánh Giác là cõi Thường Tịch Quang đã thành tựu liền được vắng sanh. Nói chung là giác ngộ có rộng, có hẹp, có sâu, có cạn, vị trí gần Phật gọi là Đại Giác, cho nên đức Phật được xưng là Thánh Thân Đại Giác. Giác ngộ có lớn có nhỏ cũng chính là chỉ cho ý chí hoạt động có rộng lớn có nhỏ hẹp của chúng ta. Ở nơi điểm này chúng ta cũng có thể dùng lại vấn đề mộng để suy cứu ý chí tự tại của thể giới Cực Lạc; chúng ta ban đêm đang nằm mộng lại còn bị mê rất nặng, cho nên gặp phải khổ đau rất nhiều (tức là bị ác mộng thường xảy ra). Nguyên do ý chí không chịu chúng ta chỉ phôi, ý thể thống khổ đàn áp trùng trùng. Nhưng khi ban ngày trở lại là trạng thái tỉnh giấc, ý chí hoạt động của chúng ta đã được tự do tương đối và nhờ đó một số lạc thú cũng có kết quả khá nhiều. Căn cứ theo những yếu tố đây, chúng ta có thể suy cứu mà biết được thể giới Cực Lạc đã đạt đến địa vị giác

ngô, cho nên ý chí hoạt động ở nơi đó cũng được tự tại một số. Đúng như trong Kinh đã nói, muốn mặc thì được mặc, muốn ăn thì được ăn, lời nói quyết định không hư dối.

5.- Chúng ta cũng có thể dựa theo đồ hình đã trình bày ở trên mà quán sát để tăng thêm tin sâu nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc, nghĩa là chúng ta nhờ nguyên lý này có thể vắng sanh Tịnh Độ: Trong Tịnh Độ, căn cứ trình độ mê ngộ phân làm bốn cõi: cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Bảo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang. Chúng sanh vắng sanh nơi cõi Phạm Thánh Đồng Cư thì không biết tình hình nơi ba cõi trên; chúng sanh được sanh nơi cõi Phương Tiện Hữu Dư thì không biết tình hình nơi hai cõi trên, nhưng có thể biết nơi cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Còn hai cõi kia cũng dùng cách suy cứu đây để phân loại. Chúng ta suy luận phân tích sự quan hệ các thứ tình hình nơi bốn cõi Tịnh Độ vừa kể, cũng chỉ là lý luận suông mà không có kinh nghiệm, nguyên vì chúng ta chưa vắng sanh Tịnh Độ, sự hiểu biết tổng quát nơi bốn cõi Tịnh Độ nói trên cũng không đủ điều kiện để có thể tin sâu được. Chúng ta hôm nay chỉ còn phương pháp duy nhất là dùng cảnh giới mộng đối chiếu cảnh giới lúc tỉnh mộng để so sánh. Quý vị và tôi hiện tại đều sống ở trong cảnh giới mê hoặc (mặc dù ban ngày), hoàn toàn không biết chút nào về bốn thế giới Cực Lạc kia, chỉ biết được tất cả tình hình cơ sở đang sống trong cảnh mộng; cũng thế chúng ta khi ở trong cảnh mộng thì đối với cảnh giới lúc tỉnh mộng đều không biết chi cả. Nếu quả thật con người khi ở trong cảnh mộng mà có thể biết được cảnh giới lúc tỉnh mộng thế là họ tức khắc tỉnh lại ngay và lúc đó cảnh mộng cũng lập tức tiêu mất; cho nên con người một khi đã giác ngộ thì cũng tức đã tỉnh mộng. Lý lẽ này so sánh với cảnh giới chúng ta đang sống thì cũng giống nhau, như: chúng ta hôm nay đang ở đây cho là sống trong thế giới chân thật (hiện đang ở ban ngày), cảm nhận cái vui ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thụ) trôi buộc, mê hoặc bản tánh chúng ta, sống mơ hồ giống như ở trong mộng và cũng không biết rõ có thể giới Cực Lạc hiện hữu tồn tại bên kia. Giả sử chúng ta nếu quả thật biết rõ có thể giới Cực Lạc bên kia thì liền khi đó chúng ta luôn luôn lúc nào cũng không mê mất tánh giác này (chỉ cho thế giới Cực Lạc), và ngay lập tức liền sanh Tịnh Độ mà không phải đợi đến một niệm lúc lâm chung. Nếu vậy có người lãnh hội hỏi rằng: hiện tại chúng ta không phải đã giác ngộ biết có thể giới Cực Lạc hiện hữu tồn tại sao? Và tại sao chúng ta không thể lập tức vắng sanh? Thật ra chúng ta hiện tại chỉ giác ngộ qua nói năng nơi trong miệng mà thôi, (như miệng nói đến lửa, nhưng lửa đó không đốt cháy được), còn trong tâm thì chưa giác ngộ, tâm và miệng cả hai hoàn toàn không hoà hợp nhau. (Tâm và miệng giả như hoà hợp nhau, khi miệng nói đến lửa thì lửa đó có thể đốt cháy được). Đúng vậy lời nói giác ngộ ở trong miệng không khác nhau với lời nói ở trong mộng, vì thế mộng vẫn y như cũ tiếp tục xuất hiện. Cho nên chúng ta nhất định phải phát nguyện xa lìa năm thứ dục để được sanh vào nước Cực Lạc, chúng ta cần phải thường xuyên tập luyện không cho mê mất tánh giác (tức là niệm Phật) thì tâm và miệng mới có thể hoà hợp nhau, đồng thời thế giới Cực Lạc hiện tiền liền được bước vào.

(xem tiếp trang 70)



Đời giả tạo

Chen chúc nhau chi giữa chợ đời
Bôn ba danh lợi giọt sương rơi
Phong trần xám mặt bao canh liêu
Tóc điểm hoa râm mấy lớp người
Gác tía lầu son tuồng ảo mộng
Công hầu khanh tướng hỉ trường nơi
Thieu thân lắm kẻ lao đầu mồi
Rốt cuộc còn chi, phui hết rồi... !!!

THẮNG HOAN

Về đi thôi

Kẻ từ hun hút
cõi mê
Bỗng nghe sâu thẳm gọi
Về đi thôi!
Lòng xao xuyến
dạ bồi hồi
Cảm thương lưu lạc
bao đời điêu linh
Ra vào
trong cuộc tử sinh
Giật mình tỉnh giấc
nghe mình xót xa
Đôi con mắt
giọt lệ sa
Máu tim thổn thức
xuân ca gọi mời
Về đi thôi
Về đi thôi
Mùa xuân miền viễn
chờ người
chung vui.

CÁT TƯỜNG

Đêm Cầu Nguyện

Đốt nến đêm nay để nguyện cầu
Quan Âm Bồ-tát nguyện thâm sâu
Từ bi thương xót ra tay giúp
Cứu vớt muôn loài bớt khổ đau

Đốt nến đêm nay để nguyện cầu
Đèn tâm chiếu tỏa bóng đêm thâu
Voi đi sâu muợn hằng muợn kiếp
Ánh đạo bừng lên sáng nhiệm mầu

Đốt nến đêm nay để nguyện cầu
Oan khiên nghiệp chướng kể từ lâu
Đêm nay chiếu sáng đèn tâm hiện
Xóa sạch oan khiên lũy kiếp nào

Đốt nến đêm nay để nguyện cầu
Bão giông lũ lụt hãy qua mau
Thôi đừng thêm nữa dân đang khổ
Chiếu đất màn trời cánh xót đau

Đốt nến đêm nay để nguyện cầu
Muôn loài sinh sống bất cứ đâu
Cơm ăn áo mặc thường no đủ
Tật bịnh tiêu trừ nghiệp bớt sâu

Đốt nến đêm nay để nguyện cầu
Thanh bình thế giới khắp năm châu
Chiến tranh thù hận đừng vây bủa
Hết thấy muôn loài thương mến nhau

Đốt nến đêm nay để nguyện cầu
Cho lòng đất mẹ mãi bền lâu
Thiên tai động đất không còn nữa
Suối tuệ từ bi mãi dạt dào.

TRÚC NGUYÊN



TƯ TƯỞNG

CÚNG PHẬT

*Thích nữ Trí Hải**(Phỏng theo một đoạn văn đáp trong kinh "Di Lan Đà vấn"
- Milinda-panha)*

Vua Di Lan Đà hỏi:

- Đức Phật đã nhập Niết bàn có nhận những sự cung kính cúng dường hay không? Nếu Ngài có nhận thì chứng tỏ Ngài chưa giải thoát, vẫn còn quanh quẩn đâu đó trong ba cõi. Nếu Ngài không nhận, thì sự cung kính cúng dường Ngài thật vô ích.

Na Tiên đáp:

- Đức Phật là Đấng giải thoát hoàn toàn. Ngay khi Ngài còn ngồi dưới cội Bồ đề, còn thân hữu dư, Ngài đã không cần đến sự cung kính cúng dường, hưởng chỉ sau khi Ngài đã nhập Vô Dư Niết bàn. Nhưng chính vì để làm phước điền cho thế gian, mà khi còn tại thế, Ngài đã thụ nhận những sự cung kính cúng dường tuy Ngài không cần đến. Những người cúng dường nhờ đó được phước đức lớn. Sau khi nhập Niết bàn cũng vậy, mặc dù Ngài không nhận, nhưng những kẻ cúng dường cung kính Ngài vẫn được phước báo lớn do nhân lành ấy.

Vua Di Lan Đà hỏi:

- Những lời Tôn giả nói chỉ thuyết phục được các tỳ kheo đệ tử Phật mà thôi. Như con đề cao cha, trò đề cao thầy, không đủ thuyết phục người ngoài. Xin hãy nêu những bằng chứng cụ thể, khách quan thì trăm mới tin được.

Na Tiên tỳ kheo:

- Đại vương, Đại vương có nghĩ rằng đất bằng lòng nhận những gì ta gieo xuống đất hay không?

- Bạch Tôn giả, không! Nhưng đất làm môi trường cho hạt nảy mầm, đơm hoa kết trái.

- Cũng vậy, Đại vương. Tuy Đức Thế tôn không nhận sự cung kính cúng dường, người ta vẫn gặt hái kết quả của sự cung kính do nhân duyên cung kính cúng dường Phật.

Và này Đại vương, những con súc vật hay con người, có nhận cho những con vi trùng ở trong thân mình đục khoét cơ thể hay không?

- Không, thưa Tôn giả.

- Thế thì tại sao chúng vẫn bị vi trùng đục khoét?

- Ấy là do từ lâu xa, chúng đã tạo những điều kiện, những môi trường cho vi trùng sinh trưởng, do ác nghiệp của chúng.

- Cũng vậy đối với thiện nghiệp cúng dường cung kính, mặc dù Phật không nhận, vẫn có quả báo tốt đẹp. Và này Đại vương, Đại vương có nghe chuyện con quỷ Nalaka bị đất chôn sống không?

- Bạch Tôn giả, có nghe.

- Vì sao quỷ bị chôn sống?

- Bạch Tôn giả vì quỷ Nalaka xúc phạm đến trưởng lão Xá Lợi Phất lúc Ngài đang nhập định.

- Thế thì trưởng lão Xá Lợi Phất có chấp nhận cái việc đất chôn sống quỷ Nalaka không?

- Bạch Tôn giả, không! Nhưng do ác nghiệp của quỷ mà quỷ tự rước lấy quả báo.

- Cũng vậy, này Đại vương, mặc dù đức Như lai không nhận sự cung kính cúng dường, nhưng do thiện nghiệp cúng dường của chúng sanh, sẽ tự có quả báo tốt đẹp.

- Hay thay, thưa Tôn giả, ngoại đạo sẽ nhờ những ví dụ cụ thể của Tôn giả mà tiêu tan những thành kiến trong vấn đề này.

THÂN PHẬN
NHỮNG CON CỜ*Lê Bích Sơn*

Quá nửa đời người anh mới nghiệm ra bao điều thú vị từ những bàn cờ Tướng: trò chơi những con cờ được điều động bởi hai kẻ đấu trí với nhau. Để đạt được mục đích: bên này thì con Tốt để bắt con Xe; bên kia đem con Tượng cản con Mã; bên mạnh dùng con Pháo đàn áp đối phương; bên yếu 'hy sinh' con Sĩ để bảo vệ con Tượng... Những thế cờ liên tiếp tung ra, những con cờ im lặng di chuyển cho đến khi tàn cuộc.

Đau đớn biết bao nếu một ngày nào đó chợt nhận ra rằng: Ta đâu khác thân phận những con cờ!

*North Carolina mùa Đông 2012**Nến và Hoa**thơ*

*Thắp lên một ngọn nến
Lặng lẽ chung trà pha
Nến hồng hoa hồng nở
Một bình minh chan hòa.*

*Hoa hồng có tàn nở
Buồn vui cũng thoảng qua
Dòng tâm thức biến hiện
Tịnh Cư thiên thật à!*

*Lệ nến rơi giọt giọt
Nỗi sầu rơi rụng rơi
Thắp trong tim ngọn lửa
Sống hồn nhiên với đời.*

*Quán tâm như dòng nước
Thọ, tướng... bọt bóng trôi
Khó vui trong một niệm
Khúc tâm ca tặng đời.*

MẶC KHÔNG TỬ



TƯỜNG NIỆM ÂN SƯ

*Dâng nén tâm hương kính tưởng Thầy
Người đang an ngự cảnh phương Tây
Cảm thông chứng chiếu lòng con trẻ
Tâm sự nhớ thương mãi đọng đây.*

*Dại nguyện độ sanh mượn báo thân
Một đóa Hoa Sen giữa cõi trần
Thử thách truân chuyên đời ngũ trược
Ngọc sáng trong ngần vẹn chơn Tâm.*

*Đôi mắt thăm sâu, nét dịu hiền
Vĩ Đạo, vì Đời mãi không yên
Như ánh Hải Đăng, sao Bắc đẩu
Soi tỏ hành trình khách hữu duyên.*

*Trái tim rộng mở trọn yêu thương
Thế sự hỗn mang, dọn mở đường
Lao lý, tù đày, không chùn bước
Cội tùng trước gió chịu phong sương.*

*Ngài vốn chuyên tu, dịch Sách Kinh
Pháp nạn Sáu Ba (1963) phải biểu tình
Bỏ Tát vào đời khai phương tiện
Tiếp chúng vượt qua nổi bất bình.*

*Nguyên Thiệu Phật Học Viện thành hình
Cưu mang giáo dưỡng Tăng Ni sinh
Tươi tằm mầm xanh cho Đạo Pháp
Đầy đủ tài năng nối bước mình.*

*Chăm lo Phật Học Viện Nha Trang (Hải Đức)
Thừa kế phát huy Ánh Đạo Vàng
Khuyến thỉnh giảng sư đi hóa độ
Pháp âm khắp nẻo dọi ngân vang.*

*Ngài gìn Giáo Hội lễ thường chân
Thế lực vô minh đủ thành phần
Ép theo Đảng phái, theo Mặt trận
Không nghe, cam chịu họa vương thân.*

*Linh Mục Nhâm Thân năm chín hai (1992)
Đệ Tam Tăng Thống gửi trao Ngài
Ấn tín, niềm tin và tâm an
Phụng Đạo, độ đời, giải ách tai, ...*

*Yêu sách chín điểm gửi thế quyền
Cầm cân nảy mực cho chính chuyên*



*Thế nhưng chức trách không phục thiện
Bao cảnh trái ngang diễn liên miên.*

*Ngài trong quần thú, cảnh buộc ràng
Thông điệp của Người mãi ngân vang
Ánh sáng soi đường hàng Tứ Chúng
Siêu việt thời gian với không gian.*

*Thế - Giáo nhập nhằng, cảnh rối ren
Mượn Đạo, tạo đời lắm bon chen
Nay còn đâu nữa Ngài Tăng Thống
Trong cảnh u minh, tỏ ngọn đèn? !*

*Nhớ tưởng Ân Sư, niệm thâm tình
Phước duyên hầu cận thuở bình sinh
Gương sáng, lời vàng luôn nhắc nhở
Cho con đi trọn kiếp nhân sinh.*

*Bánh Ít còn lưu dấu Tôn Sư
Sông Côn rào rạc nhắc tên Người
Gió kể chuyện xưa... Bỏ Tát hiện
Nguyên Thiệu mạch sống mãi xanh tươi.*

**Nam Mô tự Lâm Tế chánh tông tứ
thập nhất thế, Nguyên Thiệu Tu Viện
Khai Sơn Phương Trượng, Việt Nam
Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội Đệ
Tứ Tăng Thống, hựu thượng Như hạ
An, tự Giải Hòa, hiệu Huyền Quang
Đại Lão Hòa Thượng Tôn Sư Giác
linh thù từ chứng giám.**

Thiền Viện Chân Không, Cali, 14/11/2012

Học trò: **THÍCH MINH TUỆ**

**PHÁI ĐOÀN ĐẠI DIỆN GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
PHÚNG VIẾNG GIÁC LINH ĐLHT THÍCH HỘ GIÁC (14.12.2012)**



Ngày 14-12-2012, Hòa thượng Chủ tịch đang viết lưu niệm vào Sổ tang



Hòa thượng Chủ tịch và chư Tôn Đức GHPGVNTN Hoa Kỳ



nhaphuan.net



**Hội đồng Lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ
chụp hình lưu niệm với chư Tôn đức Môn đồ Pháp quyền**



CỔ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG
THƯỢNG HỒ HÀ GIÁC
(1928 - 2012)

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH**

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Kính gửi: Chư tôn Giáo phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, Chư tôn đức Giáo hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam, cùng môn đồ pháp quyến của Đại lão Hòa thượng tân viên tịch

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Giáo Hội chúng tôi vừa được tin Đại Lão Hòa Thượng THÍCH HỘ GIÁC, Tăng Thống Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam, nguyên Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN-Hoa Kỳ, Viện chủ Chùa Pháp Luân, thành phố Houston, Texas, đã thân thần thị tịch vào lúc 6 giờ 20 phút sáng ngày thứ Tư, ngày 05 tháng 12 năm 2012, trụ thế 86 năm, 66 hạ lạp.

Phái đoàn đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ sẽ thân lâm phúng viếng và đánh lễ Giác linh Đại lão Hòa thượng tân viên tịch tại Chùa Pháp Luân vào những ngày sắp tới.

Xin thay mặt Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, đốt nén tâm hương tưởng niệm Đại Lão Hòa Thượng, nguyên cầu Giác Linh cao đẳng Phật quốc; đồng thời thành kính phân ưu cùng chư tôn thiên đức quý Giáo hội và môn đồ pháp quyến của Cổ Đại lão Hòa thượng tân viên tịch.

Nam mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Thành kính phân ưu,
California, ngày 06 tháng 12 năm 2012,
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ tịch,
(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

LỜI CẢM NIỆM ĐỌC TRƯỚC KIM QUAN Đại Lão Hòa Thượng THÍCH HỘ GIÁC

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Giác linh Đại lão Hòa thượng,

Thế cuộc phù vân mộng ảo, ai trong chúng ta cũng đều thấu suốt. Vậy mà khi nghe tin Người nằm xuống, lòng không khỏi buồn ngủi, cảm tiếc. Từ các nơi xa cùng tụ về, thấp nén hương thơm, gửi tấm lòng theo lệ nền hoa tang.

Lão bệnh vô thường, ai rồi cũng phải trải nghiệm. Lòng những mong một lần tương kiến, vẫn an, mà đường mây với vợ xa cách. Thoạt khi tương ngộ, đã là hai nẻo phân ly. Giờ này quỳ trước linh đài, lời cạn không đủ bày tỏ ; chỉ xin một phút tưởng niệm, ôn lại hành trạng của bậc trưởng thượng cao tăng:

Trên 60 năm tận tụy con đường hoằng pháp: giảng dạy, phiên dịch, trước tác, văn tài rộ nở từng trang nếp Đạo ; ôn hòa, dung dị đường ấy mà có khi phải trải thân trong hiểm nguy bức nạn để bảo vệ màu cờ năm sắc; có lúc phải dẫn mình nơi chốn khói lửa để an lòng những người con Phật nơi tuyến đầu binh đao.

Xa quê hương, giữ đạo mầu, cùng pháp lữ triển khai lộ trình hợp nhất, khiến đạo vàng truyền rộng năm châu; một bóng y vàng, dung hợp cả hai truyền thống Nam-Bắc; một thân già yếu, canh cánh cả đời chí nguyện độ sanh.

Ngôn ngữ từ bi, hành xử hòa ái, giữ đạo tình giữa pháp hữu gần-xa. Đường chông gai đồng tâm lướt khỏi ; nẻo hoạn nạn chung sức vượt qua. Nhân duyên tụ-tán là lẽ thường. Đường hoằng truyền có khi chia nhiều lối, nhưng chí nguyện ban đầu thì chỉ một mà thôi.

*Nụ cười nhẹ xua tan đại mộng,
Bánh xe Pháp vẫn xoay ngàn đời,
Hộ giáo công hạnh nay đã mãn,
Giác lộ thân thành vượt trùng khơi.
Xếp lại trăm năm đời hư huyền,
Mở ra một cõi đạo chân thường,
Bách kiếp thiên sanh tình pháp lữ,
Giải thoát Không môn, nguyện tương phùng.*

Thành kính đánh lễ Giác Linh Đại Lão Hòa Thượng,
thùy từ chứng giám.

Thay mặt HĐĐH GHPGVNTN Hoa Kỳ

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

BẢN-THỂ-CỦA-PHẬT

Daisetz Teitaro Suzuki
Hoang Phong chuyển ngữ

Lời giới thiệu của người dịch:

Bản-thể-của-Phật còn gọi là Như Lai Tạng, Phật Tính, Pháp Giới, Chân Như... (tiếng Phạn là Tathagatagarbha), là một khái niệm quan trọng của Đại Thừa Phật Giáo. Tathagatagarbha được ghép từ hai chữ Tathagata và garbha: Tathagata có nghĩa là như thể, Đức Phật thường tự xưng mình chỉ là như thể, hiện ra nơi đây là như thể, dịch ra tiếng Hán là Như Lai; chữ garbha có nghĩa từ chương là "nguyên nhân" hay "bên trong" (của một thứ gì đó)..., tiếng Hán dịch là chủng tử. Vậy Tathagatagarbha hay Bản-thể-của-Phật mang một ý nghĩa như thế nào trong Phật Giáo?

Dưới đây là một bài viết ngắn của thiền sư Daisetz Teitaro Suzuki (1870-1966) giải thích về Bản-thể-của-Phật. Giới thiệu đông dài về D.T. Suzuki có lẽ cũng bằng thừa, bởi vì hầu hết những ai đã từng dày công học Phật cũng đều biết đến ông, người đã mang thiền học Zen vào thế giới Tây Phương trong tiền bán thế kỷ XX. Bài viết này được tìm thấy trong tập san France-Asie, số đặc biệt với chủ đề Phật Giáo, được phát hành tại Sài-gòn năm 1959. Số đặc biệt này đã góp nhặt các bài viết của một số các học giả Phật Giáo lỗi lạc nhất thế giới vào thời bấy giờ. Số báo này được tái bản tại Pháp lần thứ nhất năm 1987 và lần thứ hai năm 2008. Gọi là một số báo đặc biệt thế nhưng thật ra đây lại là một quyển sách đồ sộ mang tựa đề là "Présence du Bouddhisme" ("Sự Hiện Diện của Phật Giáo"). Lần tái bản thứ hai chỉ giữ lại phần giáo lý thế mà cũng đã dày gần 600 trang chữ nhỏ.

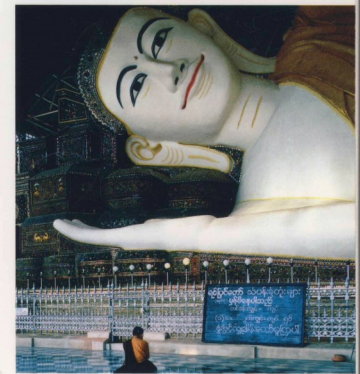
Người dịch xin mạn phép ghép thêm một vài ghi chú nhỏ với hy vọng có thể giúp người đọc dễ theo dõi bản gốc hơn. Các lời ghi chú này được trình bày bằng chữ nghiêng và đặt trong hai dấu ngoặc.

Nếu quý vị yêu cầu tôi giải thích thế nào là "biển-cổ-Ngô" (satori-événement / event-satori / Satori là tiếng Nhật và cũng là một thuật ngữ đặc thù của thiền học Zen. Chữ Satori có thể tạm dịch là "Ngộ", sự "tỉnh giác", sự "quán thấy sâu xa" hay sự nhận thức được "Bản-thể-của-Phật") và đồng thời cũng muốn biết thêm "thể-dạng-Ngô" (satori-état / satori-state) và "biển-cổ-Ngô" khác nhau như thế nào, thì tôi sẽ xin giải thích với quý vị như thế này: toàn thể mọi người trong chúng ta, không ngoại trừ một ai, kể cả các chúng sinh hàm chứa tri thức và giác cảm, tất cả đều ở trong thể dạng Ngô. Tất cả chúng ta đều ở trong thể dạng đó, thế nhưng chúng ta không ý thức được sự kiện này mà thôi. Chúng ta nào có để ý đến bầu không khí bao bọc chung quanh địa cầu; chỉ khi nào gió thổi khiến cho không khí chuyển động thì khi đó chúng ta mới ý thức được sự hiện diện của nó. Sở dĩ chúng ta không hề nghĩ đến sự hiện diện của không khí là vì trước đây nó bất động và ở trong thể dạng ngưng nghỉ (chúng ta luôn ở trong Hiện Thực tức là thể-dạng-Ngô, thế nhưng

Sous la direction de

René de Berval

Présence du Bouddhisme



tel gallimard

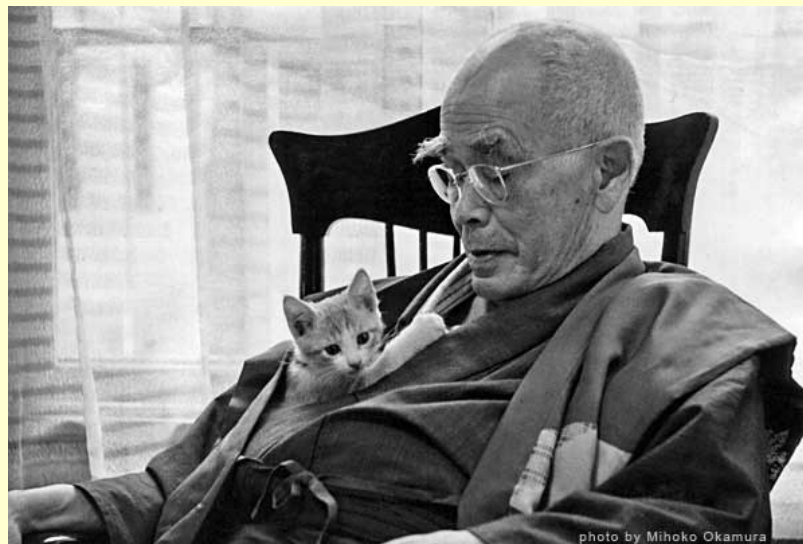
Bìa quyển sách "Sự Hiện Diện của Phật Giáo"

(Hình pho tượng Phật Nằm ở Pagu, Miến Điện, thế kỷ thứ X, Xin lưu ý bóng dáng bé tí của một nhà sư ngồi bên dưới để so sánh với kích thước khổng lồ của pho tượng.

Tuy Đức Phật đã tịch diệt hơn hai mươi lăm thế kỷ, thế nhưng sự hiện diện của Ngài luôn vẫn còn đó và hiện ra thật to lớn trước mặt nhà sư nhỏ bé cùng tất cả chúng ta hôm nay, và đây cũng là ý nghĩa của tâm ảnh bìa quyển sách)

chúng ta không hề ý thức được sự kiện hay thể dạng đó. Phải nhờ vào một biến cố nào đó xảy ra thì khi ấy chúng ta mới ý thức được là mình đang "sống" trong Hiện Thực). Dòng luân lưu hay sự chuyển động ấy, nếu tôi có thể nói như thế, chính là "biển-cổ-Ngô". Khi tất cả mọi sự đều ngưng nghỉ (đỉnh chỉ, không chuyển động) thì chúng ta sẽ ở trong thể dạng Ngô (thế nhưng chúng ta lại không ý thức được sự kiện đó). Chỉ khi nào có một chuyển động tâm thần đặc biệt xảy ra thì khi đó "biển-cổ-Ngô" mới có thể phát sinh. Biển cổ ấy tất nhiên không phải là một biến cố thông thường. Nó chỉ xảy đến với một người nào đó, trong một bối cảnh nào đó, và phải cần đến một sự chuẩn bị từ trước (phải tu tập và phát huy sự chú tâm cần thiết).

Chúng ta hãy cứ nhìn vào tấm gương của Đức Phật. Ngài từ bỏ lạc thú phàm tục, tìm vào rừng để suy nghiệm triết học dưới sự chỉ dạy của các vị thầy uyên bác nhất thời bấy giờ. Thế nhưng những gì Đức Phật nghiệm ngấm bằng cách dựa vào lý trí thì hoàn toàn chỉ mang tính cách trí thức. Sự tìm tòi đó không hề giúp Ngài quán thấy được bản chất của Hiện Thực. Vì vậy Ngài không thể nào tin tưởng hoàn toàn vào các phương pháp biện luận triết học. Thế là Ngài lại phải trở vào rừng thêm một lần nữa, và mục đích lần này là để luyện tập bằng cách hành xác. Có thể Ngài đã suy nghĩ rằng khi nào còn quan tâm quá đáng đến các đòi hỏi của thân xác thì khi đó tâm thần sẽ còn bị xao động và tách rời ra khỏi các mục tiêu mà nó mong cầu. Tình trạng hoang mang ấy tất sẽ khiến cho tâm thức không sao thực hiện được các chủ đích của chính nó. Đây có thể là lý do đã khiến cho Đức Phật quyết định giảm thiểu tối đa các nhu cầu vật chất: ngủ thật ít, ăn thật ít, giữ tư thế ngồi yên và triển miến lắng sâu vào thiền định. Thế nhưng cách luyện tập ấy cũng vẫn chưa làm cho Ngài hài lòng, bởi vì khi các nhu cầu vật chất bị giảm xuống thì sức khoẻ cũng theo đó mà ngày càng kém đi. Ngài kiệt lực và không còn đứng lên được nữa. Chỉ khi nào sự sinh tồn được bảo vệ thì khi đó con người mới có thể tìm thấy được sự Thực Hiện (*Giác Ngộ*) và sự toại nguyện vẹn toàn (*Sự Giải Thoát*); đây là lý do cho thấy tại sao con người lại cần phải có một sức khoẻ thật tốt. Nếu cố tình cắt giảm bớt đi các nhu cầu tối thiểu giúp cho sự sống tồn tại, thì tất nhiên sẽ khó lòng mang lại các điều kiện cần thiết như trên đây. Đức Phật bắt đầu ăn uống trở lại. Thế nhưng ước nguyện phải đạt được một cái gì đó vẫn còn nguyên trong lòng Ngài. Thật sự ra thì Ngài cũng không ý thức được rõ rệt điều ước nguyện ấy là gì, Ngài chỉ hiểu rằng có một niềm khát vọng nào đó trong lòng. Sự suy tư mang tính cách trí thức tỏ ra quá nặng nề, phép luyện tập bằng cách hành xác cũng chẳng khác hơn. Khát vọng của Ngài vẫn còn nguyên vẹn, không một chút phai nhạt. Ngài cảm thấy một nỗi lo âu thật sâu kín phát sinh trong lòng mình bởi vì sự biện luận trí thức cũng như phép luyện tập hành xác cả hai đều không thể giúp cho niềm khát vọng của Ngài bớt đi sự ray rứt. Ngài cũng chẳng biết phải làm gì nữa. Không còn một phương cách nào khác để giúp Ngài tìm ra một lối thoát. Ngài bèn quyết định loại bỏ phương pháp biện luận trí thức vì đây chỉ là cách bày ra một trò đối tác giữa chủ thể và đối tượng, và cái trò đối tác đó sẽ chẳng bao giờ có thể mang lại thể dạng an bình trong tâm thức được. Nếu chúng ta tự ép buộc mình phải trở thành một con người đạo đức toàn vẹn thì đây cũng chỉ là cách tạo ra một sự phân tách: phía bên này là người ước mong đạt được sự vẹn toàn đạo đức (*với tư cách là chủ thể*), và phía bên kia là chính sự vẹn toàn ấy (*tức là đối tượng*). Chính vì thế nên sự vẹn toàn đó sẽ chẳng bao giờ có thể đạt được, bởi vì chưa kịp đạt được một cấp bậc nào đó, thì tức khắc lại hiện ra một cấp bậc khác cao hơn, hướng vào một sự vẹn toàn khác lý tưởng hơn. Do đó chúng ta sẽ chẳng bao giờ có thể trở thành hoàn hảo được. Khi vẫn còn sự tách rời giữa người tìm kiếm sự vẹn toàn và chính sự vẹn toàn ấy thì mục đích tối hậu sẽ chẳng bao giờ có thể đạt được. Một khi mà sự chia đôi Hiện Thực ra thành hai thành phần đối nghịch nhau vẫn chưa loại bỏ được – tức là tình trạng phân tách giữa chủ thể và đối tượng, một bên là người suy nghĩ về một thứ gì đó và bên kia là chính thứ ấy, hay nói cách khác là giữa người nêu



Daisetz Teitaro Suzuki (1870—1966)

lên câu hỏi và chính câu hỏi của người ấy, vẫn còn nguyên - thì khi đó sự phân tách ấy sẽ vẫn còn tiếp tục ngăn chặn sự Thực Hiện (*Giác Ngộ*).

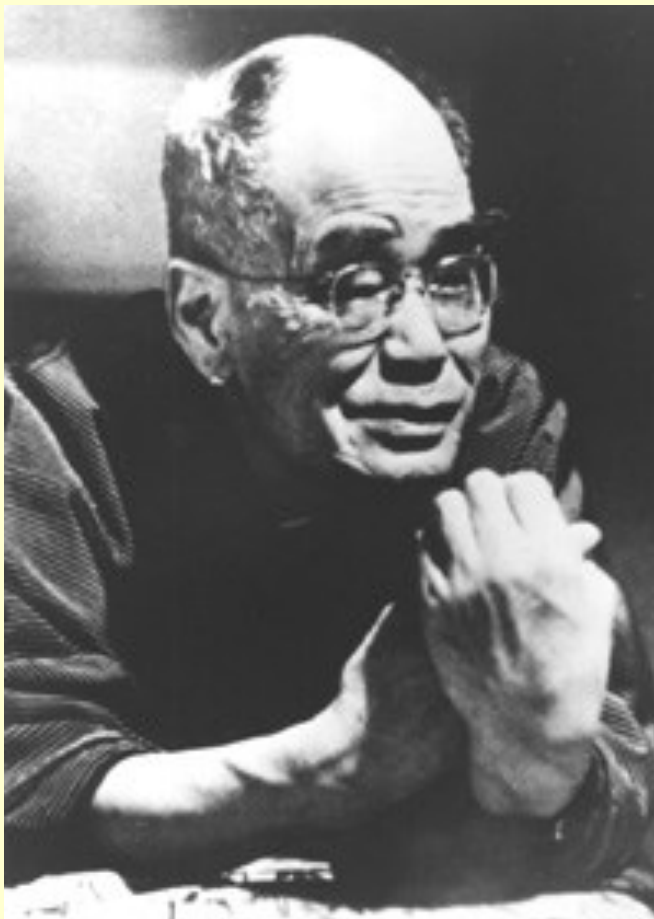
Tất nhiên là những gì trình bày trên đây đều dựa vào lý luận. Thế nhưng Đức Phật thì lại không lý luận, Ngài chỉ đơn giản cảm nhận được một điều gì đó thật ray rứt trong lòng mình mà chính Ngài cũng không hiểu được bản chất của nó là gì. Ngài cảm thấy vô cùng tuyệt vọng. Người Thiên Chúa Giáo vẫn thường hay thốt lên: "Khi đã mất hết hy vọng thì chỉ còn phó mặc cho Trời". Đây là cách mà họ tách rời Trời ra khỏi con người; và chính vì thế nên họ đành phải thốt lên những lời tuyệt vọng và chỉ còn biết giao phó cho Trời. Thế nhưng người Phật Giáo chúng ta thì lại suy ngẫm về mọi sự vật dưới một khía cạnh khác hơn: chúng ta không hề quan tâm đến thể giới hiện tượng. Thật vậy Đức Phật không đánh mất thì giờ vào cách suy luận đại loại như thế. Ngài chỉ cảm thấy một niềm khát vọng muốn đạt được một cái gì đó và niềm khát vọng ấy luôn ray rứt trong lòng mình. Khi nào cảm tính khát khao ấy hiện ra thì người ta cũng sẽ vượt thoát khỏi thể dạng tri thức thông thường và vượt lên trên sự tương đối. Đức Phật dồn tất cả sức chú tâm của mình vào niềm khát vọng ấy đến độ Ngài đã hòa nhập vào việc tìm hiểu nó và để rồi trở thành chính nó. Ngài không còn tách rời ra khỏi nó nữa (*để trở thành chủ thể và đối tượng*) và cũng không còn cảm thấy khao khát nữa: Ngài đã trở thành MỘT với nó. Những gì Ngài suy tư đã trở thành chính Ngài, không còn phải là những thứ tư duy của Ngài như trước đây nữa (*Ngài trở thành chính sự Giác Ngộ và sự Giác Ngộ cũng đã trở thành chính Ngài*).

Tất nhiên là Đức Phật không suy nghĩ theo như cách tôi vừa trình bày trên đây; bởi vì đây là những gì do tôi tự bình giải và diễn đạt ra như thế. Khi nào thể dạng (*nhất nguyên*) ấy hiện ra thì tư duy cũng sẽ đạt được một sự đồng nhất, một vị thế thăng bằng nào đó, một cách chính xác hơn là quán nhận được bản thể tự nhiên của thực tại (*réalité de nature / reality by nature / từ bản chất hay là bản tính tự nhiên là như thế*). Chữ "thăng bằng" gián tiếp nói lên sự đa dạng của mọi sự vật và sự hài hòa của chúng (*khi nào trông thấy các hiện tượng chuyển động hài hòa và không xáo trộn thì có thể tạm gọi như là một sự thăng bằng*), thế nhưng đối với trường hợp quán thấy trên đây của Đức Phật thì chữ "thăng bằng" không mang ý nghĩa như thế, mà đúng hơn là một thứ bản chất tự tại [*của mọi hiện tượng*]. Ngoài ra

thì chữ "nhận diện" cũng không phải là một từ thích hợp cho lắm khi muốn nói rằng các vật thể này được "nhận diện" (*identified / xác định hay được nhận biết...*) khác hơn với các vật thể khác. Theo quan điểm của Đức Phật thì không có một sự khác biệt nào giữa sự tìm kiếm và đối tượng của sự tìm kiếm. Ngài lắng sâu vào một thể dạng nhất thể tuyệt đối. (Nêu lên các thuật ngữ như "sự đồng nhất của tư duy", "sự thanh thoát hoàn toàn của tâm thức" hay thể dạng "sambhodi" (*sự tỉnh giác hay giác ngộ*), thì cũng chỉ là một cách giải thích thuộc lãnh vực tâm lý học mà thôi - lời giải thích thêm của tác giả). Dù sao thì cũng phải xảy ra một biến cố gọi là *Satori* (*Ngộ*) thì thể dạng (*nhất thể*) ấy mới có thể thực hiện được. Sự "*giác ngộ*" nhờ đó cũng sẽ hiển lộ - như là một sự chuyển động đặc biệt gọi là "biến-cổ-Ngộ" (*satori-event*) hay "kinh-nghiệm-cảm-nhận-Ngộ" (*satori-experience*), dù rằng thể dạng nhận biết (*identification / nhận diện, xác định...*) ấy còn tùy thuộc vào mỗi người trong chúng ta. Khi biến cố ấy xảy ra thì chúng ta cũng sẽ nhận biết được rằng mình đang ở trong thể dạng Ngộ ấy. Chính vì thế nên người ta đã thuật lại rằng khi Đức Phật đạt được kinh nghiệm cảm nhận trên đây thì Ngài cũng đã biểu lộ sự kinh ngạc của mình khi nhận thấy rằng tất cả mọi sự vật đều hàm chứa bản-thể-của-Phật - thật sự là tất cả, bởi vì bản thể ấy không nhất thiết chỉ là gia tài riêng của các chúng sinh có giác cảm mà còn hàm chứa trong đất đá và cả các vật thể khác trong thế giới, không ngoại trừ bất cứ thứ gì. Tất cả đều là Phật, thế nhưng chỉ vì các vật thể không tự ý thức được cái bản thể đó của chúng mà thôi. Đây chẳng qua chỉ vì chúng không thể tạo ra được "biến-cổ-Ngộ" giúp chúng ý thức được sự kiện đó (*chỉ có con người là có thể bừng tỉnh nhờ vào "biến-cổ-Ngộ" mang lại từ sự tu tập của chính mình để nhận ra rằng kẻ hung ác, người hiền lành, kẻ tham lam, người rộng lượng, kẻ xấu xí, người xinh đẹp... tất cả đều là chính mình; xúc cảm hay tư duy trong tâm thức cũng là chính mình; đất đá, cây cỏ, một áng mây lững lơ trên bầu trời, một làn gió thoảng xuyên qua cành lá hay một âm thanh vang vọng trong không gian cũng đều là những biểu hiện của chính mình. Sự bừng tỉnh đó sẽ giúp chúng ta thực hiện được "thể-dạng-Ngộ" và quán thấy được bản thể của chư Phật và của cả chính mình*).

Có một người đệ tử hỏi Thầy mình như sau: "*Thế con có hàm chứa bản-thể-của-Phật hay không?*". Vị Thầy tức khắc trả lời ngay: "*Không, mi không hề hàm chứa bản-thể-của-Phật*". Người đệ tử hỏi vặn lại: "*Con nghe nói rằng tất cả mọi thứ đều hàm chứa bản-thể-của-Phật kia mà... Tại sao con lại không có?*" Vị Thầy lại trả lời tiếp như sau: "*Côn trùng, súc vật, đất đá..., tất cả đều hàm chứa bản-thể-của-Phật - chỉ trừ có mi là không có*". Người đệ tử tỏ vẻ lo âu: "*Thế thì tại sao con lại không có?*" Vị Thầy bèn giải thích như sau: "*Chỉ vì mi đã nêu lên câu hỏi*" (*nêu lên thắc mắc trong đầu là cách tự tách rời mình ra khỏi sự thắc mắc của chính mình, tức là tự tạo ra chủ thể và đối tượng, nói cách khác là tự tách rời mình ra khỏi hiện thực*). Thắc mắc của người đệ tử đã cho thấy rằng người ấy không thấu triệt được một cách thật ý thức rằng chính mình đang hàm chứa sẵn Bản-thể-của-Phật (*vì cứ tưởng rằng bản-thể-của-Phật là một thứ gì đó khác với mình*). Sự ý thức hay giác ngộ ấy là một sự kiện vô cùng quan trọng, và nó cũng chỉ có thể xảy đến với con người mà thôi. Vì thế chúng ta cũng có thể bảo rằng tất cả mọi sự vật, kể cả vật chất, đều hàm

chứa bản-thể-của-Phật, thế nhưng cần phải là một con người mới cảm nhận được cái bản thể ấy.



Daisetz Teitaro Suzuki (1870—1966)

Vài lời ghi chú của người dịch

Với một văn phong giản dị, ngắn gọn và quen thuộc, D.T. Suzuki đã tóm lược thật khúc triết và khéo léo ý nghĩa của một khái niệm có thể nói là chủ yếu và then chốt nhất của Đại Thừa Phật Giáo, nhất là đối với Thiền Tông và Kim Cương Thừa. Nếu cho rằng Bản-thể-của-Phật hiện hữu nơi tất cả chúng sinh và mọi vật thể trong thế giới thì đây có phải là một sự nghịch lý đối với một khái niệm vô cùng quan trọng khác của Đạo Pháp là "tánh không tuyệt đối và tối thượng" của tất cả mọi hiện tượng hay không? Dù sao thì thắc mắc này cũng có vẻ chính đáng. Vậy chúng ta thử tìm hiểu xem hai khái niệm "tánh không" và "Bản-thể-của-Phật" có mâu thuẫn với nhau hay không hay đây chỉ là một sự "bổ túc" cho nhau?

(xem tiếp trang 68)

Sáng & Cháy

Đêm cong như một sợi cung
Bắn tôi vùn vút sang khung cửa ngày
Ngu ngơ vốc ngọn lửa
Đi miết mãi vào đêm sáng và cháy!

Mưa thời gian

Tóc chín màu thời gian của tuổi
Mắt chớm buồn bịn rịn nhân gian
Em cô giáo – dang vòng tay đợi
Mưa thời gian bằng bạc tóc chiều

Thấp Tĩnh độ

Một mình đối diện với đêm
Được nghe lòng lắng bên thềm thế nhân
Đêm xanh nhen biếc nụ mầm
Ta thấp tĩnh độ cho tâm rạng ngời

Chung thủy

Áo rách vai có kim chỉ vá
Rách tấm lòng ai vá được chẳng?
Lòng chung thủy một đời không ngã
Trâu cây đời hạnh phúc trăm năm

Chuông

Chùa xưa ngủ dưới thông ngàn
Sương mai tụ cánh hoa vàng điểm trang
Chuông đồng tiểu động ngân vang
Con chim sâu nhỏ bằng hoàng đứng im

Nhân nghĩa

Nỗi buồn làm chín cả chiều
Niềm vui nhen một chút phiêu diêu ngày
Chỉ lòng nhân nghĩa trao tay
Thế gian quấy một gánh đầy an vui.

NGUYỄN NGUYỄN AN

Chớm đông

Mắt em giờ đã buông rèm
Câu thơ ai đã cũ mềm thời gian
Cơn gió lạnh buốt đông sang
Vườn tao ngộ cũng mơ màng khói sương.

Thu đi còn đọng chút hương
Loang trong gió đủ để hường đôi môi
Dòng sông tím lục bình trôi
Hoàng hôn lẫn khuất bên đồi cỏ mây.

Đông về xao xác lá lay
Tìm nơi ẩn trú chim bay ngút ngàn
Mây lang thang gió lang thang
Riêng tôi gói mảnh trăng vàng ngủ quên.

HÀN LONG AN

thơ

Thân nặng ủa

Cô liêu ta xanh rờn sương tù ngục
Bụi thời gian phủ nặng mắt giang hồ
Ta lạc bước mỗi tìm nơi tá túc
Cõi tình em nhẹ hều tựa hư vô

Hoang vu ta cảnh đời khô trốc gốc
Thân lãng du mộng mị tấp xa giòng
Đêm từng đêm lạ lòng ta thức giấc
Nghe một trời nặng ủa rọi thỉnh không.

PHÙ DU



BƯỚC THIỀN IN DẤU NON THIÊNG

Huệ Trân

Dân tộc Ấn Độ có vị Hoàng Tử rời cung vàng điện ngọc, khoác áo sa-môn, lang thang sống đời khổ hạnh quyết tìm ra con đường cứu khổ muôn loài.

Đạo Giác Ngộ đó, đến nay, đã hai mươi sáu thế kỷ, vẫn là đuốc soi đường cho chúng sanh vượt thoát vòng luân hồi khổ đau, đạt tới cõi vô sinh bất diệt.

Dân tộc Việt Nam có vị vua, khi ngự trên ngai vàng, đã làm tròn sứ mạng đánh đuổi ngoại xâm, giữ gìn bờ cõi; khi nước thịnh dân an mới nhường ngôi cho Thái Tử, một mình chống gậy trúc lên núi Yên Tử, từng phút từng giây trực diện với Phật trong tâm. Chính nơi hang động thâm u trên non thiêng Yên Tử đó Ngài đã chứng đắc và khai sáng dòng thiền Trúc Lâm mang nét đặc thù của văn hóa con Rồng cháu Lạc.

Dòng thiền ấy, đến nay, đã ngót bảy trăm năm, ngày càng tuôn chảy mạnh mẽ.

Rồi nào ai biết, từ nay cho đến mãi hai mươi sáu thế kỷ sau, đoàn thiền giả của dòng thiền Trúc Lâm vẫn tiếp nối nhau, đi như dòng sông, từ Đông sang Tây, từ Âu sang Á; dù thiền giả thuộc quốc độ nào, khi đã chọn hướng đi này là đi để được gặp lại chính mình, đi để tới chính nơi khởi bước, bởi vì Phật ở ngay trong chính tâm ta.

"Phật không ở trên núi. Phật ở trong tâm", nhưng con đường núi đan kín lá trúc - nơi vị vua Việt Nam đã dừng bước, đã tu trì, đã chứng đắc, và cũng đã hóa thân - nơi ấy đã đi vào lịch sử. Đó là lịch sử của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử.

Đạo là như thế.

Ánh sáng tới thì bóng tối bị đẩy lui.

Mưa thấm nhuần cỏ cây thì hoa đơm trái kết.

"Nhất điểm mai hoa nhụy

Tam thiên thế giới hương"

Một đóa hoa mai nở,

Ba ngàn thế giới thơm

Bằng cái nhìn thiền vị thì đây là đóa Hoa Giác Ngộ. Một vị Phật thị hiện, tam thiên đại thiên thế giới mừng vui. Một vị Đại-sư chứng đắc, trăm sông chảy về biển lớn, thành đại dương của bốn bể năm châu.

Người Phật tử khắp nơi thường dành mùa xuân để hành hương chiêm bái những nơi phụng thờ Tam

Bảo, từ miếu đình đơn sơ thôn nghèo đến chùa chiền trang nghiêm nơi thị tứ, nhưng đặc biệt là lẫn lộn thăm viếng những di tích cổ xưa, nơi một thời nào, ánh sáng giáo pháp đã bùng lên và lưu lại.

Nên nhang thắp lên trước giờ công phu sáng nay, bỗng ngát hương rừng trúc. Lại thay, trúc ở đâu? Hương đồng cỏ nội ở đâu mà lòng thốn thức tiếng gọi hồn thiêng sông núi?

Tĩnh tâm và thiền định, thì đó là nơi chốn tôi chưa từng được đặt chân đến, nhưng lại luôn thấp thoáng ẩn hiện trong tâm tưởng qua những hình ảnh được thấy trên các mạng lưới toàn cầu. Đó là ngọn núi Yên Tử giữa rừng trúc mênh mông, hoang vu rậm rạp gần hai tỉnh Bắc Giang và Quảng Ninh.

Di tích chốn non thiêng này được ghi lại trên sử

Việt, nhưng chỉ thực sự được khám phá mới đây. Đau đớn thay và cũng may mắn thay, di tích được tìm ra, do những con người đói khổ, bất chấp hiểm nguy đi đào bới những lăng mộ cũ mà họ tin là có chôn theo vàng bạc!

Bảy trăm năm, chiều dài của một lịch sử, núi rừng đã ẩn mình thâm lặng, tôn thờ linh khí của vị vua được tôn xưng là Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Khi được tìm ra, không chỉ con dân nước Việt ngậm ngùi mà di tích xưa còn làm các nhà khảo cổ khắp thế giới bàng hoàng kinh ngạc! Từ những con đường đá cheo leo dẫn lên đỉnh núi, hành giả gặp biết bao hang động bị khai quật, bao tôn tượng bị đập phá, bao cổ thụ bị đào trốc gốc phơi sương! Nhưng ngay chính những hang tàn đó, năng lượng nhiệm mầu vô ngôn mà cực kỳ bí tráng đã khiến bao hành giả có thể bật khóc, quỳ sụp xuống trước mảng tường rêu phong, có tấm bia còn mờ dấu khắc "Tháp Phật Hoàng", hay thiền thất siêu đồ, được ghi nhận là "Am Ngọa Vân", nơi nhà vua đêm ngày tọa thiền miên mật.

Lần theo những đường mòn quanh co, khi thì hàng cổ tùng thẳng tắp vươn lên trời xanh, khi thì rừng trúc rậm rạp che kín ánh mặt trời, khi thì những bãi đá thiên nhiên mà biểu hiện bao dáng vẻ an nhiên thiền vị, hành giả như đang đi ngược dòng thời gian.

Sừng sững và bề thế giữa rừng hoang là cây vải cổ thụ được ghi nhận đã bảy trăm tuổi, do chính tay vua Trần Nhân Tông vun trồng. Cây cổ thụ này, dưới thì rễ nổi, bề ngoài nghèo như những con trần không lồ, trên thì tàng lá xòe rộng như ôm cả trời xanh. Cho tới nay, cây vẫn đơm hoa kết trái và là nguồn thực phẩm chính, nuôi sống các nhà sư phát đại nguyện theo bước người xưa, lên núi tìm hang động ẩn tu trọn đạo.

Chỉ chiêm ngưỡng hình ảnh thôi, mà tưởng như mỗi bước chân được đặt trên mỗi bụi cỏ, mỗi bờ cây, mỗi viên sỏi, cũng là đang được chạm tới dấu chân vị Đại-sư bảy trăm năm trước đã từng lên xuống chốn địa linh.





Ồi, cái cảm giác kỳ diệu này có khơi dậy trong tâm phàm phu dày đặc vô minh, chút ánh sáng thoát tục nào, để con đường xuống núi với đi gánh nặng trần ai!

Một giải thưởng tầm vóc quốc tế, mang tên "Giải Thưởng Trần Nhân Tông" vừa thành hình, để tán thán những nỗ lực hòa giải đem lại hạnh phúc và tình thương cho nhân loại. Chẳng phải tình cờ mà một hội đồng gồm thành phần những nhân sỹ trí thức quốc tế lại chọn tên một vị vua Việt Nam, cách nay đã bảy trăm năm để đặt tên cho giải thưởng.

Phật Hoàng Trần Nhân Tông không chỉ còn là của con dân Việt Nam.

Dòng thiền Trúc Lâm không chỉ còn là của thiền giả Việt Nam.

Non thiêng Yên Tử không chỉ còn là địa danh của quê hương Việt Nam.

Khi Chánh Pháp thăng hoa, không còn đâu biên giới, cũng chẳng có đến, đi, sinh, diệt, như lời kệ truyền:

"Nhất thiết pháp bất sanh
Nhất thiết pháp bất diệt
Nhược năng như thị giải
Chư Phật thường hiện tiền
Hà khứ lai chi liễu dã"
Cư sỹ Nguyên Giác dịch:
"Hết thấy pháp không sinh
Hết thấy pháp không diệt
Nếu hay hiểu như vậy
Chư Phật thường trước mặt
Đến đi, sao có đây."

(Tào-Khê tịnh thất, một thời thiền)

(*) Nguồn hình: Thư Viện Hoa Sen.org.

thơ

Chiều

một mai
bại liệt thân tòng
có nghe chim nhận
tàng không hót về
chút mặn nồng lúc ở quê
chút thê thiết của
xa là
tóc tơ
khi xó xỉnh
lúc bụi bờ
làm sao vin được giấc mơ
núi về
để còn một chút chiều tê

HOÀNG XUÂN SƠN

16 dec. 2012



**HÌNH ẢNH PHÁI ĐOÀN TỪ THIỆN XÃ HỘI CỨU TRỢ & ỦY LẠO
NẠN NHÂN BÃO SANDY TẠI NEW JERSEY (06.12.2012)**



**HÌNH ẢNH PHÁI ĐOÀN TỪ THIỆN XÃ HỘI CỨU TRỢ & ỦY LẠO
NẠN NHÂN BÃO SANDY TẠI NEW JERSEY (06.12.2012)**



TƯ TƯỞNG THIỀN HỌC TRONG KINH KIM CANG

Thích nữ Khánh Năng

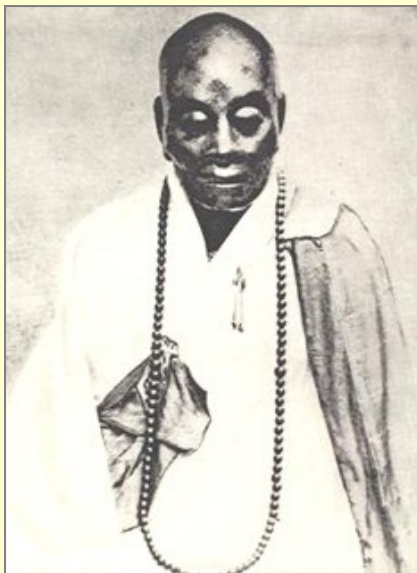
Có nhiều cách thức để chúng ta tiếp cận với kinh điển. Chúng ta đọc kinh như một tác phẩm văn học để tìm ra những biểu hiện thẩm mỹ của nội dung tư tưởng, hay đọc kinh để hiểu những phạm trù triết học, những tư tưởng ẩn áo mà kinh hàm chứa, v.v... Cách thức nào không quan trọng. Song, một điều mà người học Phật cần phải lưu ý là cái chân lý thường nghiệm thì phi ngôn thuyết; nó có được do sự kinh nghiệm của mỗi người, như nướng nước nóng lạnh tự biết; tự mình phải thâm chứng lấy những gì hàm dưỡng trong giáo lý, không phải chỉ để *hiểu* mà còn *hành* nữa. Nên con đường giải thoát của Phật giáo cốt ở ba kỷ luật: Giới, Định Tuệ. Giới nhằm điều chế phong thái bên ngoài, Định nhằm điều chế tâm tư, còn Tuệ nhằm hiểu biết chân xác. Sự hệ trọng của thiền định trong Phật giáo là vậy.

Chúng ta biết rằng, lý do tồn tại của Thiền cốt ở tâm chứng, không phải ở triết luận có hệ thống. Thiền chỉ có một khi suy luận được nghiền nát thành sự kiện sống hàng ngày và trực tiếp thể hiện sinh hoạt tâm linh của con người. Kinh *Kim cang* là một thể hiện sinh động

Thành tựu Bất-nhã Ba-la-mật, đời sống của một bậc Thế Tôn giống y như mọi người không có gì cách ngăn, lập dị; nó vượt ngoài tập quán lễ nghi có tính cách hình thức rườm rà. Cho nên đức Phật đã nói thời pháp Kim cang Bất-nhã trong một bối cảnh thời gian không gian thật là giản dị: *"Bấy giờ, gần đến giờ ăn, Thế Tôn đắp y, mang bát, vào đại thành Xá Vệ khát thực. Trong thành, theo thứ lớp từng nhà xin xong, Thế Tôn trở về Tinh xá dùng cơm rồi, cất y bát, rửa chân xong, trải tòa mà ngồi."*^[1]

Trong kinh *Kim cang*, chúng ta sẽ thấy không giống như kinh điển Đại thừa khác, mà lại gần với Nguyên thủy ở chỗ Phật ồm bình bát khát thực xong rồi trở về Tinh xá. Sau bữa ăn, các vị Tỳ-kheo thường tập hợp tại giảng đường để thảo luận giáo lý. Bấy giờ, trong đại chúng có sự hiện diện của Tu-bồ-đề; và ngài bắt đầu thưa hỏi. Ở

đây, không mở đầu bằng sự phóng quang, hay những thần thông biến hóa; những vấn đề được nêu trong kinh *Kim cang* là những sự việc trong đời sống, là những cái ăn, cái uống, nghỉ ngơi... Phải chăng đó là bài pháp sống động nhất về tinh thần Phật giáo, hoàn toàn phù hợp với tông chỉ "Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền" của Thiền tông?



Lục Tổ Huệ Năng (638—713)

Liên hệ Thiền sư

Chúng ta ngược dòng Thiền tông để tìm khởi nguồn của nó.

Tại hội Linh Sơn, khi đức Phật cầm hoa sen khai thị trước đại chúng, lúc bấy giờ tất cả đại chúng đều im lặng, chỉ riêng có ngài Ca-diếp trực ngộ được tâm ý của Phật, mỉm cười. Phật liền bảo: *"Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, pháp môn vi diệu, thật tướng, vô tướng, nay đem phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp."* Chính lời phó chúc ấy là khởi điểm truyền thống Thiền tông: Thiền là pháp môn "Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền." Thiền chủ trương ly ngôn, vì Thiền là đạo sống. Dòng Thiền ấy được khởi nguồn và lặng lẽ trôi chảy giữa bình nguyên nhân loại, mãi cho đến

thời Lục Tổ thì phát triển rực rỡ; như một gốc cổ thụ lâu năm được hấp thu biết bao tinh hoa và dưỡng khí của đất trời để kết tinh nên một đóa hoa Thiền ngát ngào hương sắc.

Nhiều người cho rằng Ngũ Tổ là vị Thiền sư đầu tiên có ý định giải thông điệp Thiền theo giáo lý *Kim cang*. Nhưng chúng tôi không đồng ý hẳn với quan điểm ấy. Bởi theo lời tựa của tổ Huệ Năng viết cho bộ kinh *Kim cang*, *"Đạt-ma từ lúc qua Tàu luôn luôn phát tâm xiển dương yếu chỉ Kim cương để người học có thể đạt lý và ngộ tánh"*^[2] Do vậy, ta có thể coi Ngũ Tổ như khởi đầu của một khúc quanh quyết định trong Thiền sử để cho vị tổ thứ sáu - Huệ Năng - mở thông hết Thiền môn. *"Huệ Năng, một dân quê không hề biết đọc, biết viết, cho nên sự tỏ ngộ từ kinh Kim cang là sự xác lập Thiền tông trên cơ sở Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền."*^[3]

Thử đặt vấn đề: Vì nhu cầu nào mà tổ Huệ Năng được trình bày như một anh nhà quê thất học? Phải chăng là để nhấn mạnh sự chọi ngược giữa hai đề tử ưu tú nhất của Ngũ Tổ (Huệ Năng và Thần Tú), tức đồng thời nhấn mạnh đến thực chất của Thiền, độc lập ngoài học hỏi và kiến thức?

Sự thật như thế nào không quan trọng. Điểm lưu ý ở đây: Lục Tổ khi còn là cư sĩ, gánh củ vào nhà người mua, nghe nhà bên cạnh tụng kinh *Kim cang*, Ngài liền tỏ ngộ. Sau đó Ngài đi xuất gia tìm đến Ngũ Tổ. Khi được Ngũ Tổ cho vào thất, cũng đem kinh *Kim cang* giảng cho Ngài nghe. Nghe đến câu "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", Ngài liền đại ngộ, được Ngũ Tổ truyền y bát và tiến đi trong đêm ấy. Điều này hẳn là Thiền mà Lục Tổ kể thừa được lập cước trên kinh *Kim cang*.

Tư tưởng Thiền học trong kinh Kim cang

Chúng ta có thể nói rằng, ngày xưa ngài Huệ Năng âm thầm lên núi Hoàng Mai cầu pháp là tâm trạng của người hoang mang giữa mê và ngộ - cách nhau giữa kẻ tóc đường tơ - đi cầu Thầy để



thử thách, để trải nghiệm sự tâm chứng của mình; gần như để được ấn chứng, chứ không hẳn để học đạo.

Huệ Năng không phải là người học sâu hiểu rộng^[4], bù lại có một trực quan kỳ tuyệt. Tất cả sự tu chứng của Huệ Năng, khi chưa đến chùa, chỉ quy vào âm hưởng của bộ kinh *Kim cang* khi Ngài nghe người ta tụng; khi ngài đến chùa và lo việc bữa củi, giã gạo, âm hưởng ấy tiếp tục đuổi theo, đánh phá và chấn động vào tinh thần trình nguyên ấy; thêm vào đó là bầu không khí Thiền nung nấu hàng ngày bằng những thời nói kinh *Kim cang* của tổ Hoảng Nhẫn; đặc biệt, bài kệ của ngài Thần Tú như “một đòn tâm lí trí mạng quật chết chú tiểu Huệ Năng để sống lại thành Thiền tổ Huệ Năng.”^[5]

Thật vậy, không có Thần Tú ắt khó có Huệ Năng; không có bài kệ “*Thân thị bồ-đề thọ*”^[6] của Thần Tú ắt khó có bài kệ “*Bồ-đề bốn vô thọ*”^[7] để Huệ Năng được chính thức kế thừa tâm ấn của Thiền Đông Độ; mà tâm ấn ấy chính là sự đồn ngộ, thức tỉnh hẳn cái *thực tánh vô tánh* trong Huệ Năng, chỉ là tâm chữ “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” trong kinh *Kim cang*.

Do chỗ ngộ được *lý không* trong kinh *Kim cang* nên bài kệ của ngài Huệ Năng biểu hiện rõ tinh thần vô ngã; không chấp tướng (Bồ-đề chẳng phải cây, chơn tâm không phải đài), không chấp mình tu (Xưa nay không một vật), không chấp mình chứng quả (Chỗ nào dính bụi trần); không còn các tướng: ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Quay trở lại kinh *Kim cang*, chúng ta thấy rằng, chủ đích của kinh *Kim cang* chỉ nằm trong hai câu hỏi của Tôn giả Tu-bồ-đề: “*Những Thiện nam, Tín nữ phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi nên trụ cái tâm ấy thế nào? Và hàng phục cái tâm của họ thế nào?*”^[8]

Đức Phật trả lời *hàng phục tâm* tóm lược bằng cách độ tất cả chúng sanh (vọng tướng) vào Vô dư Niết-bàn, mà không thấy có chúng sanh (vọng tướng) được diệt độ, vì không còn thấy có bốn tướng.^[9] Nói một cách dễ hiểu hơn, đưa tất cả vọng tướng vào chỗ vô sanh, vì mọi chấp ngã đều sạch: “Các Bồ-tát lớn nên hàng phục cái tâm như vậy: Hết thấy những loại chúng sanh, hoặc tướng sanh, hoặc thai sanh, hoặc ướt sanh, hoặc hóa sanh, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, ta đều làm cho vào Vô dư Niết-bàn mà được diệt độ. Diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh như thế, mà thật không có chúng sanh nào được diệt độ. Bởi vì sao? – Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thời chẳng phải Bồ-tát.”^[10] Vì sao? Vì bốn tướng ngã trong kinh *Kim Cang* đều do tâm trụ hư dối mà sinh ra. Vì vậy, hàng phục tâm là tri nhận *tánh không* của đối tượng mà không trụ vào đối tượng đó nữa, nghĩa là tri nhận thực tại giả lập mà có, nó do duyên sanh. Phật dạy chúng ta nên khởi quán tất cả pháp hữu vi như giấc mộng huyền hóa, hòn bọt, cái bóng, sương mù, điện chớp:

“Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ưng tác như thị quán.”^[11]
(Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng
Như sương và như chớp
Nên khởi quán như thế.)

Pháp hữu vi là những cái có hình tướng, có động tác, tóm lại là sáu trần bên ngoài, sáu căn nơi thân và sáu thức bên trong. Nếu chúng ta thấy căn, trần, thức đều là mộng huyễn thì phá được cái chấp ngã nơi thân, chấp ngã trong tâm và chấp pháp bên ngoài.

Còn đối với vấn đề *an trụ tâm*, đức Phật dạy:

“*Đối với pháp, Bồ-tát nên không trụ vào pháp mà Bồ-tát: nghĩa là Bồ-tát mà không trụ vào các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên Bồ-tát không trụ vào pháp tướng như thế. Bởi vì sao? Nếu Bồ-tát Bồ-tát mà không trụ tướng, thời phước đức không thể nghĩ lường.*”^[12] “*Các Bồ-tát lớn nên sanh tâm thanh tịnh như vậy:*

Không nên trụ sắc mà sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm, phải nên không trụ nơi nào hết mà sanh tâm.”^[13] Nói một cách dễ hiểu, Bồ-tát nên buông xả, không dính mắc, buông xả sáu trần không dính mắc tướng. Trạng thái Bồ-tát là thí tất cả mà chẳng thấy có thí gì. Cho nên, gọi là làm việc Bồ-tát, nhưng Bồ-tát không trụ tướng, không chấp đó là công đức, đó là hành động Bồ-tát do mình làm. Bởi vì sự tu hành đó chỉ là sống cho phù hợp với pháp tánh vốn vậy của chính mình. Sống đúng pháp tánh, tùy thuận pháp tánh là có phước đức, mà không còn trụ chấp để mong chờ, để đòi hỏi phước đức ở nơi ai khác ưu ái ban cho. “Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, là Bồ-tát đối với hạnh Bồ-tát phải nên *vô sở trụ*. Bồ-tát như thế, phước đức vô lượng vô biên, nhiều như hư không trong mười phương.

Yếu chỉ của kinh *Kim cang* chỉ nằm trong ba chữ *vô sở trụ* này mà thôi. Tâm không trụ pháp (vô trụ). Pháp không là chỗ sở trụ của tâm (vô sở trụ). Đó là cách trụ tâm duy nhất.

Không trụ tâm tức là cách nói khác của vô tâm. Tất nhiên, vô tâm không thể được giải thích là trạng thái tuyệt diệt không tri giác, không điều giác, vì nếu quả thật vậy thì chẳng khác gì gỗ đá vô tri. Vô tâm ở đây là tâm ở trạng thái rỗng suốt không bị trói buộc bởi bất cứ pháp nào; là tâm không quái ngại vì không chấp trước, không thủ trước bất cứ vật gì; là tâm thanh thản không dừng trụ ở bất cứ thời và không gian nào, ngay ở đây chính là đời sống thiền mà Trần Nhân Tông, vị Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam đã thể hiện:

“*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đói cứ ăn đi mệt ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm, chớ hỏi thiền.*”

Thật ra, buộc trói hay mở ra, thủ trước hay buông xả... tất cả đều thuộc về thế giới của vọng tâm, của tâm chúng sanh, không phải vô tâm. Tâm rỗng sạch mọi trần cấu, mọi phiền phược thì tâm ấy không còn là tâm chúng sanh nữa mà là Chơn tâm.

Như thế, sự hiện hữu sinh diệt của vọng tâm, vọng tướng chẳng khác gì hoa đốm giữa hư không, là mộng, là huyễn. Nó vốn là không, chỉ vì tâm mê mới vọng chấp là thật có. Dùng Trí tuệ Bát-nhã hằng soi sáng như vậy tức là

đã vào cửa Thiền tông. Cho nên, đức Phật dạy: “*Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.*”^[14] Tâm quá khứ đã diệt nên không thật có, tâm hiện tại không dừng trụ nên không thật hữu, tâm vị lai chưa đến nên cũng không hiện thực. Vậy, còn tâm nào để hàng phục, còn tâm nào để an trụ, còn tâm nào để chứng đắc? Tâm mà rỗng không tịch lặng như nhiên thì ngôn ngữ nương vào đâu để hiện khởi, để biểu đạt? Thế thì, chủ đích kinh *Kim cang* với chủ đích Thiền tông nào có khác. Đó chính là lý do Thiền Đông Độ sau thời Ngũ Tổ, Lục Tổ xem kinh *Kim cang* như là bộ kinh tông chỉ của Thiền.

Để tóm tắt lại những gì nói về Kim cang

Chúng ta thấy rõ trong cả hai phương thức để hàng phục vọng tâm và an trụ chơn tâm, hành giả đều phải buông xả tất cả vọng chấp về ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả và các pháp như là những thực thể hiện hữu. Khi nào còn một mảy may ý niệm cố chấp về sự thực hữu của ngã và pháp thì vọng tâm điên đảo vẫn còn khởi động, do đó, không thể ngộ chứng và an trú được Chơn tâm. Muốn buông xả cái vọng chấp *ngã* và *pháp* thì hành giả nhất định phải vận dụng đến trí Tuệ Bát-nhã để quán nghiệm.

Khi thực hiện quán nghiệm và liễu ngộ được rằng vạn hữu là giả lập, là không, thì hành giả có thể buông xả tất cả mọi chấp trước đối với vạn pháp. Đó là bước chân cuối cùng buông bỏ mặt đất vô minh triển phước để lao mình vào khoảng hư không vô tận và thanh thang cùng pháp giới bao la. Đây chính là con đường trung đạo thể nhập đệ nhất nghĩa tuyệt đối. Cho nên, Trí tuệ Bát-nhã không thể dừng lại ở chỗ quán nghiệm thực tướng của pháp để chỉ thấy rằng các pháp là giả, là không. Trí tuệ Bát-nhã là diệu lực đẩy hành giả vào tận cùng tuyệt lộ của vọng thức để đi thẳng vào linh địa của Chơn tâm. Ở đây, *Kim cang* hết sức thiện xảo trong vai trò mở đường. Bằng tinh thần *vô sở trụ*; chỉ với tinh thần này, *Kim cang* mới đóng nổi vai trò dẫn đường cho hành giả tu Thiền, hoàn toàn phù hợp với tông chỉ “Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền.”

Cuối cùng, chúng ta cần phải ghi nhớ, vai trò của kinh cũng chỉ hạn cuộc trong cái gọi là

“ngón tay chỉ mặt trăng” mà thôi. Thiền tông không chủ trương lý giải bất cứ một học thuyết nào. Thiền tông phủ định bất cứ thứ gì có thể đem trí óc mà hiểu như là một đối tượng của tư tưởng. Thiền là pháp môn hướng dẫn hành giả bằng *trực chỉ* để đi đến *trực ngộ*. Đó là thấy tánh. Đã thấy tánh rồi thì làm gì vẫn không lìa tự tánh, hành động nào cũng tùy nghi mà hợp đạo, hợp thiện; gặp cảnh sống nào cũng giữ được tâm thái an nhiên, tự tại. Đây cũng chính là lý do đức Phật đã nói thời pháp *Kim cang* Bát-nhã trong một bối cảnh thời gian không gian thật là giản dị.

Thích Nữ Khánh Năng

THƯ MỤC THAM KHẢO

- Thích Huệ Hưng dịch, *Kinh Kim Cang Giảng Lục*, Chùa Tuyền Lâm tái bản, 1970
- Hám Sơn Đại Sư, *Kim Cang Quyết Nghi & Tâm Kinh Trục Thuyết*, Nxb Tôn Giáo, 2006
- Thích Viên Giác dịch giải, *Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận*, Trung Tâm Phật Giáo Hayward, 1996
- Thích Từ Thông, *Bát Nhã Ba La Mật Kinh Trục Chỉ Đề Cương*, Huỳnh Mai Tịnh Thất, 1988
- Tịnh Huệ, *Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Luận Giải*, 1991
- Suzuki, *Thiền Luận I, II, III*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 1993
- Trúc Thiên, *Huyền Giác-Chứng Đạo Ca*, Lá Bối, 1962
- Tuệ Sỹ, ‘Tính Khế lý và Khế cơ trong kinh Kim cang’, *Tập San Pháp Luân số 56*, (2008)

- Tuệ Sỹ, *Thiền và Bát Nhã*, Ban Tu Thư Phật Học, 2004

Chú thích

- [1]. Thích Huệ Hưng dịch, *Kinh Kim Cang Giảng Lục*, Chùa Tuyền Lâm tái bản, 1970, tr. 15
- [2]. Trích lại theo Suzuki, *Thiền Luận I*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 1993, tr. 294
- [3]. Tuệ Sỹ, ‘Tính Khế lý và Khế cơ trong kinh Kim cang’, *Tập san Pháp Luân*, số 56 (2008), tr. 33-34
- [4]. Pháp Bảo Đàn Kinh: “Ta chẳng hiểu pháp Phật”
- [5]. Trúc Thiên, *Huyền Giác-Chứng Đạo Ca*, Lá Bối, 1962, tr. 18
- [6]. Bài kệ:
Thân thị bồ-đề thọ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời thường phát thức
Vật sử nhạ trần ai.
(Thân là cây bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn phải lau chùi
Chớ để dính bụi trần)
- [7]. Bài kệ:
Bồ-đề bốn vô thọ
Tâm phi minh cảnh đài
Bốn lại vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai.
(Bồ-đề không phải cây
Chơn tâm không phải đài
Xưa nay không một vật
Chỗ nào dính bụi trần)
- [8]. Thích Huệ Hưng, Sdd, tr. 20
- [9]. Bốn tướng: Tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.
- [10]. Thích Huệ Hưng, Sdd, tr. 22-24
- [11]. Thích Huệ Hưng, Sdd, tr. 99
- [12]. Thích Huệ Hưng, Sdd, tr. 26
- [13]. Thích Huệ Hưng, Sdd, tr. 44-45
- [14]. Kinh Kim cang



ĐỌC BÀI THƠ “TẢO PHÁT BẠCH ĐỂ THÀNH”

Lam Nguyễn

Tôi còn nhớ lúc tôi theo ông dưỡng Kinh của tôi vào Gò Chàm ở Bình Định thăm một vị túc Nho trong một chiều Xuân thật đẹp. Sau khi cơm nước xong hai cụ ngồi trên một cái bàn nhỏ ngoài sân cát uống trà, đọc và bình thơ Đường mà bài tôi thích nhất là bài thơ Tảo Phát Bạch Đế Thành 早發白帝城 của thi bá Lý Bạch 李白 (701-762), ông là một thi hào bậc nhất ở Trung Hoa, người Tứ Xuyên, thích múa kiếm, đọc sách không thi tiến sĩ nhưng được vua Đường Huyền Tông rất mến chuộng. Lý Bạch từng chu du nhiều nơi và mộng của ông là muốn đem tài trí giúp nước, an dân nhưng bọn quyền thần ganh tị nên ông bị triều đình ruồng bỏ. Sau loạn An Lộc Sơn, ông ra tay giúp Lý Lân, bị Đường Túc Tông bắt và đày ra Quý Châu, trên đường đi bị bệnh mà chết.

Và sau đây là bài thơ:

Tảo Phát Bạch Đế Thành
*Triều từ Bạch Đế thái vân gian,
Thiên lý Giang Lăng nhất nhật hoàn.
Lưỡng ngạn viên thanh đề bất trụ,
Khinh chu dĩ quá vạn trùng san.*

Lý Bạch

早發白帝城
朝辭白帝彩雲間
千里江陵一日還
兩岸猿聲啼不住
輕舟已過萬重山
李白

Dịch thơ:
Buổi Sáng Từ Thành Bạch Đế
Ra Đi
Sớm rời Bạch Đế rực trời mây,
Muôn dặm Giang Lăng chỉ một ngày.
Vượn hú đôi bờ nghe chẳng dứt,
Ngàn trùng thuyền vượt nhẹ như bay!

Lam Nguyễn

Theo các nhà nghiên cứu văn học Trung Hoa thì năm 755, An Lộc Sơn chiếm Trường An, vua Đường Huyền Tông lánh nạn vào đất Thục (tức là Tứ Xuyên) rồi năm sau nhường ngôi cho con là Lý Hanh (tức Đường Túc Tông). Lúc bỏ chạy, có giao cho em của Túc Tông là Vĩnh Vương Lý Lân bảo vệ lưu vực sông Trường Giang và nhà thơ Lý Bạch đã giúp Lý Lân nên Túc Tông sợ em làm phản đã đem quân tiêu diệt cùng trị tội những người hợp tác với Vĩnh Vương Lý Lân trong đó có Lý Bạch bị xử tội tử hình nhưng may nhờ tướng Quách Tử Nghi yêu tài họ Lý mà đã xin cho Lý Bạch khỏi tội chết và được tha về. Nhân đó mà thi hào Lý Bạch đã làm bài Thơ Tảo Phát Bạch Đế Thành trong tâm trạng hoan hỷ! Câu thơ thứ nhất: Nói rõ Thành Bạch Đế ở địa thế cao mà thi sĩ đã hình tượng hóa một cách sinh động nên đã tạo cho người đọc nhận thấy “thuyền đi nhanh, nước chảy xiết, mắt chẳng kịp nhìn và tai không kịp nghe..” trong những câu kế tiếp trong bài thơ! Ba chữ “thái vân gian 彩雲間” miêu tả Bạch Đế Thành địa thế rất cao nên thi sĩ có thể thấy toàn cảnh ở đây.

Câu thứ hai, đây là một sự so sánh trong nghệ thuật thơ Đường về “không-thời-gian”: từ Thành Bạch Đế thuộc tỉnh Tứ Xuyên đến Giang Lăng thuộc Hồ Bắc xa ngàn dặm (thiên lý 千里) tức là “không gian”, còn chỉ cần đi có một ngày (nhất nhật 一日) là chỉ cho “thời gian”; còn chữ hoàn 還 thật là “diệu” vì tả được tâm trạng của kẻ xa quê lâu ngày mà nay được về! Đến câu thơ thứ ba trong thể “tứ tuyệt” của Đường-thi được coi là “nhân tự”, đó là câu thơ rất quan trọng vì tạo nên “cái thần” của bài thơ!:

Lưỡng ngạn viên thanh đề bất trụ

兩岸猿聲啼不住



mà đã có nhà bình luận Trung Hoa cho rằng câu thơ thứ ba này làm cho cả bài thơ bay bổng! Phần đông các nhà thơ Đường dùng lời ít mà ý nhiều nên họ không cần vẽ ra chi tiết mà đã thâm tóm cả sự vật bằng cách đồng nhất hóa vật này với vật khác. Câu thứ tư:

Khinh chu dĩ quá vạn trùng san.

輕舟已過萬重山

Hai chữ “khinh chu 輕舟, chưa hẳn là thuyền nhẹ nhưng tốc độ nước chảy quá nhanh và lòng của thi hào Lý Bạch lúc bấy giờ khoan khoái nên cảm thấy thuyền nhẹ! Mà trong “Thi Từ Tinh Thường 詩詞精賞” của nhà xuất bản Phong Hoa 風華 bằng chữ Hán viết: “Hành thuyền khinh như vô vật, kỳ khoái tốc khả tưởng nhi tri 行船輕如無物, 其快速可想而知” - Thuyền đi như không có vật cản nên cảm được tốc độ nhanh!

Nói tóm lại, nếu nắm vững xuất xứ của bài thơ thì người đọc mới thấy được thiên tài Lý Bạch. Thấy được tâm hồn của tác giả phóng khoáng, một tinh thần nhập thế và một lòng yêu quê hương đến cực điểm!

Lam Nguyễn

Seattle, một chiều nắng đẹp!

TU TƯỜNG

ĐÔI ĐIỀU Suy NGHĨ

Tuệ Như

Cứ như thế mà tìm kiếm, nghiên cứu, suy gẫm của một triết gia, một nhà khoa học.v.v... tự giam mình trong phòng kín, không cần biết chi đến ngày tháng đi qua. Thế nhưng các vị ấy sau một thời gian nhất định nào đó, họ lại cho ra đời một tác phẩm, một kết quả đề án khoa học để phục vụ cho kiến thức sống, một công cụ phương tiện cho việc sinh hoạt của con người mỗi lúc vươn lên tầm hiện đại hóa. Như vậy, Tự giam mình trong phòng kín để được một phương thức, một công trình được phát minh, một kết quả do tư duy tri thức mà có để đem lại lợi ích cho con người hôm nay và ngày mai. Trong đạo lý của Phật, hẳn cũng không khác với những cách thức trên, nếu như ý chí kiên nhẫn và sự quảng thức của nhà khoa học hay một triết gia đã làm nên một đáp số hiệu quả không toàn thể thì cũng được chấp nhận, ca ngợi của số đông con người. Thế nhưng, với người đệ tử Phật, vị có Tín tâm, có Hạnh Trí hướng tâm tu tập theo giáo lý của Phật thì sẽ được kết quả như thế nào? Phật dạy:

*"Tín tâm, sống giới hạnh
Đủ danh xưng tài sản
Chỗ nào người ấy đến
Chỗ ấy được cung kính"*
(PC. 303)

Đứng trước hiện tượng giới, ta thấy mệnh mỏng và vô cùng, trông như một vũ điệu giữa muôn sắc màu xen lẫn nhau, chông chênh và hoán đổi nhau sinh sinh diệt diệt trong muôn trùng huyền hóa. Phật đã nhận ra hiện tượng giới ấy qua cái nhìn Như Thật Trí, minh chứng bằng những lời khai thị "Tứ Thánh Đế" cùng với 5 chất pháp không thật "Ngũ Thủ Uẩn" tại vườn Lộc Uyển cho 5 anh em Kiều Trần Như. Và từ đó, Chánh pháp được công bố vào cuộc đời này.

Thế rồi từ đó, từng đoàn người đi đến, hướng tâm đến để được Phật trao cho cái pháp vị, tất cả được hòa tan trong không gian và thời gian tịch tịnh tuyệt diệu ấy để trở thành vị đệ tử nhập vào dòng Thánh, chứng đạt Pháp nhãn với "vô lậu tâm giải thoát, vô lậu tuệ giải thoát", bắt nguồn từ một nếp sống có hướng về chánh hạnh, chánh niệm, bởi

*"Đệ tử bậc chánh giác
Không tìm cầu dục lạc..."*
(PC.187)

Với nguồn sống ấy, về sau các Thánh Tổ nối tiếp truyền thừa, đến các nhà Luận sư, Luật sư, những học giả uyên bác triển khai những chi tiết bí yếu, mở rộng tầm nhìn vào mọi khía cạnh trong cuộc sống, trước tác nhiều tác phẩm có giá trị nghiên cứu học thuật, những phương pháp tu tập chuyển hóa, những nhận thức đúng đắn... cho đến ngày hôm nay, nếu:

*"Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được bốn Thánh Đế
Thấy Khổ và Khổ tập
Thấy sự khổ vượt qua
Thấy đường Thánh tám ngành
Đưa đến khổ não tận"*
(PC. 190-191)

Chúng ta thấy kho tàng cao quý ấy được cất giữ hay được trưng bày giới thiệu ở những đền chùa, tu viện, thư viện Phật học, những nơi giảng dạy, nghiên cứu dịch thuật khắp nơi trong cũng như ngoài nước như hiện nay.

Đó là một trong những công trình mà hằng thập kỷ qua đã được tán dương trân trọng, tôn quý.

Điều mà cần nói đến ở đây, có phải sự tu học là để đưa đến một "Sở kiến, sở văn" như một thư viện chứa đầy ắp bao kiến thức sách vở... Nếu không loại trừ khả năng, thì kết quả của nó sẽ là một môi trường "uơm mầm" bản ngã dần đưa đến cuộc đấu tranh ý thức, chưa nói đến sự cạnh tranh về địa vị và

lợi dưỡng, nó diễn biến từ một trạng thái ngấm ngấm đến hiển lộ. Nhưng nếu không có những tác phẩm trình bày rộng rãi chi tiết, giải thích từ nhân sinh và vũ trụ... thì phần lớn căn cơ trí tánh của chúng sinh ngày nay họ không đủ sức tiếp xúc với giáo lý Như Thật mà Phật và Thánh chúng đạt được.

Với thiền nghĩ của tôi cũng không ngoài góp phần mọn nhằm phục vụ cho việc tu tập tự bản thân và cho những ai đồng cảm trên lộ trình chuyển hóa tâm linh hướng về mục đích đem lại sự lợi ích lớn cho sự giác ngộ và giải thoát mà trước đây Phật đã dạy cho hàng đệ tử trong khi tu tập như

"... Ta không thấy một pháp nào, này các Tỷ kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ kheo, như tâm có tu tập, làm cho hiển lộ. Tâm có tu tập làm cho hiển lộ, này các Tỷ kheo, đưa đến lợi ích lớn." (Kinh Tăng Chi I. III. 16)

Điểm nhấn qua lời dạy trên chính là ở chỗ "Tâm có tu tập hay Tâm không có tu tập" để sau đó có được sự "Hiển lộ" từ bên ngoài hành động của Thân Khẩu Ý. Trước hiện tượng nhân sinh và thế giới sinh diệt chuyển núa muôn trùng với bao phiền não nghiệp chướng buộc ràng rồi beng không lối thoát, Phật lại xuất hiện với một chiếc thân mà các căn được tịnh hóa trầm hùng. Với lời dạy qua sự chứng đạt ĐẠO và QUẢ không ngoài tầm tay của con người, bởi cái ăn, mặc, nói làm, nghĩ tưởng... có đâu phải chuyện cao xa, học đòi nhiều lý lẽ biện minh nhọc nhằn mệt sức. Vì rằng: trong mọi vấn đề nói trên đều biểu hiện Có hay Không có sự tu tập, nếu sự tu tập được dâng đầy từ bên trong của con người thì cũng chính là sự biến mãn ra mọi hành động siêu hóa bên ngoài, không cần tạo ra cái dáng vẻ hay sự nắn nót trau chuốt sáo mòn giả tạm, không tạo thành những quang kiến Thánh - Phàm để trở thành cái bóng đổ dài trên miếng đất phì nhiêu ảo tưởng của Nhân Ngã ẩn sau bởi những cảm thọ lạc thú giữa



cuộc sống thường tình. Với người đệ tử Phật cần phải thấy rằng:

"Ai mến kẻ bất thiện
Không thân cận bậc thiện
Thích pháp kẻ bất thiện
Chính cửa vào bại vong"
(Kinh Tiểu Bộ I, 18-19)

Sự siêu vượt, siêu hóa nhà khoa học hay đầu xa lạ lắm! hãy ở một cõi linh diệu nào đó ! Đức Phật đang ở trong ta, Phật ở khắp mọi nơi và quanh ta, khi "Màu lá đương xanh mang đầy nghĩa Phật. Mỗi ý niệm an lành, lòng Phật vẫn mênh mông". Mỗi mỗi những hành động lau chùi, quét dọn, giặt rửa, v.v... cho đến nhìn một chiếc lá cánh hoa hay lắng nghe tiếng chim kêu, tiếng gió bên trời, dòng sông đang chảy với một trạng thái tâm tư thuần tịnh an lạc thông dong như một đạo sĩ "thông tay vào chợ". Ở đây, nếu không phải là pháp thoại nhiệm mầu, không là chơn lý thực tại diệu dụng pháp thân của Phật là gì ? Một khi tâm đã đến độ nhu nhuyễn, dễ sử dụng được toát ra mọi hành động bên ngoài của các quan năng dự phần vào cuộc sống tác thành những hành động tiêu sái, cũng chính là kết quả của tâm có tu tập và hiển lộ sự tu tập ấy, được phơi bày một cách chân thật tự nhiên, không có sự gầy guộc trong chánh niệm.

Tóm lại, Nếu như một nhà khoa học hay một triết gia đã cho ra đời một tác phẩm, công cụ đem lại lợi ích có nhiều phương thức công nghệ hiện đại cho sự sống con người, nâng tầm sự phát triển cho môi trường sống ngày một thêm tốt đẹp hơn. Từ đó, ý thức trong cộng đồng nhân loại được mở rộng tầm nhìn từ một hiện tượng đến một hiện tượng giới. Cùng thế ấy, Đối với vị đệ tử có tư duy tu tập y tựa vào Chánh pháp, khi nhận ra quy luật vận hành của các pháp nhân duyên Sanh và Tử, Sinh hóa, Tồn tại hay Tiêu tàn, thì vị ấy không có sự sợ hãi, không có sự tham muốn (dục tâm cầu), không có sự đấu tranh, cạnh tranh gian nguy để dẫn đến nhiều phiền muộn, không có sự bất mãn thất vọng hay hận thù ác niệm. Với mọi hành động đều tỉnh giác chánh chơn, với mạch nguồn Từ lực, Tịnh lực, Trí lực tạo thành từ trường vĩ đại biến mãn mọi phương trời, nhiếp hóa phàm thể của chúng sinh để trở thành sự giác ngộ và giải thoát mọi khổ đau ngay trong đời sống. Và như vậy, đây chính là một kết quả tuyệt diệu của vị đệ tử "Tâm có tu tập, làm cho hiển lộ sự tu tập..." Là một kiệt tác thời luân sinh khí sống tỏa rộng và tươi mát mầu nhiệm tâm linh giữa cuộc đời dâu bể nhiều biến động hộn nầy.

Để kết thúc đôi điều suy nghĩ, ta đọc lại lời của một Thánh trí như sau:

"Khi đất đai
Nhận những chất thải bỏ
Chất thải bỏ biến thành đất.
Khi Niệm Phật (tu tập)
Bất kể là ai
Người ấy được chuyển hóa
Tôn vinh ban phước cuộc đời
Chuyển hóa mọi sự
Thành những nội dung Đức Hạnh
Cao nhất..."
(Chisho)

Tuệ Như

Cơn mưa

Em như cánh cửa tim bỏ ngõ
Để gió xô về lỏng lẻo với trăng sao

Chiều nay ngoài kia có cơn mưa rào
Tươi mát những hạt giống sống còn sau
mùa mưa bão
Những cơn bão ủa vào mảnh đất tâm
Làm ngổn ngang
hoang dại em

Nước mưa đọng trên hiên trôi thành dòng
qua khứ
Em không ngây thơ như ngày nào lấy gáo dừa
tắm mình ướt sũng nổi nhọc nhằn ngày trước
Hay thất giã thả thuyền chuyên chở ngược
niềm đau

Ôi, giọt nước mắt ngày xưa hóa thân thành
rận mưa rào
Cũng lấp lánh như ngôi sao em của nghìn năm
sau nữa

Em một mình dưới cơn mưa ngoài phố
Nhu chủ để non rí rả một mình khúc hoan ca
bên liếp cửa gỗ mục thâm đất
Nhu cánh cửa tim bỏ ngõ
Để gió thổi về lỏng lẻo với trăng sao.

Tiếng thời gian

Tháng năm rơi trên bậc thềm cũ
Che lấp cả rêu xanh
Người về vóc hao gầy
Nhật ân tình mong manh

Đêm mãi miết rong chơi
Quảng lên trời
Một vầng trăng rờ ràng
Nhu vành môi con gái

Những vì sao làm lụi trốn mắt
Để đừng nghe
Tiếng thời gian thờ dài.

VÔ QUỲNH UYÊN



NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Chúng ta thường nghe các danh xưng "Phật giáo Tây Tạng", "Phật giáo Tích Lan", "Phật giáo Việt Nam", "Phật giáo Nhật Bản", ... Tại Mỹ, theo thống kê của PEW Research Center (2007, và cập nhật 7/2012, thêm số liệu về Phật tử Mỹ gốc Á châu), có tất cả **4 triệu** Phật tử, đứng **thứ ba** về số lượng tín đồ, sau Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo; nhưng lại đứng **đầu** về tỷ lệ tăng trưởng, 170% mỗi năm.

Vậy thì, với 4 triệu tín đồ và 150 năm sau khi Phật giáo được du nhập vào Mỹ, chúng ta đã có một "**Phật giáo Mỹ**" chưa? Quá trình hình thành và diện mạo đặc thù của Phật giáo Mỹ là gì? Viên ngọc quý trong chèo ả của chàng cùng tử (đa đo) "sắc nước hương trời" ra sao? Bài phát biểu dưới đây là những mô tả và quan điểm của một Phật tử Mỹ về chủ đề này. Ông đã quy y và tu học hơn 45 năm, và hiện đang dạy Tôn giáo học (Religious Studies) với chuyên ngành "Phật giáo Mỹ" (American Buddhism) tại hai đại học Penn State và USU ở bang Utah. – **Trí Tánh**

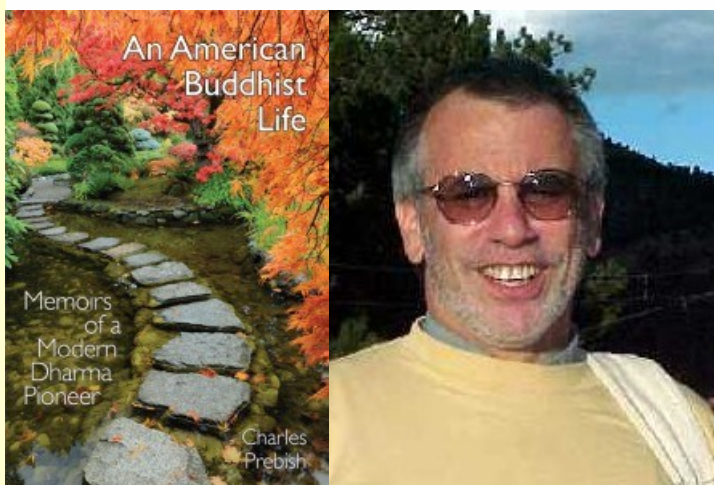
ĐI TÌM MỘT PHẬT GIÁO MỸ (Pursuing an American Buddhism)

Linda Heuman (Providence, RI) phỏng vấn học giả Phật học **Charles Prebish**
Bài đăng trên Tạp chí *Tricycle* - Số *Spring* 2012

Giáo sư Charles Prebish có lẽ là người đã viếng thăm nhiều tu viện Phật giáo Mỹ hơn bất kỳ người nào khác tại Hoa Kỳ. Với những ai quen thuộc với hoạt động của ông, điều này chẳng có gì đáng ngạc nhiên vì ông là người đã đi tiên phong trong lãnh vực học thuật về Phật giáo Mỹ như một chuyên đề trong toàn bộ ngành nghiên cứu Phật học. Vào cuối thập niên 1960' và đầu thập niên 1970', khi ông bắt đầu dạy đại học, nghiên cứu kinh viện về Phật giáo chủ yếu được coi như là nghiên cứu một đặc sản của văn hóa "Đông phương". Lúc bấy giờ đang là một học giả trẻ, ông chuyên chú vào Phật giáo Ấn Độ buổi sơ kỳ, gồm lịch sử phát triển hệ thống tu viện và Luật Tạng *Vinaya*, vốn là những chủ đề nằm hoàn toàn trong lãnh vực nghiên cứu truyền thống về Phật học. Nhưng vào thập niên 1970', ông Prebish là một trong những học giả Phật học đầu tiên quan sát thấy rằng Đạo Phật này mằm thông qua con đường ngoại nhập vào Mỹ thì đang hình thành **một diện mạo văn hóa đặc thù của nó**, một diện mạo đáng quan sát và cần tìm hiểu. Thế là ông soạn giáo trình và mở lớp dạy đầu tiên về "Phật Giáo Mỹ" (*American Buddhism*) vào năm 1974 và xuất bản tác phẩm đầu tiên về chủ đề này vào năm 1979. Trong những thập niên sau đó, trong bối cảnh nở rộ của Đạo Phật tại Tây phương, ông đã theo dõi lộ trình tiến hóa nhanh chóng của hiện tượng này, ghi chép tiến bộ và đánh dấu các cột mốc của hiện tượng đó.

Hiện nay (12/2012), ông Charles Prebish là giáo sư danh dự (Emeritus Professor) về Tôn giáo học (Religious Studies) tại Đại học Tiểu bang Pennsylvania (PSU – Penn State) và Đại học Tiểu bang Utah (USU). Ông đã kể lại những trải nghiệm của ông về việc học đạo và tu chứng Đạo Phật tại Mỹ trong bốn thập niên vừa qua trong hồi ký mới đây của ông: "Cuộc đời của một Phật tử Mỹ" (*An American Buddhist Life, Memoirs of a Modern Dharma Pioneer* - The Sumarun Press, Inc., Canada, 2011)

Linda Heuman



■ Chúng ta đã thật có một Phật giáo Mỹ chưa ?

Nhiều người không thích dùng cụm từ “Phật giáo Mỹ”. Cuối tuần vừa rồi, [nữ học giả Phật học] Jan Willis nói rằng *“Tôi không nghĩ rằng chúng ta đã có một Phật giáo Mỹ đâu”*. Tuy tôi cũng đã từng nói như thế từ năm 1975, nhưng [ngay cả đến bây giờ] có lẽ bà ấy nói đúng; có lẽ chúng ta chưa có một Phật giáo Mỹ. Trước hết, chúng ta cần tất cả mọi truyền thống khác nhau của Phật giáo đến Mỹ một cách trọn vẹn - với những truyền thống, tông môn, nghi thức, văn bản ... của họ. Rồi phải cần thời gian để những truyền thống này trở thành Mỹ một cách rạch ròi hầu chúng có thể hội nhập vào văn hóa Mỹ, làm cho Phật tử của truyền thống này có thể truyền thông được với Phật tử của truyền thống khác. Chúng ta cần kiên nhẫn. Rồi cuối cùng thế nào cũng xuất hiện một cái mà ta gọi là “Phật giáo Mỹ”. Nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta sẽ có chỉ một “Thừa” (vehicle). Chúng ta sẽ vẫn có các môn phái, nhưng tôi nghĩ rằng chúng sẽ *tương nhập* với nhau hơn (1).

Người Mỹ thường thiếu kiên nhẫn. Chúng ta nghĩ rằng vì Phật giáo đã có mặt trên đất nước này 150 năm nên tất nhiên Phật giáo phải là hoàn toàn Mỹ rồi. Suy nghĩ này không lý đến sự kiện rằng ở Á châu, Phật giáo phải mất nhiều thế kỷ mới hoàn thành quy trình tiếp biến văn hóa (acculturation) khi tiếp cận với những vùng văn hóa khác nhau. Khi chuyển dịch từ Ấn Độ qua Trung Hoa, Phật giáo phải mất ít nhất 500 năm mới hoàn thành công trình Hán hóa. Vậy mà người Mỹ chúng ta lại mong Phật giáo sẽ trở thành Mỹ rất nhanh. Chúng ta phải chờ thôi.

■ Cái gì làm cho Phật giáo Mỹ có “tính Mỹ” một cách rạch ròi ?

Phật giáo Mỹ sẽ phải phản ánh những nguyên tắc dân chủ, trong cái nghĩa *“tự do và công lý cho mọi người”* (2). Đó chính là những nguyên tắc hòa hợp trong Tăng đoàn - tính bình đẳng trong ý nghĩa tổng quát của từ này. Hiểu Bồ Tát đạo trong một khung cảnh Mỹ thì phải gồm cả việc dẫn thân vào xã hội - những hoạt động như nhà dưỡng lão, bảo vệ môi trường, hoằng pháp trong tù.

Phật giáo Mỹ còn phản ánh những giá trị mà chúng ta tìm được trong nền văn hóa của chúng ta, dù những giá trị này không phải luôn luôn có tính tích cực. Người Mỹ rất quan tâm đến chứng ngộ cho riêng cá nhân mình; trong Phật giáo Mỹ, Phật tử thường nhấn mạnh vai trò của Thiền hành trên tất cả những điều khác, ngay cả trên tư cách là thành viên của một cộng đồng Phật tử. Vì vậy mà Phật giáo Mỹ có thể sẽ bao gồm cả những người tự nhận là Phật tử nhưng thật ra không có quan hệ gì với cộng đồng Phật giáo hay với Tăng già cả. Nhưng về điểm này, tôi thấy chúng ta còn cần phải thảo luận thêm.

Ví dụ như trường hợp của tôi. Tôi quy y ở một trung tâm Phật giáo Nguyên Thủy, thường xuyên trao đổi với vị Sư Tây Tạng Chogyam Trungpa Rinpoche, và vị giáo thọ riêng về Phật học của tôi là ông Richard Robinson. Nhưng tại Đại học Pennsylvania PSU, tôi chưa bao giờ gia nhập vào một cộng đồng (Phật tử) nào cả, cho nên trong 36 năm qua, tôi hành thiền một mình, tu tập một mình; tôi là Tăng đoàn một người. Đối với tôi, trạng huống đó đã là và đang là một tình trạng khó khăn vì tôi thiếu tinh thần cộng đồng, vốn thật sự giúp tôi xác định truyền thống Phật giáo mà tôi theo. Không có chỗ cho tôi đến và chia sẻ với những đồng đạo Phật tử



khác. Có những điều thiếu sót mà ta có thể tìm ra được ở một cộng đồng Phật giáo Tây Tạng nào đó, hay nếu vào dịp cuối tuần, ta đi đến Thiền viện Zen Mountain Monastery ở New York (3) chẳng hạn, tham dự vào các chương trình sinh hoạt của họ, và tinh tọa trong Thiền đường rồi cùng ăn cơm với nhau. [Sự thiếu sót] này rất đáng ngại, vì loại ứng xử cộng đồng như vậy thì thật sự giúp chúng ta củng cố tín tâm rất nhiều.

Học giả Phật học Michael Carrithers có viết một câu mà tôi luôn luôn ghi nhớ. Câu đó đại khái là *“Không có Phật giáo nếu không có Tăng già, và không có Tăng già nếu không có Giới luật”*. Như vậy, có thể nói rằng chúng ta vẫn đang mong muốn có một Phật giáo Mỹ tại vì Tăng già chưa được thật sự phát triển hoàn chỉnh tại Mỹ, dù bây giờ rõ ràng đã tiến bộ rất nhiều so với năm 1975 chẳng hạn, khi tôi bắt đầu nghiên cứu về Phật giáo Mỹ.

Một sự phát triển hoàn chỉnh của Tăng già thì không dễ dàng như ta tưởng, vì từ *Tăng già* mang một nội hàm phức tạp hơn ta nghĩ. Trong truyền thống sơ kỳ của Phật giáo, khi Đức Phật dùng từ *Tăng già*, Ngài chỉ muốn nói đến các Tỷ kheo mà thôi. Nhưng rồi theo thời gian, Tăng già được biết đến như *Tứ chúng* gồm tất cả mọi Phật tử: Tăng, Ni, nam Phật tử và nữ Phật tử. Như vậy, ta có thể nói rằng Tăng già đã có đó, chỉ có điều chưa hoàn toàn phát triển mà thôi.

■ Vậy thì tiêu chuẩn để có thể nói “Bây giờ Tăng già đã hoàn toàn phát triển” là gì ?

Chúng ta sẽ cần một hệ thống kinh sách đầy đủ và kết cấu hơn. Truyền thống Phật giáo luôn nhấn mạnh rằng học và hành đi với nhau; cả hai tương nhập với nhau. Và vì học đạo và hành đạo tương nhập nên càng học thì càng hiểu sự phức tạp và các sắc thái của Phật pháp, từ đó, hành đạo càng trở nên tinh vi và sâu sắc. Và khi mà ta hành đạo có chiều sâu, ta sẽ có khả năng hiểu được giáo pháp một cách tinh tế hơn. Học và hành, do đó, vận động đối đãi qua lại. Tôi nghĩ rằng nhiều cộng đồng Phật giáo tại Mỹ hình như chưa đạt được điều này. Và chúng ta cũng cần một Phật giáo hoàn chỉnh, nhấn mạnh đến thực hành hơn là chỉ theo truyền thống ngồi Thiền.

■ Tại sao ông nghĩ rằng Phật tử Mỹ quá nhấn mạnh đến hành Thiền ?

Khi có người nói đến thực hành Phật pháp, tôi nghĩ rằng nhiều khi họ không ý thức được rằng Phật pháp là một hệ thống tôn giáo toàn diện. Nó không

chỉ có nghĩa là ngồi trên bồ đoàn và tập trung theo dõi hơi thở. Phật giáo là một sự thực hành suốt đời.

Khi tôi quy y vào năm 1965, tôi không biết nhiều về Phật giáo, nhưng tôi biết rằng tôi muốn học ngồi Thiền. Sư phụ tôi bảo rằng *"Nếu con muốn ta dạy Thiền cho con thì con phải ngồi Thiền bốn giờ mỗi ngày, và ngồi suốt ngày chủ nhật"*. Tôi bắt đầu ngồi Thiền như thế từ năm 1965, và tiếp tục cho đến năm 1974, khi tôi gặp vị Sư Tây Tạng Chögyam Trungpa Rinpoche. Tôi đã thực hành điều mà tôi nghĩ là đúng theo truyền thống Phật giáo tốt nhất tại Mỹ lúc bấy giờ. Nhưng trong buổi gặp gỡ đầu tiên với vị Sư Tây Tạng này, chỉ trong 30 giây đầu tiên, Ngài bảo tôi rằng *"Ta cần nói với con về cách hành trì của con"*. Cho đến nay, tôi vẫn không biết vì sao Ngài lại biết được cách hành trì của tôi, tại vì không có cách nào Ngài có thể biết được. Nhưng Ngài đã nói với tôi rằng *"Ta biết rằng con đã từng ngồi Thiền bốn giờ mỗi ngày. Và ta cũng biết rằng trong bốn tiếng đồng hồ đó, con đã chủ yếu rời bỏ thế giới để trốn vào trong sự yên tĩnh của cái đầu của con, hầu vận dụng những điều mà con nghĩ là của Phật giáo. Ta muốn con đứng ngồi như thế nữa"*. Lời vị Sư Tây Tạng thật như một cú đá vào mông của tôi.

Ngài giải thích rằng tôi đã đóng được rất chặt cánh cửa liên thông với thế giới. Tôi cho rằng tôi đã tỉnh thức và quán sát được hơi thở, thân thể và cảm xúc của mình. Điều này có thể đã xảy ra thật như thế, nhưng tôi đã hành trì như vậy trong một khoảng trống rỗng hoàn toàn, không có sự tham dự của con người Phật tử của tôi trong thế giới. Ngài bảo tôi hãy đem những điều tôi học được trong lúc hành trì, những giá trị của Đạo Phật, rời bồ đoàn và bước vào cuộc sống. Và ngài nói với tôi một cách rõ ràng rằng *"Thỉnh thoảng, sẽ có lúc con mất tín tâm vào Phật giáo. Những lúc đó là lúc con lại cần ngồi xuống bồ đoàn, thanh thân không vướng mắc, và tái xác quyết cam kết của con với Giáo pháp"*. Lời của Ngài quả thật là một bước ngoặt trong đời tôi.



Phật tử "Mỹ bản địa" đa số tu tập theo Thiền tông, nhưng cũng có một số chọn các Tông phái khác như Tịnh Độ tông, Mật tông, ...

Tôi mong rằng tôi đã hiểu và thọ trì từ lâu điều mà Stephen Batchelor (4) gọi là *"trì giới chính là tu tập"* (precepts as practice) vì những giới căn bản của một cư sĩ Phật tử - không sát sinh, không nói dối, không trộm cắp, không dùng chất làm say, và không tà dâm - thì không phải chỉ giữ gìn trong 30 phút hay một giờ trên bồ đoàn. Đó là những giới mà



ta phải giữ mọi lúc mọi nơi với tư cách là một Phật tử sống trong một nước Mỹ hiện đại. Và với những cam kết đó, khi ta đi vào đời với ý thức rằng chúng là kết quả của công phu trì giới, thì ta đã đạt được một chứng nghiệm Phật giáo quân bằng và tròn đầy mà tôi nghĩ rằng sẽ mang đến một sự trưởng thành và chuyển chú trọng trong vốn sống tôn giáo của đời ta. Thêm vào đó, thỉnh thoảng ta nên tham dự các nghi lễ tại các cộng đồng Phật giáo. Tôi nghĩ rằng nhiều người đã đánh giá thấp những nghi lễ. Họ không muốn dính líu gì đến các nghi lễ. Nhưng nếu ta hành lễ một cách đúng đắn, thì ta thật sự đang hành Thiền đấy. Hành lễ là bảo tồn truyền thống một cách thâm thía đến tận đáy lòng.

■ Ông có thể mô tả quá trình phát triển của Phật giáo Mỹ trong bốn thập niên vừa qua không? Và ông có thấy những xu hướng mới nào không?

Khi tôi bắt đầu đến với Đạo Phật, chúng tôi đã đề cập đến Phật giáo Mỹ và tự hỏi liệu có một thực thể như thế không? Điều này rõ ràng đã được triển khai đến một lúc mà chúng tôi nhận ra rằng có một Phật giáo với hình thức Tây phương rõ rệt. Nhưng bây giờ thì chính điều đó cũng là quá khứ rồi. Khi tôi mới bắt đầu nghiên cứu Phật giáo Mỹ, chúng tôi dùng điện thoại. Hôm nay chúng ta có Internet. Những cộng đồng Phật giáo khắp nơi ở Bắc Mỹ và trên toàn thế giới thì được nối mạng (networked) với nhau đến độ tôi phải bắt đầu dùng cụm từ *"đối thoại Phật giáo toàn cầu"* (global Buddhist dialogue) để nói đến một Phật giáo toàn thế giới thay vì chỉ Phật giáo Á châu, Phật giáo Âu châu hay Phật giáo Mỹ. Phật giáo Tây phương càng lúc càng trở thành một bộ phận của Phật giáo toàn cầu.

Trong thập niên 1970's và ngay cả 1980's cũng như đầu thập niên 1990's, mỗi nhóm Phật tử thì chỉ theo một truyền thống Phật giáo rõ rệt. Ngày nay, khá nhiều cộng đồng Phật giáo phối hợp từng mảng nhỏ các truyền thống Phật giáo khác nhau thành một hình thức tu tập hiệu quả cho họ. Ví dụ như ta thấy có nhóm lấy một ít nội dung và phương pháp hành trì vừa của Thiền tông vừa của Phật giáo Nguyên Thủy. Vài học giả gọi hiện tượng này là *"lai tông phái"* (hybridity) (5).

■ Hiện tượng "Lai Tông phái" này đã được triển khai như thế nào?

Vào cuối thế kỷ thứ 20, chúng ta thấy hiện diện tại Mỹ mọi tông phái của tất cả các truyền thống Phật giáo (Nguyên Thủy, Phát triển, Mật Tông, ...) cũng như tất cả Phật giáo theo văn hóa chủng tộc (Phật giáo Nhật Bản, Tích Lan, Trung Hoa, Tây Tạng, ...). Họ đã gặp gỡ nhau, và trong quá trình giao tiếp đó, họ tôn trọng nhau vì cùng chia sẻ những truyền thống của Đức Phật. Đã có vài nhóm

quốc tế được tổ chức ra chỉ để dứt khoát làm chuyện này - như *Hội đồng Tăng gia Phật giáo tại Nam California* ([Buddhist Sangha Council of Southern California](#)) hay *Ủy hội Phật tử Mỹ* (ABC: [American Buddhist Congress](#)). Và tuy họ chưa thành công như ý muốn, nhưng ít nhất họ cũng đã khởi động việc tập hợp Phật tử lại để thảo luận với nhau.

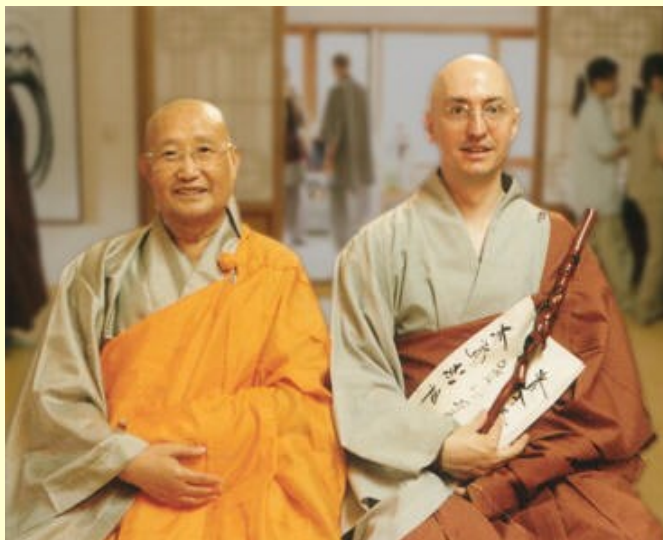
Có một ví dụ rất rõ ràng về tình trạng “Lai Tông phái” *hybridity* này mà tôi được chứng kiến khoảng ba năm trước đây, khi tôi trở lại Cleveland, bang Ohio, để tham dự một buổi họp mặt ái hữu của một người đồng nghiệp. Khi tôi bắt đầu nghiên cứu Phật giáo Mỹ, tổ chức *Những Giáo hội Phật giáo tại Mỹ* (BCA: [Buddhist Churches of America](#)) – Jodo Shinshu Buddhism – là một tổ chức mà đa số Phật tử là người Mỹ gốc Á châu. Và cũng có vài nhóm Thiền tông với các Thiền đường ở Cleveland mà họ chẳng quan hệ gì với cộng đồng Phật tử Mỹ gốc Á cả. Khi tôi trở lại Cleveland, tôi thấy hai nhóm này đã chia sẻ với nhau một ngôi chùa mà họ gọi là Chùa Phật giáo Cleveland. Có khi, họ gọi đó là “*Zen Shin Sangha*”. Khi họ đăng ký tông phái thì họ dùng cụm từ “*Japanese Zen/Shin Buddhism*”. Vị sư Trưởng giáo thọ là người Nhật và họ là thành viên của *Những Giáo hội Phật giáo tại Mỹ* (BCA). Như vậy, họ bắt đầu tiếp xúc với nhau. Và kết quả là ý niệm “Lai Tông phái” được mang ra để đề nghị với những Phật tử dù họ thuộc về những tông phái Phật giáo rõ ràng khác nhau. Thiền tông không bắt buộc phải hoàn toàn xa lạ với Hoa Nghiêm tông và họ có thể học hỏi lẫn nhau và chia sẻ với nhau như những Phật tử, dù tông phái, chủng tộc và tư cách thành viên của những tổ chức có khác nhau chăng. Kết quả là Phật tử càng lúc càng học hỏi về nhau.

■ **Trong quá trình phát triển của Phật giáo Mỹ, ông thấy có một tình trạng căng thẳng giữa các truyền thống khi họ muốn duy trì sự nguyên vẹn của tông phái nhưng phong trào hiện nay thì lại đang tiến về (một Phật giáo Mỹ) lai Tông phái *hybridity* không?**

Chúng ta nên nhớ rằng một cái “ấn” trong Tam Pháp ấn là Vô thường. Mọi vật đều thay đổi theo thời gian. Nếu ta khảo sát lịch sử phát triển Phật giáo thời sơ kỳ ở Ấn Độ, ta sẽ thấy rằng những truyền thống ban đầu, nhiều lúc gọi chung là Phật giáo Nikaya (6), có đến 18 bộ phái. Vậy thì [ngay từ thời đó] cũng đã có nhiều ý nghĩ khác nhau về Phật giáo. Tại sao? Tại vì khi Phật giáo lưu chuyển từ cộng đồng này đến cộng đồng khác, những vị đại sư phải sống trong các khu vực với tập tục khác nhau: Người dân ăn mặc khác, cư xử khác và *suy nghĩ* khác. Và vì vậy, vài bộ phái này đã triển khai [những giáo thuyết] phản ánh không phải sự khác biệt về học thuyết giữa các cộng đồng Phật giáo (dù đôi khi cũng có) mà phản ánh sự khác biệt giữa cách thể sống và giá trị [văn hóa] của các cộng đồng khác nhau. Và đó là lý do vì sao Phật tử đã tách rời nhau. Dĩ nhiên, trong số 18 bộ phái Nikaya đó, chỉ có một bộ phái tồn tại cho đến ngày nay - Phật giáo Nguyên Thủy (“Tiểu Thừa”). Nhưng điều này cũng đúng cho Phật giáo Phát Triển (“Đại Thừa”). Khi Phật giáo Phát Triển mở mang rộng ra, họ cũng tách ra thành nhiều bộ phái. Điều tất nhiên là những bộ phái nào tồn tại được trong thế giới hiện đại thì phải rất kiên trì. Khi những tông phái này đến Mỹ, ta có thể tin chắc rằng các tông phái đó lại sẽ thay đổi. Có thể trong thế kỷ 21 này, ta có thể thấy vài tông phái trở thành “tông Bắc Mỹ” một cách rạch ròi.

■ **Khi ta trộn những tông phái với lịch sử và bối cảnh thành hình khác nhau như vậy vào cái nồi nấu hồ lớn Mỹ (melting pot), liệu chúng có nguy cơ trộn lẫn với nhau thành một khối hỗn hợp không? [Còn] nếu duy trì sự khác biệt giữa các tông môn thì tính nguyên vẹn vẫn có thể giữ được hay không?**

Theo một cách riêng, tôi muốn thấy mỗi truyền thống Phật giáo duy trì sự toàn vẹn của riêng họ, nhưng tôi cũng hiểu rằng, dù sao, chúng ta cần quan tâm đến cứu cánh của Phật giáo là gì – là diệt trừ cái khổ của con người. Và tôi nghĩ rằng nếu có vài truyền thống kết hợp với nhau khiến cho con người tỉnh thức, thiện lành, có thể thoát ra khỏi nỗi khổ, có thể ra khỏi vòng luân hồi [nếu họ tu tập theo truyền thống Nguyên Thủy] hay [nếu họ tu theo truyền thống Đại Thừa] thì phát tâm Bồ Tát cho đến khi tất cả chúng sinh được cứu độ, trong trường hợp như thế thì tôi nghĩ rằng thật quý giá. Nhiều khi, trong các cuộc tranh luận, chúng ta không ý thức được rằng cứu cánh của Phật giáo là đem mọi chúng sinh ra khỏi nỗi khổ và đưa đến tỉnh thức.



Tăng đoàn “Mỹ bản địa” ít khi theo một Tông môn hay Tông phái thuần nhất nào nhất định. Lại càng không có một Giáo hội theo nghĩa tổ chức giáo quyền theo mô thức Phật giáo Á châu, do đó nghi lễ, kinh điển, giáo phẩm, tăng bào... hầu như không thống nhất, trăm hoa đua nở.

■ **Nghiên cứu Phật học ở mức độ học thuật thì quan trọng như thế nào cho việc hành trì ?**

Truyền thống Phật giáo thừa ban đầu thường phân biệt hai loại Tăng sĩ. Một loại tu theo Minh Sát học (*vipassana dhura*), họ tu Thiền định, thường ẩn cư và/hoặc du hành trong rừng sâu. Một loại tu theo Kinh Điển học (*gantha dhura*), họ là những Tăng sĩ học thức, thường quanh quẩn trong làng mạc hay nơi thị tứ. Ta có thể xem họ là Tăng sĩ-học giả hơn là Tăng sĩ-hành giả (7). Trên nhiều khía cạnh, Tăng sĩ-Hành giả là những người đã trao truyền Phật pháp cho cư sĩ trong làng mạc. Và khi ta hỏi Phật tử trong hai vị Thầy đó ai quan trọng nhất, thì thật là ngạc nhiên khi Phật tử trả lời là vị Thầy tu theo Kinh Điển, vì họ cho rằng nếu kinh điển (*Pháp*: Nhị bảo) biến mất thì sẽ không còn ai để mà Thiền định, và do đó cũng sẽ không còn Tu sĩ (*Tăng*: Tam bảo) nữa.

Trở về với thế giới Tây phương thời hiện đại, Hoa Kỳ chưa bao giờ có văn hóa tu viện, ngay cả với những truyền thống tôn giáo khác [như Thiên Chúa giáo chẳng hạn]. Người Mỹ không có xu hướng chối bỏ cuộc đời, và trong nước Mỹ hiện đại, có rất ít Tăng Ni. Nếu vậy thì ai sẽ là người đóng vai trò Tăng sĩ-Học giả cho Phật tử và cho những người muốn trở thành Phật tử? Từ đầu thập niên 1990, tôi đã cố xúi rằng chính một vị *học giả-hành giả* sẽ là người đóng vai trò đó, vì họ đã có một phát nguyện riêng tư với đạo. Họ *hành* đạo, nhưng họ cũng có *hiểu biết trí thức* đến từ quá trình lấy Tiến sĩ trong ngành Phật học.

■ **Vào năm 1978, ông đã đề cập đến “hai Phật giáo” - Một do cộng đồng “Người Mỹ cải đạo thành Phật tử” và một do những cộng đồng di dân Á châu. Đến nay [2012], ông vẫn thấy như thế sao ?**

Lần đầu tiên khi tôi chế ra thuật ngữ “hai Phật giáo”, thuật ngữ đó đã rất chính xác; nhưng bây giờ thì không còn đúng nữa. Một học giả trẻ, ông Jeff Wilson, gần đây đã chỉ ra rằng chúng ta đã không thật sự nghiên cứu những khác biệt trong các cộng đồng Phật giáo Mỹ căn cứ trên vị trí địa dư của họ. Phật tử đồng quê (rural Buddhists) ở tiểu bang North Carolina thực hành Thiền định có thể rất khác với Thiền sinh ở San Francisco. Điều này thì đúng thật tuyệt đối, và không ai chịu điều tra hiện tượng này. Khoảng một năm trước đây, khi ông Wilson viết một tiểu luận về ý tưởng này, mà ông gọi là “*chủ nghĩa địa phương*”, tôi đã nói với ông ta là ông hoàn toàn đúng, nhưng mười năm nữa thì sao? [Vai trò của] Facebook và YouTube và Skype sẽ ra sao, có thể Phật tử ở New York sẽ hiểu biết Phật giáo đồng quê hơn bây giờ, và người sống ở bang Iowa hiểu biết về người thị tứ khác hơn bây giờ. “*Chủ nghĩa địa phương*” có thể sẽ chỉ còn là quá khứ. Và tôi liên hệ điều này với lý thuyết “hai Phật giáo” của tôi vì chính hiện tượng này cũng đã tác động lên [và làm thay đổi] lý thuyết của tôi.

■ **Vậy thì liệu ông có thể nói rằng những Phật tử cải đạo (convert Buddhists) sẽ học được đôi điều từ những cộng đồng Phật tử di dân Á châu không?**

Vâng. Ngược lại với những cộng đồng Phật tử Mỹ cải đạo, vốn chọn pháp môn mình thích nhất là Thiền định hay pháp môn nào mà họ nghĩ sẽ đạt đến trạng thái tinh thức nhanh nhất, cộng đồng Phật tử di dân Á châu hiểu rõ rằng tu tập là một phần của trải nghiệm cuộc sống. Đó là một sự tu tập mà ta

chia sẻ với con cái. Đó là một sự tu tập mà ta mang theo khi ra khỏi chùa. Điều đó không có nghĩa là ta không hành Thiền, mà có nghĩa là cần hiểu rằng bối cảnh mà ta tu tập thì cần tương ứng với truyền thống tu tập và tông môn mà ta đã chọn. Tôi sẽ không muốn khuyến khích rằng tất cả Phật tử đối đạo hãy nhảy ngay vào những phương pháp tu tập vốn là truyền thống của các pháp tu Á châu. Tôi chỉ muốn nói rằng các bạn hãy chọn pháp tu nào tốt nhất cho bạn, nhưng hãy chọn lựa [khi đã cứu xét] toàn diện và với tất cả sáng suốt.

Viết dịch và hình minh họa: **Trí Tánh Đỗ Hữu Tài**
[Nguồn Anh ngữ: <http://www.tricycle.com/feature/pursuing-american-buddhism>]

GHI CHÚ (của người dịch):

[1] *tương nhập* /interpenetrating và *tương tức* /interbeing là hai thuật ngữ Phật học mô tả mối quan hệ (hay vận động) của vạn pháp trong *Kinh Hoa Nghiêm* / *Avatamsaka Sutra*.

[2] “*Tự do và công lý cho mọi người*” là dịch từ câu “liberty and justice for all” trong Lời thề Trung thành *Pledge of Allegiance* của công dân Mỹ nguyện trung thành với Quốc kỳ và nền Cộng hòa Mỹ.

[3] Xin xem đoạn phim *The Story of Zen Mountain Monastery* về đời sống tu tập và sinh hoạt hằng ngày trong một Thiền viện Mỹ: <http://www.youtube.com/watch?v=LIYTXLOB7Jc>

[4] Stephen Batchelor nguyên là một tăng sĩ người Anh, xuất gia theo cả hai truyền thống Mật tông (ở Dharamsala, Ấn Độ, 1974) và Thiền tông (ở Songgwangsa, Hàn Quốc, 1981). Nhưng sau đó, ông xuất tu và trở thành một học giả, giáo sư và tác giả của nhiều cuốn sách nổi tiếng về Phật học. [http://en.wikipedia.org/wiki/Stephen_Batchelor_\(author\)](http://en.wikipedia.org/wiki/Stephen_Batchelor_(author))

[5] Từ “*hybrid*” của tiếng Anh nghĩa là “lai giống”, “lai chủng loại”, được dùng đầu tiên trong lãnh vực Sinh học. Sau đó, được dùng trong các lãnh vực khác và không còn mang nguyên nghĩa là lai “*giống*” nữa. (<http://en.wikipedia.org/wiki/Hybrid>). Tiếng Việt hình như chưa có từ để dịch chữ “hybrid”. Thường thường, tiếng Việt ghép những thành tố tạo ra tình trạng “lai” này, ví dụ như “*Thiên-Tĩnh song tu*”, “*xe hơi điện-xăng*” (hybrid car).

[6] Theo giáo sư Robert Thurman (Buddism Studies – Columbia U), tên gọi “*Phật giáo Nikaya*” là do giáo sư Maatoshi Nagatomi của Đại học Harvard sáng chế ra như một cách thể để tránh dùng thuật ngữ Tiểu Thừa.

[7] “Các hệ thống tu tập để phát triển Trí huệ đó ngày nay được biết đến dưới các từ ngữ chuyên môn là **Vipassana dhura**, **Minh Sát học**. Danh từ *Vipassana dhura*, *Minh Sát học*, đối ngược với danh từ **Gantha dhura**, *Kinh Điển học*, cả hai ngành này ngày nay được xem như hai phương diện của sự tập luyện và bổ túc cho nhau. Minh Sát học là môn học hướng nội, thu hẹp chặt chẽ vào sự huấn luyện tâm linh, chẳng màng đến kinh sách. Cả hai danh từ, *Vipassana dhura* và *Gantha dhura*, đều chẳng thấy được ghi trong Tam Tạng Kinh Điển; cả hai đều được nói đến trong các kinh sách về sau” Theo <http://www.dhammadata.net/Vietnamese/Buddhadasa Bhikkhu Thu ban cho nhon loi.htm>

Tiếng Hát Người Tín Nữ Ni Sư

Nguyễn Văn Sâm

1.

Chợ Tết đông đảo và vui nhộn với những loa phóng thanh quảng cáo những món hàng đặc biệt của các gian hàng chưng dọn xinh xắn: mứt bí, mứt hột sen, ... mới ra lò, chà là Nam Dương, thèo lèo lấy từ xưởng ở Bình Tây, bánh in Bốn Lập gốc Chợ Thiệt... Những gian hàng chỉ dựng lên buôn bán chừng độ mười ngày giáp Tết nhưng đem đến cho dân Sài Gòn một không khí đặc biệt mà hình như họ chờ đợi suốt cả năm trường. Các cô gái bán hàng tươi đẹp, nói năng ngọt lịm phóng ra muôn vàn sợi tơ ràng buộc lòng khách đa tình đi tìm lại người năm ngoái năm xưa, nhắc lại những câu nói ướm ờ của mình một hai năm trước. Lắm khi trao tiền, nhận hàng xong, khách còn hẹn giáp Tết năm tới hi vọng thấy lại người hôm nay chớ không phải bề bàng như khách yêu cầu đổi không thấy nữa ông Đồ già đã biến mất giữa lòng phố thị những năm gần đây.

Vòng bùng binh xe cộ chạy chậm chậm và thân thiện, những người đàn bà nghèo khổ dưới què lên tỉnh kiếm chút đỉnh công việc mấy ngày Tết, tụ tập dưới chún bức tượng Quách Thị Trang, tạm quên nỗi khổ của mình mà vui lây



cái vui của thiên hạ dư ăn dư để...

Song rủ rê tôi tiến về phía một gian hàng bánh mứt, nơi đây khách cũng hơi đông. Anh bước tới gần một thiếu nữ đương nói chuyện với khách, để lộ ra hai cái răng vàng bên mép rất có duyên, nói nhỏ với tôi:

"Nguyễn đó, người đẹp mỗi năm ai có cơ duyên mới gặp được chừng mười ngày. Ba bốn năm rồi, tao được gặp, được trò chuyện, được nàng cười tình khi từ giã, tưởng là năm nay nàng đã theo chồng bỏ bán buôn ai dè vẫn còn độc thân chớ... Không biết chớ ai nhưng hoa chưa có chủ thì mình đến ngắm nhìn cũng đủ lãng quên đời."

Y chừng còn nhớ mặt người mỗi năm đến nói chuyện với mình, Nguyễn gật đầu chào Song và tôi. Nụ cười nhẹ nhàng, giọng nói thanh và dịu. Tôi chỉ đứng nhìn lời trao đổi nhiều tình ý của hai người. Người mà bạn mình tình si thì mình tránh khỏi si tình cho được việc.

Tiếng loa phóng thanh rao hàng ồn ào. Tiếng xe Honda nổ đin đang, tôi tự nói với mình rằng trong trường hợp này nên thưởng thức cảnh bằng mắt hơn là bằng tai. Nhiều khi mình đứng trong một khung cảnh nào đó không nên cho mở nút hoạt động hết cả các cơ quan tri giác của mình vậy mà tốt. Tôi làm mở khung cảnh chung quanh để *chỉ thấy* nụ cười hé lộ răng vàng và cặp mắt lúng liếng thân thiện nhưng nghiêm trang của Nguyễn. Và mái tóc nữa, buông xõa tới bờ vai tròn, những sợi đàng trước lác loài lòa xòa cổ ý tạo nên vẻ ngây thơ trẻ trung của Nguyễn. Tôi nói thầm. Song mà bắt dính được nàng thì đời nó hạnh phúc biết bao. Và tôi mong cho bạn được sở vọng.

Chúng tôi tà tà trở về khu trường. Nhập với nhóm ngồi sẵn trên hàng rào kết hợp bằng những thanh sắt tròn cứng rắn nằm ngang, ngó qua bên kia đường nhìn cô đi ra em đi vào tòa nhà trước mặt hay lơ đãng ngó xéo xéo nơi đường Lê Thánh Tôn, khu rộn rịp mua sắm giày

dép, bóp xách, áo quần thời thượng của khách hàng những ngày cuối tuần. Con đường Nguyễn Trung Trực có cái hay là kể nơi thị tứ nhưng không náo nhiệt như những con đường lân cận chỉ cách đó một vài khu phố. Hầu hết người đi bộ là bọn sinh viên chúng tôi, những đứa học hành mà tâm trí cứ dao động mong tìm một công việc gì đó cho đủ sống trong những ngày chớ xách ba lô đáp lời sông núi...

2.

Sau hơn ba tháng ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, tôi ra Sài Gòn trong bộ quân phục thùng thình và đôi giày trận nặng nề. Gặp lại Song ở trước cửa trường.

"Mình không gặp nhau bốn năm rồi!" Song nói trong tiếng thở dài. Bốn năm giam mình ở quận nhỏ xa xôi về lại Sài Gòn rất ít. Tuy dạy học, không nguy hiểm nhiều như quân nhân nhưng cũng gánh chịu bất trắc của những lần tui nó tấn công vô quận, vô xã. Mà ở đó chuyện này thì liên xi như cơm bữa. Cũng lên ruột những chiều tối đi về từ xã xa, không biết đồng rơm nào hiền, đồng nào làm cho ông địa cười mà dân đen thì tang tóc."

Tôi ngây thơ:

"Mà ông đi thăm bao nhiêu thôn nữ trong xã xa để đến nỗi phải về khi trời tối?"

Song không giận, chỉ trả lời thiệt thian:

"Quá nhiều trường ở xã thiếu Giáo Sư Pháp Văn nên mình xung phong đi xuống. Không thôi bỏ tội học trò lông bông cho ai? Tội nghiệp, mấy em thấy có thầy ở Quận về thì mừng hết lớn. Mà dạy thì chiều phải lo lên xe liền, bữa nào hết xe thì phải tìm mọi cách *thăng* cho bằng được, ở lại chẳng biết chuyện gì sẽ xảy ra mà chắc chắn là đêm đó sẽ mất ngủ."

"Có khi nào ông bị trễ xe về không được?"

"Thì chui vô đồn Địa Phương Quân ngủ đờ. Một hai đứa trong đó là bạn với mình thời Trung Học. Tập cho quen lần sinh hoạt của quân đội. Trước sau rồi thì mình cũng nhập ngũ thôi. Tốt

nghiệp trường này chúng mình là con ghê của Bộ Giáo Dục mà, ông biết rồi đó!”

Tôi kéo bạn đi về phía rạp hát Lê Lợi. Mấy năm đi học, chúng tôi thường đóng chốt ở đây. Không có những ánh mắt chết người, không có những tà áo dài xanh đỏ tím vàng nhưng có những ly sinh tố sạch sẽ cho tôi, tách cà-phê đen pha đúng điệu cho Song và đặc biệt là mấy miếng bánh mì chiên tôm chề nước Maggi thơm phức không đâu bằng cho hai đứa. Chúng tôi cũng thích mấy cái ghế cao căng, trẻ trung, ngồi đong đưa thoải mái để quay ra sau ngắm nghía những tờ quảng cáo các phim kể tới.

“Hôm xé Hiến Chương Vũng Tàu không thấy bạn mình?”

“Hôm đó mình đương thi Chứng Chỉ Triết Đông. Thắng Lam vô phòng thi kêu gọi bãi khóa. Mình hồi hả làm bài cho có rồi ra theo anh em, đông nghẹt con đường Norodom nhưng mình cũng leo rào vô được, đứng kể ông Đại Tướng Quốc Trường, chứng kiến cảnh ông ta hứa sẽ hủy bỏ và lấy tay xé bản Hiến Chương giơ lên cho anh em sinh viên coi.”

“Ông ta coi hề như vậy mà cũng biết chuyện và hợp lý trong cách giải quyết. Gặp thứ cứng đầu, cổ ăn hay lật lọng thì đầu sinh viên tụi mình có xuống đường bao nhiêu cũng chẳng nhằm nhò gì. Đóng cửa trường, bắt bỏ tù hay cho đi binh nhì hết là xong, cùng lắm thì cho xe tăng đến cán dẹp.”

Tôi gật:

“Vận nước của mình lúc đó rủi mà còn may. Có những người như ông ta. Chẳng làm gì hay cho nước, nhưng ít ra cũng không làm hại nước hại dân.”

Cô bé bán hàng theo thói quen một tay bưng tách cà-phê, một tay cầm hộp đường đưa ra từ phía sau quầy.

Song nói mau:

“Cám ơn cô, dẹp giùm hộp đường này đi cho trống chỗ. Tôi chỉ cà-phê đen. Cà-phê mà bỏ đường vô thì còn đâu là cà-phê nữa!”

Người con gái ngược mắt ngo mau về phía Song nhưng không nói gì, chỉ cầm hộp đường để vô chỗ cũ.

Tôi quây ly sinh tố, hỏi:

“Có tin tức gì của Nguyễn?”

“Sau chục lần đi chơi dzung dzăng, cũng thâm tình, cũng nghe nàng say sưa hát nho nhỏ bài tình ca cho riêng mình. Nhưng năm ngoái hình như Nguyễn thấy

đường đời của đối tượng coi bộ không mấy sáng sủa nên đã nói một câu nghe rất nước mắt. *Chắc chừng phải đi lấy chồng. Chừng còn ba má già và 6, 7 đứa em nhỏ phải lo. Lòng bông hoai ba má rầy rà quá. Mình đi dạy chắc thế nào rồi cũng gặp được cô nào đó dễ thương hơn chừng.* Sau đó Nguyễn không cho mình gặp nữa. Hình như lấy một ông sắp tốt nghiệp Quản Y!”

Người bạn tôi bưng ly cà-phê lên, chu mỏ húp từng ngụm nhỏ, để xuống, giọng vui vui. Tôi ngo trái cổ của bạn chạy lên chạy xuống theo từng cái nuốt hơi của anh. Thương bạn thất vọng nên tôi giận ngang người con gái kia, phản:

“Nói chuyện đưa đồ không.

Trớt quớt!”

Song không nói gì, anh biết tôi nặng lời người vắng mặt chỉ là vì bạn nên tửu tôn giải bày:

“Mình mê Nguyễn nhiều thứ, trong đó có cách xưng hô trật đời của em. Nói chuyện với người thân thiết thì gọi mình bằng *cưng*, gọi người đối thoại bằng *mình*. Mới nghe lần đầu lạ chịu không được, nhưng nghe thật rồi ghiền, không được nghe nữa thì nhớ còn hơn Lưu Nguyễn nhớ tiên nữ ở Thiên Thai.”

Tôi bỗng thành người triết lý vụn:

“Đời có thành công có thất bại. Quan trọng là không tự mãn hay không sụm quy xuống luôn. Ông nên mong cho Nguyễn có được cuộc đời tốt đẹp. Người đẹp nào cũng đáng hưởng cuộc sống hạnh phúc.”

Bàn tay tôi vỗ vỗ vai bạn, miệng nói câu nham nhở cốt giúp bạn thoát ra khỏi không khí buồn bã:

“Mà có sơ múi *cưng* được lần nào không? Khai thiệt đi!”

Song vớt tay trái vô sau ót tôi, phản đối hơi cao giọng:

“Hỏi sảng! Chuyện sống để bụng chết mang đi, đừng hỏi!” Rồi anh nói nhỏ hơn. “Nói cho bạn mình biết là chúng tôi yêu nhau thiệt nhiều. Nhiều lắm. Và tôi thần thánh mỗi tình đó.”

Tôi biện giải như để xin lỗi bạn trong khi chỉ vô tên mình trên ngực áo:

“Ông coi kỹ đi, tôi không còn là bạch diện thư sinh như ngày xưa nên đã thực tế hơn.”

Hình như ông bạn tôi đang buồn. Anh cúi đầu nhìn ly cà-phê đã vơi nhiều, làm thỉnh thoảng là lâu.

Tôi hát nho nhỏ bài *Lệ Đá* của Trần Trịnh. Hần vẫn làm lý, cử chỉ thiệt là đáng thương mà cũng đáng ghét biết bao...

3.

Đời đưa đẩy tôi hơn mười năm sau mới gặp lại Song. Hai đứa đều te tua. Anh đương cầm tiền chạy lo dịch vụ để làm hồ sơ ra đi theo chương trình H. O. Song nói mình chán việc chạy hồ sơ theo đường dịch vụ nhưng không có cách nào khác. Anh giơ tay lên trời tỏ dấu sự bất lực của mình trước thời thế: “Không chạy bằng dịch vụ thì lâu chẳng biết đến bao giờ! Chúng ta trả nợ chiến tranh đứa thì bảy năm, đứa thì tám năm. May mà còn sống để lại gặp nhau. Chờ thêm nữa ở đây...”

Người nói không cần hết câu, bỏ tay xuống, ra dấu chỉ vô căn nhà kế bên rồi ngoặt ngón tay cái về phía chiếc xe Honda 50 của anh.

Chúng tôi chờ nhau trên chiếc xe cà tàng đó. Khi chạy tới chợ Sài Gòn, trên đường Tạ Thu Thâu cũ thì Song nắm tay tôi mắt láo liêng, như là nghe ngóng chuyện gì. Tôi còn đương ngạc nhiên thì anh nói nhỏ:

“Tiếng ai hát như là tiếng Nguyễn. Tôi chắc chắn đó là tiếng của Nguyễn. Bài hát đó, những âm luyện láy, những chỗ nuốt hơi quá quen thuộc, không thể sai được. Nhưng đó là tiếng hát của một người ăn xin giữa chợ. Sao kỳ lạ vậy kia?”

Tôi chưa biết trả lời sao, chỉ biết cùng anh đi về hướng có tiếng hát sau khi đã gởi xe.

Một đám đông nho nhỏ đương bao quanh một người đàn bà ăn xin mù, mặt theo bằng hai ba đường ngang dọc như bị dao chém, đường ngang ngạnh nhứt là đường chặt ngang sống mũi làm một con mắt chỉ còn là lỗ trống và





mắt kia bị hư, lão liêng nhưng tôi chắc chắn chủ nhơn không thấy rõ.... Tôi nhìn cái đầu trọc của bà với một cái theo lối thịt lớn bằng hai ngón tay mà rung mình. Trời ạ! Sao lại có người phụ nữ chịu cảnh đau thương, xé ruột người bàng quan như vậy kia?

Bà ta đương hát một bản nhạc vàng quen thuộc. Tấm bảng bà mang trước mặt có in hình của Nguyễn với nụ cười hớn hớn người và hai cái răng vàng duyên bên khóe mép. Tôi lơ mơ hiểu chuyện, nhưng không biết tại sao Nguyễn lại ra nông nổi.

Giọng hát của bà-Nguyễn đương say sưa thì chợt ngừng ngang, ngược mặt lên, ngó dáo dác chung quanh bằng con mắt độc nhút trắng đục như tìm kiếm ai:

"Anh Song phải không? Cứng biết mình đứng quanh quất đầu đây mà. Cứng nghe hơi thở của mình, mùi nước hoa mình xài. Mình đưa tay cho cứng nắm đi. Chỉ nắm tay thôi, cứng không theo mình luôn đâu. Song ơi! Song ơi!"

Người đàn bà van lơn tha thiết. Những cặp mắt người chung quanh dáo dác tìm kiếm để đoán coi ai là Song. Cuối cùng có nhiều người chăm bẵm ngó vô chúng tôi chờ đợi phản ứng. Song lùi ra sau đoàn người, móc bóp lấy ra hết xấp tiền trong đó, nhờ một thanh niên đưa cho người đàn bà tội nghiệp kia.

Cầm xấp tiền, bà ta khóc lớn: "Tiền nhiều như thế này là của mình rồi Song ơi. Cám ơn mình, nhưng cho cứng cầm tay mình lần chót đi..."

Song đưa một ngón tay lên môi, tay kia lôi tôi ra xa đám đông, đi về phía chỗ gửi xe. Ánh mắt bạn tôi ước ướn, bối rối. Từ đó cho tới lúc chia tay, chúng tôi

chẳng nói thêm với nhau lời nào nữa.

4.

Tôi đương ngồi đọc kinh trước Phật đài thì thấy một ông lão tóc bạc phơ, dài chấm ót, mặc áo dài trắng, bước ra từ sau lưng tượng Phật, không, hình như là xuất ra từ tượng Phật, gương mặt thiết quen thuộc nhưng tôi không thể nhớ là ai.

Tôi đứng dậy chào ông. Ông tới trước mặt tôi, ra dấu biểu ngồi xuống lại rồi ông chậm rãi ngồi xuống một cái ghế tràng kỷ sau cái bàn trà trước mặt tôi. Tôi hơi ngờ ngợ, bộ tràng kỷ chạm lộng mỗi ngày tôi lau chùi cẩn thận bằng cả tấm lòng mình, được đặt ở khách phòng chỗ đầu phải ở trước Phật đài đầu, nhưng sự ngạc nhiên không ở lâu trong trí tôi vì ông lão đã cất giọng ôn tồn hỏi:

"Con đọc kinh mà có hiểu không?"

"Dạ, con không hiểu nhiều, đọc chỉ mong cho lòng con không dao động mà thôi."

"Con dao động vì xót xa đời con nhiều chướng nghiệp. Ta biết! Nhưng chướng nghiệp người đời ai mà không có đâu con. Chướng nghiệp tới không do con tạo kiếp này thì nên quên nó và tha thứ cho người gây hại; chướng nghiệp tới do con huân tập kiếp này thì nên thành tâm sám hối. Không nên dùng kinh kệ để mong quên bất cứ điều gì."

Tôi ngờ ngợ về lời khuyên đó. Vậy thì tôi phải quên bất hạnh xé nát đời tôi do những nhất mả tẩu ghen tuông mà người đàn bà danh ác kia đàn dưng hay sao? Và tôi phải tha luôn tội ác của bà khi quả quyết rằng sự chà lê quét xam của chồng bà ta ở nhà tôi là do tôi quyền rũ, chứ không phải do lòng ham hố và sự ỷ quyền cậy thế của ông ta?

"Thưa lão trượng, quên và tha thứ quả là điều khó khi oan khiên quá to lớn, ảnh hưởng tới suốt cuộc đời mình."

"Bối nghĩ như vậy nên con mãi mãi là người tín nữ, chưa đạt được thời điểm thọ pháp quy y, càng chưa đủ duyên để thọ ni giới."

Ông lão nói trúng điều tôi băn khoăn. Bao nhiêu năm nay sự cụ trụ trì cứ khuyên tôi chờ tâm hồn mình lắng nhẹ xuống hơn nữa mới cho làm lễ thế pháp.

"Thưa lão trượng làm sao cho tâm hồn con lắng nhẹ xuống, không thù hận và biết tha thứ?"

"Khi con ca hát bằng tất cả hồn con, không cầu mong cho người nghe thương hại, không mong họ đứng về phía con. Con hát cho lòng con vui, cho lòng người nghe phơi phới hân hoan chứ không hát để kéo bè kéo cánh với sự cảm hờn buồn tức của con. Nghĩa là con che mặt lại để hát, không cần mang tấm bảng hình hài xưa trước ngực để bắt thiên hạ so sánh với hình dạng con bây giờ. Con hát sao cho người nghe cảm nhận cái cười của con lướt trên những đau khổ sau khăn che mặt là được. Ta biết con để nguyên mặt trần là muốn tạo xúc cảm cho người nhìn."

Tôi trầm ngâm suy nghĩ thiệt lâu. Ông lão nói đúng: Lâu nay tôi đi xin xỏ lòng thương hại, tôi cố kéo bè kéo cánh về phía tôi. Từ nay tôi sẽ đi theo con đường khác. Tôi hỏi:

"Vậy thưa lão trượng, con người phải làm thế nào để hiểu kinh thấu đáo?"

Con nhìn cuộc đời của người chung quanh, con ôn lại đời con từ lúc bé thơ cho tới ngày nay, con quan sát bất cứ một thứ gì theo dòng thời gian thì sẽ hiểu rõ kinh kệ."

Ông lão nói vậy thì tôi thấm. Tất cả vạn vật trên đời này chỉ là do hai thứ hoại và sanh điều khiển. Nhân sắc và cuộc đời tôi đã bị hoại nhưng một thứ khác sẽ nảy sanh là tâm hồn thơ thới của tôi với phong thái mới trọng khi ca hát nếu tôi biết hướng dẫn cái tâm của mình.

Tôi ngược mặt lên, muốn nhìn ông cho rõ ràng hơn và cảm ơn thì ông đã đi mất rồi, trước mặt tôi chỉ còn lại bộ bàn trà, cái trường kỷ với bình tách nước ở vị trí cũ. Tất cả chỉ biến mất đi khi tôi nháy mắt kiểm chứng coi mình tỉnh hay mê.

Ông lão lại hiện ra một lần nữa, lúc nhá nhem tối ba mươi tháng Mười, ngày tôi tỉnh cỡ thu dọn tủ kinh, thấy lại hình vị sư thiết lập chùa cách đây hơn trăm năm. Tôi có tánh hay lau chùi, dọn dẹp. Lau chùi một chút bụi bặm bám trên vật dụng trong chùa như lau sạch lòng mình khỏi những bợn nhơ sân hận, lau chùi cái ngã mạn mình cho nó mòn đi, biến mất đi. Sắp xếp lại những vật bừa bộn đây đó tôi cảm thấy vui vui, như xếp đặt những ý tứ suy nghĩ về ý nghĩa đời sống, về tư tưởng đạo pháp. Dưới bức hình

Không đề

thơ

BIỂU Ý**I**

*cả thế gian này mọi hiện tượng
sẽ mãi vẫn xoay biến hiện
chỉ vì ta,
giác quan dò dẫm ngoại thành
thâu tâm nhiếp ý gian nan thế nào*

II

*như giây leo quấn quít vươn lên trăm ngàn
đợt
là hiện ảnh đang trưởng thành
hủy diệt!
một đời khôn lớn hư hao
hoa nghiêm trang tụng diệu chào hỏi duyên*

III

*tôi có thực là tôi như tôi tưởng
không là tôi?
ai ngời lần chuỗi hạt?
a ha hiểu được lẽ này
mới kham gánh vác bản hoài Như Lai*

IV

*chữ nghĩa giấy má khắc in xuất bản kinh
cười một nụ
không một lời để chép
tông môn Phật Tổ trao truyền
điểm khai nhãn tạng đoá sen tươi hồng.*

ông lão, ai đó ghi chú bằng chữ Hán tôi đọc được lôm bôm do mới học được gần đây: Sư..., thập bát tổ Thiền phái Lâm Tế. Ngộ đạo Kỳ Hối niên... Hình của lão trượng mà tôi được cơ may tiếp chuyện, chỉ khác ở bộ áo và mái đầu không có tóc. Trời! Tôi gặp Tổ mà không biết, Tổ hiện ra để chỉ điểm cho mình mà mình nửa tin nửa ngờ.

Tôi hỏi ông:

"Thưa Tổ, Tổ xuất gia cho đến khi tỵ trần, sao tóc Tổ dài và y phục lại không phải là màu của đệ tử Phật gia?"

"Tóc tai, y phục cốt để phân biệt người ở nhà và kẻ ở chùa, không thay thế cho việc tu hành cũng không nhứt thiết tăng ni phải trọc đầu, phải mặc áo thâm, áo dà, áo vàng bá nạp ẽ a tụng kinh gõ mõ. Cũng vậy, con sống trong chùa này như một tín hữu, nhưng nếu hiểu rõ lẽ đạo, biết tường tận về Phật, Pháp, Tăng thì con đã là một ni sư, ngay cả Tổ cũng không thể coi con như một tín hữu bình thường chỉ đến chùa mười lần trong đời..."

Nói xong ông biến mất, tôi không bao giờ thấy ông lại nữa.

Và kể từ đó tôi hát rất hồn nhiên, hát chào mặt trời mọc, hát tiễn đưa mặt trời lặn, hát mừng mưa, hát đón nắng, hát ca ngợi sương sớm mây chiều, hát bắt tay

cơn gió trận giông. Hát thanh thản, không thù hận, không mong ai tội nghiệp bị thương cho mình, chẳng mong kéo bè cánh với ai để chửi bới mạ lỵ người đã tạo chướng nghiệp bủa xuống đời tôi.

Tôi hát trong thanh thản như ông đã thấy.

5.

Người nghệ sĩ ni sư ngừng kể, chấm tách nước cho tôi, nước đã nguội từ lâu. Tôi nói:

"Tôi quả quyết rằng lão trượng mà bà thấy chỉ là cái tâm lý trí của mỗi người chúng ta mà thôi. Cái tâm đó đối thoại với cái tâm bình thường hằng ngày của ta để chỉnh sửa sự suy nghĩ và hành động của mọi người. Cái bậy của con người là thường xuyên coi thường sự đối thoại cần thiết đó."

Người đối thoại, mở mắt lớn nhìn tôi, trầm ngâm rồi từ tốn gạt gạt nhẹ đầu.

Tôi rời chùa với lòng hân hoan. Nguyên đã tìm được sự thanh thản tuyệt đối ngay trong đời sống này, đã trút bỏ được sự sầu khổ đeo mang nặng nề từ khi bị nạn đến giờ.

Tôi chợt nhớ rằng mình đến chùa khi về nước lần này là muốn hỏi Nguyên nhờ đâu ngày trước chị nhận ra được sự có

mặt của Song trong đám đông, nhờ đâu chị được sáng con mắt đã gần như bị hư để có thể đọc kinh kệ và làm việc công quả cho chùa. Còn anh gì đó, quân y sĩ chồng của chị đầu sao không bao giờ nghe nhắc tới. Nhưng thôi, những chuyện nhỏ nhỏ của đời đó có gì quan trọng đâu. Có thể là do tình yêu sâu đậm đầu đời hướng dẫn. Có thể do một sự chữa trị nào đó hay do sức mạnh của sinh tồn chẳng hạn. Còn anh ấy, có thể đã bị mất trong trại, có thể như tôi, đang sống lưu vong ở xứ người. Có thể và có thể... Nhưng sự chắc chắn nhứt là người tín nữ tên Nguyên đã sống đời sống thuần khiết của một người tu hành bằng cả tâm hồn mình.

Trong sự lằng lằng vui đó tôi đi qua khu vườn trước sân chùa mà cảm thấy tiếng hát của người tín nữ ni sư này quyện trong từng lá cây, từng ngọn gió; tôi hình dung được nụ cười mãn nguyện của bà sau tấm khăn che mặt, che những vết theo như xóa bỏ vết tích tội lỗi của người gây nghiệp chướng cho bà, nói theo cách nói ở đây bây giờ: nản toàn tập đã kết thúc, bà đang mở ra những chương mới của đời thanh thoát....

Nguyễn Văn Sâm

(Victorville, CA
cuối tháng 11-2012)

QUAN ĐIỂM

CHĂM SÓC NGỌN ĐÈN

Tâm Quang

Sống ở đời, ai cũng tự vạch cho mình một lý tưởng để theo. Dù nhỏ hay lớn, cạn hay sâu, cao hay thấp, lý tưởng ấy phải có. Người thể gian sống không lý tưởng là người bỏ đi. Không ai muốn trôi trên dòng sông đời như bèo, như bọt. Người con Phật cũng thế, khi đã chọn nếp sống đạo, đã chọn một lý tưởng, đã phải có lý tưởng. Mà lý tưởng của người con Phật thì thật thâm viễn cao xa. Nó là ngọn đèn soi sáng con đường dẫn đến mục tiêu giải thoát giác ngộ. Lý tưởng không phải là mục tiêu; nhưng không có lý tưởng thì mục tiêu cũng không thể thành tựu. Đó là nhìn ở mức độ tương đối của tục đế, của nhân và quả.

Nhìn xa hơn, Bồ tát dẫn thân hành đạo là thực hiện lý tưởng cứu độ chúng sanh; không thực hiện con đường ấy thì không viên mãn Phật quả. Chính nơi đây, lý tưởng và mục tiêu là một; nhân và quả đồng thời. Không có sự viên mãn trước và sau giữa Bồ tát và chúng sanh. Cùng tất cả chúng sanh, đồng lúc chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (*Nguyên dữ nhất thiết chúng sanh, nhất thời đồng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề*).

Và nhìn chung, dù thế nào đi nữa, lý tưởng phải được thắp sáng thường xuyên để không đi chệch mục tiêu tối hậu. Mục tiêu của một đời người, thường thì có thể nhận biết rõ ràng là có thể đạt được hay không khi nhìn vào cách đương sự theo đuổi và giữ vững được lý tưởng của mình. Bỏ rơi lý tưởng rồi, người ta có thể trôi giạt đến bất kỳ bến bờ nào, ngay cả những bến bờ mà họ chẳng bao giờ nghĩ đến, chẳng bao giờ mong đợi.

Đường hướng sinh hoạt của một tổ chức Phật giáo là một lý tưởng. Mục tiêu nhắm đến của nó không phải trong một đời người (của mỗi thành viên), hay qua vài thế hệ; cũng không phải chỉ giới hạn trong một quốc gia, một dân tộc. Nó vượt đến vô tận không gian, vô cùng thời gian. Dù cố gắng giới hạn cho vừa với tầm mức của mình thì cũng nhằm vào đại khối dân tộc và nhân loại.

Lý tưởng cao rộng, nhắm đến mục tiêu cao rộng. Cứu độ chúng sanh, thành tựu đạo quả giác ngộ, là phương trời siêu tuyệt mà người con Phật nhắm đến bằng muôn vàn phương tiện; muôn vàn phương tiện mở ra muôn vàn đường hướng, tổ chức, hệ phái, giáo phái. Bằng con đường như thế, hàng xuất gia, trưởng tử Như Lai, từ ngàn xưa đến nay, là những nhân tố tiên phong, tiêu biểu, nêu cao ngọn đèn lý tưởng ấy cho chính mình, cho những người con Phật khác, và cho tất cả chúng sanh.

Các cơ cấu tổ chức Phật giáo, như vậy, rõ ràng chỉ là những dòng, những nhánh của một dòng sông, hoặc là những tia sáng tỏa chiếu từ một ngọn đèn. Điều đáng buồn là có khi chúng ta chỉ mãi mê chạy theo những tia sáng nhỏ, những nhánh sông nhỏ ấy với bao tranh chấp và bất hòa, ngờ vực và đố kỵ, hơn thua với nhau ở những địa vị, những danh vọng hão huyền mà người con Phật, xuất gia hay tại gia, từng coi như đối đệp bỏ.

Hãy cùng đọc lại một câu chuyện Thiền trong "Góp Nhặt Cát Đá" của Thiền sư Muju mà hầu như mọi người ai cũng biết:

Thời xưa ở Nhật, về đêm người ta thường dùng lồng đèn tre với ngọn nến bên trong. Một người mù đến viếng bạn vào ban đêm và được gia chủ biểu cho cây đèn lồng mang về.

"Tôi chẳng cần đèn." ông ta bảo, "Tối và sáng đối với tôi đều giống nhau."

"Tôi biết anh không cần đèn để soi đường," người bạn trả lời, "nhưng nếu anh không mang đèn thì kẻ khác có thể đâm sầm vào anh. Thôi hãy cầm lấy."

Người mù ra đi với cây đèn lồng và chẳng bao lâu sau có người va vào ông.

"Hãy xem chừng chú!" ông nói lớn với người lạ. "Bộ không thấy ngọn đèn sao?"

"Nến của ông đã tắt ngấm rồi, ông bạn ạ," người lạ trả lời.

Quờ quạng trong cơn mê vọng đã nhiều kiếp, chúng ta có thói quen ỷ lý chấp nhận một đời sống không ánh sáng, không lý tưởng chi cả. Nhưng khi có được chút ánh sáng le lói, chúng ta dương dương tự đắc, nghênh ngang đi lại giữa đời, cho rằng mình đã có ngọn đèn trên tay thì mọi người phải kiêng dè kính nể; cho rằng mọi người phải thấy, phải tôn trọng người cầm đèn; cho rằng ngọn đèn của mình là nhất hạng; cho rằng mọi người đều mù lòa tăm tối cả, chỉ mình ta là sáng; cho rằng đèn này tốt hơn đèn kia, so đo bàn cãi với nhau về vẻ đẹp của đèn điện, đèn dầu, đèn bạch lập... Bao điều đáng buồn từ đó nảy sinh. Người mắt sáng và nhằm người mù thì cũng chỉ va vào ban đêm một cách vô tình, hãy còn tha thứ được; còn người mù thì quơ quào, va chạm, đụng độ với mọi người bất kể ngày đêm.

Khổ thay! Ngọn đèn không được bảo vệ, chăm sóc, đã tắt ngấm đi rồi, thì làm sao thấy đường về nhà? Không lẽ người chột, người đui, người mù, dắt díu nhau, mò mẫm lạng quạng giữa những đêm dài mang mang mờ mịt!

Về ngồi bên nhau, lo chăm sóc ngọn đèn của chúng ta. Không phải để vinh danh ngọn đèn; cũng không phải để vinh danh người đốt đèn, người cầm đèn. Mà chính là để thấy được con đường trở về quê xưa.



MÙA ĐÔNG... TỊNH

Biện thị Thanh Liêm

Mùa Đông, Tuệ sang thăm tôi. San Jose mùa Đông không có tuyết cũng như phía Georgia của Tuệ. San Jose chỉ có sương. Sương rơi như giòng sông trắng, sương tràn lấp trên những con đường quanh quanh phố thị. Khoảnh khắc lại tan đi... rú nhau bay về hội tụ trên những đỉnh núi cao phía Bắc.

Gặp lại tôi, Tuệ hay nhắc về Scarlett, nhân vật nữ mà tôi rất thích khi còn thời trung học vì với cá tính mạnh mẽ nàng đã vượt thoát những nghịch cảnh trái ngang để sống cuộc đời mình. Georgia có Margaret Mitchell, đã lưu lại một tác phẩm bất hủ "Cuốn theo chiều gió" (Gone with the Wind) cho nhân loại. Hồi đó, tôi gọi Scarlett miền Tara thôn dã của Georgia là "cánh hoa thời ly loạn" trong cuộc nội chiến kinh hoàng của lịch sử Mỹ vào những năm 1861. Không ngờ, khi đất nước mình chấm dứt chiến tranh tôi cũng như mẹ, như mọi người đàn bà khác đã lê lết bước chân mình trên mọi nẻo thăm nuôi với một quãng xuân thời đắng ngắt. Lắm lúc tưởng chừng như không còn chút gì để hy vọng để tin yêu. Cũng từ đó, tôi hiểu sâu thêm được một điều rất thật, là trong đời sống của mình: tôi sẽ không sống được mạnh mẽ tới ngày hôm nay hoặc thành tựu bất cứ một chuyện gì nếu không có Phật lực, Hộ pháp gia trì để lần hồi vượt qua hết thảy khổ ách. Tuệ cũng chân thành đồng ý với tôi là như vậy.

Tuệ là lớp đàn anh của nhà tôi và tôi khi còn thuở sinh viên. Tuệ lớn hơn bọn tôi vài tuổi nhưng lại rất thân như đồng trang lứa vì nhiều hệ lụy khi cùng học cùng tù. Pháp danh thầy đặt cho là Chơn Không hẳn mang nhiều ý nghĩa với anh. Tôi nhớ có lần thầy bảo, các con tu phải "gắt" lên đi, coi vậy chứ Tuệ khi quay về... các con chạy theo không kịp đâu.

Gặp lại Tuệ. Tôi hay nhắc về những ngày xưa cùng thầy cùng chúng khi anh với nhà tôi xa khuất ngày về. Chốn rừng núi xa xôi khắc nghiệt... đã hủy mòn cả một đời trai trẻ của các anh thì chính lúc ấy tôi có phước duyên gặp thầy khai tâm dạy pháp. Đã bấy lâu... cũng vào chùa gặp tăng, hội chúng thể mà sao tôi nghe lòng mình cứ vẫn... như không. Đến khi lên gặp thầy đến cũng vài phen chỉ vì anh vì nhà tôi là đệ tử của thầy... Thì đến hôm, tôi đã bị nhiếp phục bởi vị sư già với cái dáng lững thững quê mùa nửa đùa nửa thật, như nói chuyện bằng quơ, "hà!... *mình chung thủy với chính mình thôi mà cứ ngỡ là chung thủy với người với đời...*"

Lúc ấy tôi nhớ giữa trưa mà tôi nghe mình bỗng như lạnh toát. Tôi chợt nghe mình như lạ, đang rơi. Thầy nói nhẹ nhàng chuyện ai mà tôi cảm thấu như mình đã nhìn ra trong suốt, về mình. Tôi níu vạt áo thầy, bạch

thầy thầy nói ai vậy. *Thầy nói con chứ ai, con chỉ chung thủy với ý nghĩ của con thôi chứ có phải chờ đợi vì yêu thương không đâu.*

Té ra bấy lâu tôi tôi sống với lớp sương hư tưởng, cái ngã chấp rất lớn của mình mà cứ an tâm nghĩ mình đã là rất thật. Tùy căn tánh mỗi người mà thầy giúp đệ tử khả năng khai phá để rồi tự bản thân sẽ vượt thoát chính mình. Tôi và nhà tôi thuở ấy mới chỉ là bạn học cùng Ban... chưa kịp đính hôn thì "trời đất bỗng nổi cơn gió bụi"... cuốn tôi đã xuôi ngược thăm chàng. Vậy mà... 3 năm rồi 5 năm rồi 7... năm... tôi sống bên bạn bè với lớp hào quang như huyền thoại rực rỡ về mình về "một chiến hữu không bao giờ từ bỏ chiến hữu mình trong cơn hoạn nạn" trong khi quanh tôi "khách má hồng" đã lần hồi bỏ dở cuộc chơi... khi đời bỗng quá đổi truân chuyên gồng gánh.

Hiểu chút được mình, lắng nghe lớp sương đông bắt đầu tan loãng khi mặt trời đã sáng rực trên non cao thì thầy ơi, có sá chi hạt sương mỏng trong mỗi sớm mai trên đầu ngọn cỏ với cái khoảnh khắc ... ruổi giòng một đời người suốt 14 năm chờ đợi?... đã như dần trải nghiệp lực của mình mới thấu được phần nào mỗi đạo. Như một trò chơi đã sắp sẵn, như giấc chiêm bao hoa mộng thoáng thấy bóng dáng mình cứ sẵn đuổi rảo riết theo nghiệp lực của chính mình...

Thoắt vậy đã mấy mươi năm. Cuộc đời cứ "vừa trả vừa vay" khi tỉnh khi mơ. Chút quên thì cứ như người "ghiền khổ" không chịu buông lối, khi nhớ thì thấy mình như tên hề trên sân khấu lúc khóc khi cười hẳn hoan vai diễn.

Con nước trôi, phải có lúc dừng. Nước cứ trôi... xuyên qua lau lách của góc đời hiu quạnh nên lúc đục lúc trong. Thành thang ra biển lớn trời cao thì xanh biếc... lúc rơi trong sông lạch thì cạn nước héo khô. Nhưng nước không quên đời nước... khởi ra từ nguồn cội nên không là biển lớn hay sông sâu. Đục trong tùy khúc, tạnh nước vẫn lặng lẽ. Chảy trôi.

Một đời, làm sao để không thẹn với bốn sư và không quên anh, Chơn Không hay Tuệ như thiện trí thức đã dẫn lối tìm về...

(còn tiếp)



HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG

Nguyên tác Anh ngữ “Good Question, Good Answer” của **Ven. Shravasti Dhammika**

Thích Nguyên Tạng dịch

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG 3

Phật giáo và quan niệm về Thượng đế

Người Phật tử có tin ở Thượng Đế không ?

Không, chúng tôi không tin. Có nhiều lý do để giải thích điều này. Đức Phật, như các nhà tâm lý học và xã hội học hiện đại, tin rằng ý niệm đạo lý và nhất là quan điểm về Thượng Đế có cùng một nguồn gốc là sự sợ hãi. Đức Phật từng nói:

"Vì sự sợ hãi bất an mà con người thần thánh hóa núi non, cây rừng, lầy lội." (Pháp cú 188)

Con người vào thời sơ khai tự thấy mình sống trong một thế giới nguy hiểm và thù địch, sợ hãi loài dã thú, không có khả năng kiếm đủ thực phẩm, lo sợ mình bị thương hay bệnh hoạn và hãi hùng khi những hiện tượng thiên nhiên như sấm chớp, núi lửa luôn đe dọa họ. Họ nhận ra sự bất an và chính họ tự tạo ra những tư tưởng thần thánh để tự an ủi mình trong một hoàn cảnh, và khơi dậy lòng can đảm khi họ lâm nguy và để an ủi họ khi hoàn cảnh trở nên xấu đi. Đối với thời điểm khủng hoảng hiện nay, bạn sẽ thấy người ta trở về với tín ngưỡng nhiều hơn, bạn sẽ nghe họ nói rằng tin tưởng vào một vị thần, một vị thánh nào đó thì họ sẽ có được sức mạnh để có thể đương đầu với cuộc sống. Bạn sẽ nghe họ giải thích rằng họ tin vào một đấng thiêng liêng đặc biệt, và lời cầu nguyện của họ được đáp ứng. Tất cả những điều này đã được Đức Phật dạy rằng ý niệm về Đấng thiêng liêng là do sự sợ hãi và thất vọng của con người mà có. Đức Phật dạy chúng ta nên cố gắng tìm hiểu những nỗi sợ hãi của chúng ta, hãy loại bỏ đi những tham muốn và hãy tiếp nhận những gì không thể đổi thay được trong bình tĩnh và can đảm. Đức Phật đã thay thế nỗi sợ hãi ấy không phải bằng một niềm tin phi lý mà bởi chánh kiến hợp lý.

Lý do thứ hai, Đức Phật không tin vào thần linh vì ở đó dường như không có một bằng chứng nào để xác tín cho ý tưởng ấy. Có nhiều tôn giáo tuyên bố rằng chỉ có lời dạy của Đấng giáo chủ của họ là được duy trì, rằng họ hiểu là chỉ có một vị Chúa độc nhất, rằng Đấng thiêng liêng của họ đang hiện hữu còn những giáo chủ của những tôn giáo khác thì không có. Một số tôn giáo thì tuyên bố Thượng Đế là nam, nhưng một số khác thì cho rằng Thượng Đế là nữ, số còn lại thì cho là trung tính. Tất cả họ đều thỏa mãn rằng có nhiều bằng chứng để chứng minh Thượng đế của họ hiện hữu nhưng họ lại cười mỉa mai và không tin vào những chứng cứ cho sự có mặt Thượng Đế của những tôn giáo khác. Thật không có gì ngạc nhiên, vì có quá nhiều tôn giáo đã bỏ ra nhiều thế kỷ để cố gắng chứng minh sự hiện hữu của Thượng Đế mà vẫn không có thật hoặc không có chứng cứ cụ thể nào

được tìm thấy. Đối với người Phật tử ngưng hết mọi phản quyết ấy cho đến khi những chứng cứ đó được phơi bày.

Lý do thứ ba, Đức Phật không tin vào Thượng Đế, vì tin tưởng như thế không cần thiết. Một số người tuyên bố rằng tin tưởng ở Thượng Đế là cần thiết để lý giải về nguồn gốc của vũ trụ. Nhưng điều này không đúng. Khoa học có một lối giải thích rất thuyết phục về quá trình hình thành của vũ trụ mà không liên hệ gì đến ý niệm của Thượng Đế. Có một số cho rằng tin tưởng vào Thượng Đế là cần thiết để có một cuộc sống ý nghĩa và hạnh phúc. Một lần nữa chúng ta thấy điều đó cũng không đúng. Không kể đến tín đồ Đạo Phật, có hàng triệu người không theo tôn giáo nào và có tư tưởng tự do, không đặt niềm

tin nơi Thượng Đế mà vẫn có một cuộc sống hạnh phúc, có ý nghĩa và hữu ích. Một số cho rằng tin vào sức mạnh của Thượng Đế là cần thiết vì con người là những sinh vật yếu đuối không đủ sức để tự cứu lấy mình. Một lần nữa, chúng cố ấy vẫn đưa đến sự mâu thuẫn. Người ta thường nghe rằng có người từng vượt qua bao chướng ngại, bao tai họa, bao xung đột và bao khó khăn bằng nỗ lực nội tâm của họ mà không tùy thuộc vào niềm tin nơi Thượng Đế. Một vài người tuyên bố rằng tin tưởng Thượng Đế là cần thiết để con người được cứu rỗi. Lý lẽ này chỉ đúng nếu trường hợp bạn là người chấp nhận lý thuyết của cứu rỗi và với người Phật tử không chấp nhận một quan niệm như thế. Dựa vào kinh nghiệm bản thân, Đức Phật nhìn thấy rằng mỗi chúng sanh đều có khả năng

tịnh hóa tâm hồn, phát triển lòng từ bi và hoàn thiện sự hiểu biết. Ngài đã gạt bỏ sự chú ý về thiên đàng và nhắc nhở chúng ta nên tìm kiếm những giải pháp cho những vấn đề của chúng ta qua sự hiểu biết của chính mình.

Nhưng nếu không có Thượng Đế thì làm sao có được vũ trụ?

Mọi tôn giáo đều có những chuyện huyền bí để giải đáp cho câu hỏi này. Ngày xưa, con người ngây ngô chưa biết gì, những chuyện huyền bí như vậy rất phù hợp. Nhưng vào thế kỷ hai mươi này, trong thời đại vật lý, thiên văn học và địa chất học, những điều huyền bí như thế sẽ bị những cơ sở khoa học đẩy lui. Khoa học đã giải thích nguồn gốc của vũ trụ mà không theo ý niệm của Thượng Đế.

Như vậy thì Đức Phật đã nói gì về nguồn gốc của vũ trụ?

Thật là thú vị là lời giải thích của Đức Phật về nguồn gốc của vũ trụ rất phù hợp và gần gũi với quan điểm khoa học. Trong Kinh Trường A-Hàm, Đức Phật mô tả vũ trụ bị hoại diệt và rồi tái tiến hóa thành hình dạng hiện nay vô số triệu năm. Cuộc sống sơ khai hình thành từ những sinh vật có dạng



đơn giản đến dạng phức hợp trên mặt nước trải qua vô số triệu năm. Tất cả những tiến trình đó không có khởi đầu và kết thúc, và được vận hành theo những nguyên lý tự nhiên.

Bạn nói không có chứng cứ về sự hiện hữu của Thượng đế. Vậy những phép lạ là cái gì?

Nhiều người tin rằng những phép lạ là bằng chứng về sự hiện hữu của Thượng Đế. Chúng ta từng nghe những lời tuyên bố bừa bãi về cách dùng phép lạ để chữa khỏi bệnh, tuy nhiên chúng ta chưa bao giờ có được một chứng cứ nào từ văn phòng y khoa hay của một bác sĩ xác nhận về việc đó. Chúng ta đã nghe những tin đồn rằng có một số người được cứu sống khỏi những thiên tai một cách kỳ lạ nhưng chúng ta chưa bao giờ thấy có được một lần chứng kiến giải thích về việc ấy. Chúng ta đã nghe đồn đoán rằng lời cầu nguyện có thể đi thẳng vào thân thể hay đến với tử chi quẻ quật của bệnh nhân, nhưng chúng ta chưa bao giờ thấy chụp quang tuyến hay có một lời nhận xét đúng đắn của những bác sĩ và y sĩ. Thật hiếm khi những phép lạ có bằng chứng rõ ràng và những bằng chứng này lại không thay thế được những lời tuyên bố bừa bãi, những bản báo cáo và tin đồn nhảm. Tuy nhiên, đôi khi những trường hợp không thể giải thích cũng có xảy ra, những sự kiện không chờ đợi đã xảy đến. Chúng ta phải thừa nhận sự bất lực của con người không thể giải thích được những bằng chứng về sự hiện hữu của Thượng Đế. Điều đó chứng minh rằng kiến thức của chúng ta còn giới hạn. Trước thời kỳ nền y học hiện đại phát triển, người ta không biết đâu là nguyên nhân gây ra bệnh và tin rằng Thần linh hay Thượng đế tạo ra bệnh tật để trừng phạt con người. Ngày nay chúng ta đã biết được lý do nào gây ra bệnh và khi đau bệnh chúng ta uống thuốc. Đã đến lúc kiến thức của chúng ta về thế giới ngày càng hoàn thiện hơn, chúng ta có thể hiểu cái gì tạo ra những hiện tượng không giải thích được, cũng như những nguyên do gây ra bệnh.

Nhưng có quá nhiều người tin vào một vài hình thức của Thượng Đế, điều đó chắc là đúng?

Không hẳn. Đã có lúc người ta tin rằng trái đất này là bằng phẳng. Nhưng họ đã sai. Số người đã tin vào tư tưởng mà họ không dựa trên sự thật thường hay sai lầm. Chúng ta có thể nói việc ấy đúng hay sai chỉ bằng cách quan sát các sự kiện và kiểm tra lại chứng cứ.

Như thế, nếu như người Phật tử không tin vào Thượng Đế thì họ tin vào cái gì?

Chúng tôi không tin vào Thượng Đế vì chúng tôi tin ở con người. Chúng tôi tin rằng mỗi con người là cao quý và quan trọng, rằng tất cả đều có một tiềm lực để thành một vị Phật - một con người toàn hảo. Chúng tôi tin rằng con người có thể vượt thoát được vô minh, những điều phi lý và thấy được mọi sự vật đúng như thật. Chúng tôi tin rằng ghen ghét, giận dữ, ganh tị khinh khi có thể thay thế bằng lòng yêu thương, nhân nhục, rộng lượng và tử tế. Chúng tôi tin rằng tất cả những điều này đang có sẵn ở trong mọi người, nếu họ nỗ lực và được hướng dẫn, được những Phật tử thuần thành hỗ trợ và được hấp thụ giáo lý của Đức Phật. Như lời Phật dạy:

*"Không ai có thể cứu ta ngoại trừ chính ta.
Không ai có thể và không ai có thể làm được.
Chính ta phải bước vào con đường này.
Chư Phật chỉ là người dẫn đường."
(Kinh Pháp Cú 165)*

(còn tiếp)

GOOD QUESTION, GOOD ANSWER

by *Ven. Shravasti Dhammika*

CHAPTER 3 Buddhism and the God-idea

Do Buddhist believe in god?

No, we do not. There are several reasons for this. The Buddha, like modern sociologists and psychologists, believed that religious ideas and especially the god idea have their origin in fear. The Buddha says:

*"Gripped by fear men go to the sacred mountains,
sacred groves, sacred trees and shrines".* (Dp 188)

Primitive man found himself in a dangerous and hostile world, the fear of wild animals, of not being able to find enough food, of injury or disease, and of natural phenomena like thunder, lightning and volcanoes was constantly with him. Finding no security, he created the idea of gods in order to give him comfort in good times, courage in times of danger and consolation when things went wrong. To this day, you will notice that people become more religious at times of crises, you will hear them say that the belief in a god or gods gives them the strength they need to deal with life. You will hear them explain that they believe in a particular god because they prayed in time of need and their prayer was answered. All this seems to support the Buddha's teaching that the god-idea is a response to fear and frustration. The Buddha taught us to try to understand our fears, to lessen our desires and to calmly and courageously accept the things we cannot change. He replaced fear, not with irrational belief but with rational understanding.

The second reason the Buddha did not believe in a god is because there does not seem to be any evidence to support this idea. There are numerous religions, all claiming that they alone have god's words preserved in their holy book, that they alone understand god's nature, that their god exists and that the gods of other religions do not. Some claim that god is masculine, some that she is feminine and others that it is neuter. They are all satisfied that there is ample evidence to prove the existence of their god but they laugh in disbelief at the evidence other religions use to prove the existence of another god. It is not surprising that with so many different religions spending so many centuries trying to prove the existence of their gods that still no real, concrete, substantial or irrefutable evidence has been found. Buddhists suspend judgement until such evidence is forthcoming.

The third reason the Buddha did not believe in a god is that the belief is not necessary. Some claim that the belief in a god is necessary in order to explain the origin of the universe. But this is not so. Science has very convincingly explained how the

universe came into being without having to introduce the god-idea. Some claim that belief in god is necessary to have a happy, meaningful life. Again we can see that this is not so. There are millions of atheists and free-thinkers, not to mention many Buddhists, who live useful, happy and meaningful lives without belief in a god. Some claim that belief in god's power is necessary because humans, being weak, do not have the strength to help themselves. Once again, the evidence indicates the opposite. One often hears of people who have overcome great disabilities and handicaps, enormous odds and difficulties, through their own inner resources, through their own efforts and without belief in a god. Some claim that god is necessary in order to give man salvation. But this argument only holds good if you accept the theological concept of salvation and Buddhists do not accept such a concept. Based on his own experience, the Buddha saw that each human being had the capacity to purify the mind, develop infinite love and compassion and perfect understanding. He shifted attention from the heavens to the heart and encouraged us to find solutions to our problems through self-understanding.

But if there are no gods how did the universe get here?

All religions have myths and stories which attempt to answer this question. In ancient times, when many simply did not know, such myths were adequate, but in the 20th century, in the age of physics, astronomy and geology, such myths have been superseded by scientific fact. Science has explained the origin of the universe without recourse to the god-idea.

What does the Buddha say about the origin of the universe?

It is interesting that the Buddha's explanation of the origin of the universe corresponds very closely to the scientific view. In the Aganna Sutta, the Buddha described the universe being destroyed and then re-evolving into its present form over a period of countless millions of years. The first life formed on the surface of the water and again, over countless millions of years, evolved from simple into complex organisms. All these processes are without beginning or end, and are set in motion by natural causes.

You say there is no evidence for the existence of a god. But what about miracles?

There are many who believe that miracles are proof of god's existence. We hear wild claims that a healing has taken place but we never get an independent testimony from a medical office or a surgeon. We hear second-hand reports that someone was miraculously saved from disaster but we never get an eye-witness account of what is supposed to have happened. We hear rumours that prayer straightened a diseased body or strengthened a withered limb, but we never see X-rays or get comments from doctors or nurses. Wild claims, second-hand reports and rumours are no substitute for solid evidence and solid evidence of miracles is very rare.

However, sometimes unexplained things do happen, unexpected events do occur. But our inability to explain such things does not prove the existence of gods. It only proves that our knowledge is as yet incomplete. Before the development of modern medi-



cine, when people didn't know what caused sickness people believed that god or the gods sent diseases as a punishment. Now we know what causes such things and when we get sick, we take medicine. In time when our knowledge of the world is more complete, we will be able to understand what causes unexplained phenomena, just as we can now understand what causes disease.

But so many people believe in some form of god, it must be true.

Not so. There was a time when everyone believed that the world was flat, but they were all wrong. The number of people who believe in an idea is no measure of the truth or falsehood of that idea. The only way we can tell whether an idea is true or not is by looking at the facts and examining the evidence.

So if Buddhists don't believe in gods, what do you believe in?

We don't believe in a god because we believe in man. We believe that each human being is precious and important, that all have the potential to develop into a Buddha – a perfected human being. We believe that human beings can outgrow ignorance and irrationality and see things as they really are. We believe that hatred, anger, spite and jealousy can be replaced by love, patience, generosity and kindness. We believe that all this is within the grasp of each person if they make the effort, guided and supported by fellow Buddhists and inspired by the example of the Buddha. As the Buddha says:

*"No one saves us but ourselves,
No one can and no one may.
We ourselves must walk the path,
But Buddhas clearly show the way".*
(Dp 165)

(to be continued...)

Ta chợt thấy bên đường
 Những hạt bụi vô tình ai để rơi trong mắt
 Những nét mặt hốc hác thương gầy tuôn gió bắc
 Những tâm hồn khép kín dấu rêu phong
 Tóc rối chiều mây ướt giọt sương lòng
 Áo và trời xanh
 Bước đi trong dấu ngoặc.

Những cơn gió rát người
 Bên đường gập ghềnh sỏi đá
 Người đi đâu, cát bụi ngược xuôi về
 Mây trắng, mây đen
 Mắt xanh, mắt đỏ
 Bóng ảo, ma hời
 Mộng đây sao xác cơn mê.

Những chiếc lưng còng
 Mang nặng ngàn cân gió bụi
 Ai thương đến bao kiếp đời làm lữ
 Thấy nghĩ gì miệng nhỏ dân đen?
 Dưới mắt trời sâu
 Mặc tình trong bóng tối
 Cười khinh khi ngao nghẽ chuyện đê hèn.

Âm ỉ thời gian
 Nhưng ta nào thấy đích thực câu trả lời
 Chỉ nghe gió lạnh
 Không gian đầy chiếc lá vàng rơi!



Hoa Ánh Sáng

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

Nhưng ta vẫn tin
 Có nắng là hoa ánh sáng
 Nở trong bến đục ao tù
 Nở trong hơi thở của ngàn hoa cỏ
 Nở trong hồn cát bụi muôn đời
 Nở trong chơi vơi và trong máu tim người
 Để trở thành ánh sáng tinh khôi hội về ý thức
 Cho niềm mơ ước vui tươi.

Ai mang nặng tâm hồn ngàn trăng sao thuở ấy...
 Sức sống đâu phải là lau sậy
 Thời gian đâu phải là hoang vu.

Hoa Nắng
 Vẫn là hoa ánh sáng
 Cho muôn vạn chồi xanh
 Cho muôn triệu trái tim gầy
 Ai có nghe nhịp đời trong từng hơi thở hôm nay?

PHẬT PHÁP VỚI TUỔI TRẺ

Ý NGHĨA MÀU LAM

GDPTVN tại Hoa Kỳ biên soạn

Để tạo sự đồng nhất của một tổ chức, người ta thường đòi hỏi các thành viên phải mặc áo quần đồng phục. Tùy theo mục đích của tổ chức, đồng phục cũng được chọn lựa để biểu lộ tinh thần của tổ chức đó. Gia Đình Phật Tử Việt Nam cũng không ngoại lệ, và màu lam được chọn lựa cho màu áo của tổ chức.

Màu Lam của Gia Đình Phật Tử với những ý nghĩa sau:

1. Bình đẳng: Tổ chức GDPT gồm đủ mọi thành phần, từ một em bé lên năm đến một cụ già bảy tám mươi tuổi; từ một người lao động tay chân đến những người học rộng tài cao; từ một em học sinh vỡ lòng đến một vị giáo sư kinh nghiệm. Tất cả đều đến với nhau trong tinh thần bình đẳng, san sẻ từ cái vui đến cái khổ mà không bao giờ phân bì hơn thua cao thấp.

2. Hòa đồng: Màu lam là màu hòa hợp với thiên nhiên và màu sắc. Màu lam có thể đứng chung với bất cứ màu nào mà không quá nổi bật hoặc chìm đắm. Nếu một màu sắc sỡ như đen hoặc đỏ, thì màu lam là một màu nhu hòa. Nếu một buổi trời nắng chang chang, màu lam là một màu dịu mát. Nếu một buổi sáng mùa đông lạnh lẽo, thì màu lam là màu mang theo hơi ấm. Tất cả đó là mục đích của Tổ Chức là luôn đem vui cứu khổ đến cho muôn loài.

3. Tinh tấn và Nhẫn nhục: Màu lam là một màu dễ cảm mến. Người mặc áo màu lam vào mình cũng không thể nóng nẩy, hoặc u buồn mà phải luôn luôn nhẫn nhục và tinh tấn trên đường tu học và giúp ích mọi loài. Màu lam là một màu dễ dơ nhưng khó thấy, biểu lộ cho một tinh thần của Phật Giáo. Phật tánh hay ma tánh cũng tại tâm ta. Nếu chúng ta vẫn mãi chạy theo tham dục thì Phật tánh cứ mãi che khuất. Nếu chúng ta biết xa dần dục vọng thì Phật tánh lại càng ngày càng tăng trưởng trong tâm chúng ta. Chiếc áo Lam của tổ chức mang một ý nghĩa thật cao quý. Chúng ta nên cố gắng giữ gìn chiếc áo cũng như giữ gìn thân tâm của chúng ta phải luôn trong sạch. Không làm hoen ố nó. Có như vậy mới xứng đáng là một đoàn sinh của Tổ Chức.

THE MEANING OF THE GRAY COLOR

To foster unity in an organization, the members usually are asked to wear uniforms. Depending on the goals of the organization, the uniform is chosen to represent the spirit of that group. The Vietnamese Buddhist Youth Organization is not an exception. The gray color is chosen purposefully to be the color of the shirt to be a part of the uniform.

The color gray symbolizes:

1. Equality, No Discrimination: The Vietnamese Buddhist Youth Organization consists of many classes. It does not matter if the person is a six-year-old child or a seventy-year-old person, a blue or a white collar working person, a kindergartener or a professor, he/she will be treated equally. Everyone is welcomed without any discrimination. They share together each other's happiness and sorrow.

2. Harmony: Gray is a color which harmonizes with nature and all other colors. When put together with other colors, gray is not bright and does not stand out from the rest. Nor is it a dull color. With a loud color such as red or orange, gray softens its brightness. On a hot summer day, the gray color is a cool color to wear or to look at. In a cold winter morning, gray brings warmth. All these aspects of gray represent the purpose of the Buddhist Youth Organization --Using happiness to reduce the sufferings of all beings.

3. Diligence and Patience: Gray is well liked color. A person donning (wearing) the gray uniform shirt should not be temperamental or dispirited but always be patient. He/she should be diligent in learning and practicing Buddhism to help other beings end the cycle of life and death.

The gray shirt of our organization has noble meanings. To be a good member of the Buddhist Youth Organization, one must always strive to keep the shirt, as well as the mind and body pure. One should not defile/disgrace it.



BÀI ĐỌC THÊM:

Ý NGHĨA MÀU LAM

I – EM NGHE:

1. Màu lam là của khói hương, màu thường thấy ở khắp các chùa chiền, ở những nơi thờ kính. Đó là màu nói lên đức TIN của con người.

2. Màu lam là màu dịu hòa. «Dịu» vì nó không sắc sỡ, không lòe loẹt như phần nhiều các màu sắc khác. Đó là màu nói lên tấm lòng dứt bỏ những ham muốn sắc tướng giả tạo, và duy trì một đời sống thanh đạm, biết đủ (tri túc) và bớt tham (thiểu dục). «Hòa» vì nó là một màu có thể hòa hợp với mọi màu sắc và cảnh giới thiên nhiên trong vũ trụ. Đây là một đặc tính căn bản trong giáo lý Phật đả, và cũng là một đặc tính căn cơ của những người con Phật, trong tinh thần dẫn thân giúp đời.

3. Màu lam là màu được tạo nên do sự pha hòa giữa màu trắng và một tí màu đen của mực tàu (với một ít màu xanh dương). Màu trắng là màu tượng trưng cho sự thanh khiết, sự không ô nhiễm. Màu đen là màu của sự đen tối, của sự uế tạp. Như vậy màu lam có thể được xem như biểu tượng của chúng sanh với phật tánh (màu trắng) đã sẵn có, nhưng đang bị che lấp bởi vô minh (màu đen).

4. Màu lam là truyền thống của Phật giáo đồ Việt Nam. Từ ngàn xưa, màu áo lam là màu được dùng cho những ai vừa bước chân vào ngưỡng cửa chùa để theo Phật, học Phật, và hộ trì Tam Bảo. Theo giới luật, các chú Tiểu, hay các vị xuất gia chưa thọ giới Tỳ kheo, đều mặc áo nhật bình màu lam. Các cư sĩ tại gia khi đến chùa thì mặc áo tràng màu lam. Các hình thức y phục và màu sắc này đã được lưu truyền qua các thời đại lịch sử của dân tộc.

II. EM Suy Ngẫm:

Em đến với Gia Đình Phật tử, em khoác chiếc áo lam lên người, đó là em nguyện thân em thành hương khói chùa chiền, dâng cả lòng TIN của em lên Đức Từ Phụ, thể thờ thành một Phật tử chân chính, luôn luôn tự sửa mình và giúp đời.

Màu áo lam sẽ là màu giúp cho em giữ mình trong một trong đời sống thanh nhã, dẹp bỏ những lối sống xa hoa, phù phiếm, dành mọi khả năng về tài lực, trí lực để đóng góp cho nhân quần xã hội.



Màu áo lam cũng là màu nhắc nhở cho em gắng giữ mình và trau dồi bản thân để sớm quay về với Phật tánh, Châm ngôn BI TRÍ DŨNG và năm hạnh cận bạn TỪ BI, TRÍ HUỆ, TINH TẤN, THANH TỊNH, và HỖ XÁ luôn luôn là những mục tiêu để em hướng theo đó mà tu tập.

Sau cùng, màu áo lam của em là màu truyền thống trong hệ thống Phật Giáo Việt Nam, em cảm thấy hãnh diện và trách nhiệm. "Hãnh diện" vì em là một thành viên trong một tập thể tu học rộng lớn cùng lấy một màu lam làm biểu tượng. "Trách nhiệm" vì em nghĩ rằng em phải luôn luôn giữ mình để cho thanh danh và ý nghĩa màu lam được mãi mãi là một gương sáng trong lòng mọi người.

III – EM THỰC HÀNH:

1. Em luôn luôn xem trọng chiếc áo màu lam của em bằng cách:

- Giữ gìn sạch sẽ, giặt ủi thẳng thớm
- Mang đầy đủ các bảng tên, huy hiệu trên áo lam.
- Chỉ sử dụng áo lam trong những sinh hoạt chung của GDPT.
- Không mặc áo lam đi đến những nơi có những sinh hoạt đi ngược lại tôn chỉ của tổ chức.

2. Em luôn luôn nhớ nghĩ đến chiếc áo lam của em trong mọi suy nghĩ, phát ngôn, và hành động, nhằm tránh những vi phạm có hại cho bản thân của em, cũng như có hại cho uy tín của tập thể áo lam.

thơ

Mưa Thủy Tinh – Crystal Rain

Ra về lại nhớ đến em
Trời nghiêng mưa đổ ướt mềm thân ai
Cung đàn thẳng cỏi bỗng lại
Thon thon năm ngón tay dài lả lơi
Giọng trầm ấm nổi chơi vơi
Giúp người lữ khách làm vơi nỗi sầu
Xa quê hương nhớ bấy lâu
Giọt mưa nặng hạt về đâu gió ngàn?
Thu Đông lặng lẽ sang ngang
Ươm mây kết lá xuân mang huy hoàng
Nắng hè dăm vạt đã loang
Trời nghiêng mưa đổ vỡ toang giọt sầu.

BẠCH XUÂN PHÊ

Thân tặng anh chị Quang Khuê
Sacramento November 16th, 2012.

NƯƠNG LỜI PHẬT TỔ THÁNH TĂNG GIẢI TRỪ OAN KẾT, AN LÀNH THÂN TÂM

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Tương truyền rằng thuở nọ có một nông phu đang cày xới trên cánh đồng cách thành Xá-vê không xa thì có mấy tên trộm cướp lên vào thành bằng cách bơi qua dòng sông, mở đường hầm chui vào nhà một phú ông, cướp hết vàng bạc châu báu, rồi trốn thoát qua ngõ độc đạo đó. Một tên mưu lược hơn đồng bọn, lanh tay gói trọn một ngàn quan tiền và những bảo vật khác trong ché áo lót của mình, rồi khấn nguyện cùng nhau trực chỉ đến cánh đồng thanh vắng để phân chia tài sản cướp được. Khi xử lý xong, mỗi tên ôm một gói, hãnh diện ra mặt như ca khúc khải hoàn. Bất giác, một tên đánh rơi gói bạc vàng của mình xuống một bờ mương mà không hề hay biết, cứ tiếp tục tiến bước với đầu óc lâng lâng trong phi vụ tiếp theo.

Sáng sớm hôm đó, Thế Tôn vận dụng Phật nhãn quán chiếu thế gian, thấy ngay bác nông phu kia hiển hiện trong mạng lưới tri kiến của Ngài, và tai nạn nguy khốn sắp xảy ra. Ngài thầm nghĩ:

- Người nông phu này sẽ ra đồng cày bừa vào lúc sáng sớm. Chủ nhân tài sản bị đánh cắp chắc chắn sẽ truy tìm bọn đạo tặc, và khi nhìn thấy cái túi này, họ sẽ đánh đập và tóm cổ ông ngay tức khắc. Ngoài ta ra, ông không còn ai là nhân chứng. Và lại ông đã quyết tâm nương theo Thánh Đạo, ta có bốn phận phải đến với ông ấy.

Ngay từ tờ mờ sáng bác nông phu đã ra ruộng. Thế Tôn và Trưởng lão A-nan cũng đến thẳng cánh đồng đó. Vừa thấy Thế Tôn, lão phu ngừng tay, đến đánh lễ Ngài, và rồi trở lại tiếp tục công việc. Thế Tôn đáp lễ, rồi đi thẳng đến chỗ có chiếc túi rơi, đưa mắt nói với thị giả A-nan:

- Nhìn kia, A-nan, một con rắn độc!

- Con thấy rồi, bạch Thế Tôn, đúng là một con rắn độc cực kỳ nguy hại!

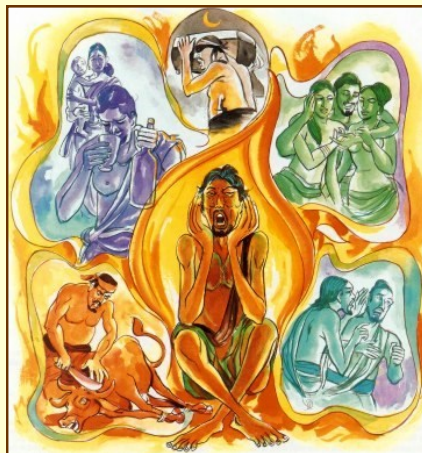
Nghe nói rắn độc, bác nông phu liền nghĩ:

- Trại bao mùa qua lại trên cánh đồng này, ta có bao giờ thấy rắn độc rắn hiền gì đâu; vậy mà

nay thầy trò Thế Tôn nói có rắn độc, đúng thế sao?

Sau khi thả lời nhận xét, Thế Tôn ra hiệu cho A-nan tiếp tục khởi hành.

Sợ bị rắn độc cắn, bác nông phu trầm nghĩ: "Ta phải giết nó đi thôi". Thế là ông cầm một cây cọc nhọn, xăm xăm đi thẳng đến nơi, nhưng chỉ thấy một cái túi vải căng phồng nằm bên bờ cỏ. Ông lại suy nghĩ: "Thế Tôn hẳn đã ám chỉ cái túi này là con rắn



độc". Không biết làm thế nào cho hợp lý, ông bèn vùi túi vải sâu trong bờ cỏ, lấy đất lấp lại, rồi tiếp tục công việc đồng áng.

Khi trời sáng hẳn, đám trai tráng của gia đình phú ông kia đã khám phá ra tông tích của bọn đạo tặc. Họ lần theo dấu vết, đến đúng nơi phân chia bảo vật, và thấy ngay những dấu chân của bác nông phu. Họ men men theo vết tích đó mà đến đúng mục tiêu. Họ bới đất và nhặt được túi vải đựng vàng bạc. Thế là họ vung tay trợn mắt xía xối lão phu, đánh đập ông, cáo buộc ông là phường đạo tặc khéo thay hình đổi dạng, và giải ông lên vương phủ.

Khi nghe trình tâu xong mọi việc, quốc vương khép lão phu vào tội tử hình vì đã manh tâm cướp đoạt tài sản của nhân dân. Sai nha liền trói gô tay ông ra sau lưng, và trên đường đưa ra pháp

trường, họ chốc chốc lại quất roi vào người ông. Bị sai nhạ thẳng tay đánh đập nhưng ông vẫn thản nhiên và liên tục lặp lại hai câu nhận định của thầy trò Thế Tôn:

- Nhìn kia, A-nan, một con rắn độc!

- Con thấy rồi, bạch Thế Tôn, đúng là một con rắn độc cực kỳ nguy hại!

Ông cứ nói tới nói lui hoài những câu này khiến đám sai nha sanh nghi, hỏi:

- Người đang lặp lại lời lẽ của Đức Thế Tôn và A-nan phải không? Điều đó có nghĩa gì?

- Ta sẽ trình bày đầy đủ chi tiết, nếu ta được phép gặp quốc vương. Bác nông phu yêu cầu.

Thế là họ đưa ông đến điện kiến quốc vương, và được quốc vương hỏi:

- Tại sao người phải lặp lại những lời như thế?

- Tâu quốc vương, thảo dân suốt đời cày sâu cuốc bẫm, làm ăn lương thiện, chưa hề không cho mà lấy của ai một cọng rơm ngọn cỏ, mong quốc vương lượng xét.

Sau đó ông kể lại trọn vẹn câu chuyện từ lúc ra ruộng đến khi gặp Đức Thế Tôn và A-nan.

Quốc vương nghe xong, nói:

- Thế là đã có nhân chứng vật chứng, mà nhân chứng ở đây là Đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư hiếm có trên đời. Thôi, hãy mở trói cho lão phu. Ta sẽ đích thân điều tra và giải quyết vụ việc rắc rối này.

Tối hôm đó, quốc vương đưa lão phu đến đánh lễ Đức Thế Tôn, hàn huyên tâm sự đôi điều và hỏi:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn và A-nan đã đi ngang qua một cánh đồng và thấy một nông phu đang cày ruộng?

- Đúng thế, thưa quốc vương!

- Thế Tôn có thấy gì nữa không?

- Một túi vải đựng vàng bạc châu báu.

- Khi thấy túi vải, Thế Tôn có nói gì không?

- Nhìn kia, A-nan, một con rắn độc! Ta nói thế, và A-nan đáp: Con thấy rồi, bạch Thế Tôn, đúng là một con rắn độc cực kỳ nguy hại!

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

THIỆN SƯ VÀ CÔ LÁI ĐÒ

Nguyễn Giác dịch ra tiếng Anh

Một hôm, một Thiền sư phải qua sông. Sư bước lên một chiếc đò của một cô lái đò xinh đẹp.

Sau khi thuyền cập bến, cô lái thu tiền từ người như bình thường, chỉ trừ nhà sư bị cô lái đò đòi tiền gấp đôi.

Nhà Sư ngạc nhiên hỏi vì sao.

Cô lái mỉm cười: "Thưa Thầy, vì Thầy đã nhìn em..."

Nhà sư lặng lẽ trả tiền và bước lên bờ.

Một hôm nhà sư lại qua sông. Lần này cô lái đòi tiền "gấp ba."

Nhà sư ngạc nhiên, hỏi vì sao.

Cô lái cười bảo: Thưa Thầy, Thầy đã nhìn em dưới nước.

Nhà sư nín lặng trả tiền gấp ba bình thường, và bước lên bờ.

Một hôm nhà sư lại qua sông. Vừa bước lên đò nhà sư nhắm nghiền mắt lại đi vào thiền định.

Đò cập bến cô lái đò thu tiền "gấp năm" lần.

Nhà sư ngạc nhiên, hỏi vì sao.

Cô lái cười, đáp: Thưa Thầy, Thầy không nhìn em, nhưng còn nghĩ đến em.

Lặng lẽ, nhà sư trả tiền gấp năm lần bình thường.

Một hôm nhà sư lại qua sông. Lần này nhà sư nhìn thẳng vào cô lái đò...

Đò cập bến, nhà sư cười hỏi lần này phải trả bao nhiêu.

Cô lái đáp: Em xin đưa Thầy qua sông, không thu tiền.

Thiền sư hỏi vì sao.

Cô lái cười và đáp: - Thầy đã nhìn em mà không còn dính mắc gì tới hình ảnh em nữa... Do vậy em xin đưa Thầy qua sông mà thôi...

PHÁP THIỀN

Mắt mở nửa chừng,
hãy dịu dàng cảm nhận từng hơi thở vào và ra.
Và cảm nhận rằng
toàn thân bạn đang dịu dàng thở.

A ZEN MONK AND
A FERRYWOMANTranslated into English by *Nguyễn Giác*

One day a Zen monk had to cross a river. He went over a ferryboat which was rowed by a beautiful woman.

After the boat reached the other shore, the ferrywoman collected the normal fares from all passengers except the monk, who was asked to pay double.

The monk was surprised and asked why. Smiling, the ferrywoman said, "Dear Venerable, because you gazed at me."

Silently, the monk paid double the normal fare and stepped onto the river shore.

One day the monk had to cross the river again. This time the ferrywoman asked for triple the normal fare.

The monk was surprised and asked why.

Smiling, the ferrywoman said, "Dear Venerable, you gazed at my underwater reflection."

Silently, the monk paid triple the normal fare and stepped onto the river shore.

One day the monk had to cross the river again. After boarding the ferryboat, the monk closed his eyes and sat in meditation.

This time the ferrywoman asked for five times the normal fare. The monk was surprised and asked why.

Smiling, the ferrywoman said, "Dear Venerable, you didn't gaze at me, but you thought of me."

Silently, the monk paid five times the normal fare.

One day the monk had to cross the river again. This time, the monk looked at her in the eyes.

After the ferryboat reached the shore, the monk smiled and asked how much the fare was.

The ferrywoman replied that the monk should pay nothing.

The monk asked why.

The ferrywoman smiled and said, "You looked at me, and cling not to any image. Thus, I carry you to the other shore for free."

MEDITATION

With eyes half open,
gently feel every breath in and out.
And feel that
your whole body is gently breathing.

- Bạch Thế Tôn, nếu lão phu này không nói Thế Tôn là nhân chứng thì mạng sống của lão hẳn khó bề cứu thoát. Nhờ lập đi lập lại lời nói của Thế Tôn và A-nan mà sinh mệnh của lão còn tồn tại trên trái đất này. Hãy đánh lễ Thế Tôn, hỡi lão phu có duyên với Phật.

Bác nông phu quý mọp dưới

chân Thế Tôn khóc sụt sùi, rồi ông quay sang khấu đầu lạy tạ quốc vương với những lời chúc phúc nghẹn ngào: "Quốc vương anh minh vạn tuế, quốc vương anh minh vạn tuế!"

Sau đó Đức Thế Tôn nói:

- Quốc vương, chính ta nói ra những lời đó! Người khôn ngoan

trí tuệ chờ bao giờ làm việc gì phải ân hận về sau.

Ngài tươi cười đọc kệ:

*Người tạo nghiệp bất thiện,
Làm xong sanh ăn năn,
Mắt đắm lệ than rằng,
Phải chịu quả cay đắng. (PC. 67)*

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY**DƯA MUỐI KHO TƯƠNG****Vật Liệu:**

1. 1 lb dưa muối
2. 2 miếng tàu hũ
3. 2 tép tỏi băm
4. 2 trái cà
5. 1 Tbsp tương đen (black bean w/garlic sauce)
6. 1 cọng hành lá cắt ra khoảng 1 phân

Cách Làm:

Cắt dưa muối ra từng miếng nhỏ. Tàu hũ thì cắt ra từng miếng vuông độ một phân. Lấy cà cắt ra làm bốn hay sáu, tùy trái lớn hay nhỏ.

Bắc chảo lên lò, khi vừa nóng thì cho vào 1 muống Tbsp dầu ăn và 2 tép tỏi băm. Xào tỏi lên cho vàng rồi cho vào chảo 1 bl dưa muối và cà. Xào đều khoảng 2 - 3 phút rồi cho vào 1 Tbsp tương đen và 2 miếng tàu hũ đã được cắt nhỏ. Trộn tất cả lên cho đều và nấu khoảng 10 phút thì tắt lửa và cho hành lá vào trộn lên. Lấy ra để lên đĩa thì bạn sẽ có được một món "Dưa Muối Kho Tương" rất ngon.



Chú thích của CP: Tbsp: tablespoon (muống canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muống cà-phê), khoảng 5ml.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

"Trích từ trang Nấu Ăn Chay của trang nhà Trung Tâm Thiền Quán Sinh Thức tại <http://www.sinhthuc.org/>".

ĐỂ KHOẺ NHƯ VUA CÀN LONG

Có ai ngờ một vị hoàng đế (Càn Long) đã vào tuổi 83 mà lại vô cùng minh mẫn, tráng kiện. Thoạt trông chúng ta chỉ đoán ngài ở tuổi 60.



Vua Càn Long (ảnh: Wikipedia)

Vào năm 1793, Maccater, đặc phái viên của nữ hoàng Anh đã vượt đại châu đến Trung Hoa yết kiến vua Càn Long. Viên sứ thần này vô cùng kinh ngạc và sửng sốt khi gặp nhà vua. Ông đã ghi vào nhật ký công tác những dòng như sau: "Hoàng đế Càn Long oai phong lẫm liệt, tinh thần sung mãn, khiêm nhường, hiếu khách. Tính tình bình dị, gần gũi với mọi người. Có ai ngờ một vị hoàng đế đã vào tuổi 83 mà lại vô cùng minh mẫn, tráng kiện. Thoạt trông chúng ta chỉ đoán ngài ở tuổi 60". Về sau vua Càn Long sống đến 89 tuổi.

Được như thế là nhờ ông luôn biết kết hợp có khoa học giữa chế độ làm việc, ăn uống, nghỉ ngơi và rèn luyện võ nghệ. Hàng ngày vào buổi sáng, ông dậy rất sớm. Trước khi ăn sáng, bao giờ ông cũng tập khí công dưỡng sinh bất kể trời nắng hay mưa, nóng hay lạnh. Phương châm "thập thường" và "tứ vật" được nhà vua luôn coi trọng. "Tứ vật" là bốn điều kiêng kỵ: thực vật ngôn (khi ăn không nói chuyện), ngoa vật ngữ (khi nằm không chuyện trò), ẩm vật túy (uống rượu vừa sức, không được say) và sắc vật mê (không mê đắm đàn bà và tình dục thái quá). Còn "thập thường" là mười bộ phận cơ thể phải được vận động và tập luyện thường xuyên (mắt, tai, mũi, răng, nước bọt, chân tay, bụng và ruột gan...).

Mười điều này rất đơn giản:

Răng thường đánh: hai hàm răng đánh vào nhau thành tiếng. Cách này giúp răng bền chắc, tránh các bệnh nha khoa, răng khó rụng, góp phần làm tăng lưu thông máu lên não.

Bọt thường nuốt: nước bọt giúp điều hoà dịch vị, tăng khả năng hấp thụ thức ăn, tránh viêm loét dạ dày và các bệnh đường tiêu hoá.

Tai thường rung: hai bàn tay áp vào hai tai, vỗ nhẹ liên hồi; hoặc hai ngón tay đút vào hai lỗ tai rồi rút mạnh ra, cứ thế liên tiếp nhiều lần. Động tác này giúp tránh trạng thái chóng mặt nhĩ khi có tuổi, tai vẫn thính khi già.

Mũi thường vuốt: hai bàn tay xát nóng, vuốt hai bên mũi nhiều lần, có thể phòng cảm mạo, viêm mũi.

Mắt thường đảo: ngưng mắt nhìn xa, đảo nhãn cầu nhiều lần, tiếp đến lại ngưng mắt chăm chú, rồi lại đảo nhãn cầu. Động tác này giúp tăng thị lực, phòng các chứng hoa mắt.

Mặt thường xát: hai bàn tay xoa vào nhau cho nóng rồi xoa mặt nhiều lần, giúp tăng lưu thông huyết dịch ở mặt, tránh hoặc giảm nếp nhăn, phòng các bệnh da mặt.

Chi thường duỗi: tứ chi co vào duỗi ra nhiều lần, khí huyết toàn thân lưu thông, phòng được các chứng thiếu năng tuần hoàn não cũng như các chứng về mạch.

Chân thường vuốt: thường xoa vuốt chân từ bàn chân tới đùi, có thể làm giảm tình trạng động máu, phòng được nhiễm lạnh cơ thể từ chân, nên tránh được các bệnh ở chân cũng như chứng mất ngủ...

Bụng thường xoa: dùng bàn tay xoa trên vùng bụng, giúp dạ dày, ruột được vận động nhẹ, tăng khả năng tiêu hoá, ăn ngon miệng, phòng được các chứng chướng bụng, bí trung tiện...

Hậu môn thường động: mỗi ngày dành vài lần tập trung tinh thần làm co duỗi hậu môn, có thể phòng được viêm tuyến tiền liệt cũng như các bệnh đi lỏng mãn tính.

Theo **BS Lương Mạnh Hà**
(Viện Y dược học dân tộc/SGTT)

**ĐỌC, CỔ ĐỘNG VÀ ỦNG HỘ
BẢO CHÁNH PHÁP
LÀ GIÁN TIẾP GÓP PHẦN
HOÀNG TRUYỀN PHẬT ĐẠO,
LỢI ÍCH CHÚNG SANH,
BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC.**



CHUYẾN ĐI CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO SANDY TẠI NEW JERSEY

Thích Nhật Huệ

Hôm nay Dec. 04/2012. Chúng tôi rời San Jose lúc 1:15 pm trên chuyến bay hãng Southwest đi New Jersey (NJ). Nơi dừng lại đầu tiên là Phi trường Denver để đổi chuyến bay về NJ, tại đây tôi gọi phone cho Ns Diệu Tánh, vị Tổng Thủ Quỹ của Giáo Hội, để hỏi thăm xem Ns đã đến phi trường Denver chưa. Thật tiếc thay khi nghe Ns trả lời "Thầy ơi, tôi không đi được vì tối qua bị bệnh, tay giống như bị liệt không giở lên nổi."

Sau chuyến đi tham dự ngày Về Nguồn ở Úc về Ns hỏi tôi chương trình đi như thế nào cho Ns biết để mua vé cho chuyến bay để cùng đến NJ cứu trợ và cũng tiện cho việc tiếp đón. Ns mua vé để đến NJ cùng lúc mặt đầu xuất phát hai nơi địa điểm và thời gian khác nhau, nhưng sẽ đến NJ cùng lúc 10:45pm. Sáng nay Cô không gọi báo cho tôi biết vì nghĩ sẽ cố gắng đi cứu trợ được sau khi thăm bác sỹ về, nhưng cuối cùng Ns đành phải từ bỏ chuyến đi vì sức khỏe không cho phép. Tôi phải tiếp tục chuyến bay kế tiếp đến NJ, tại đây có Sc Huệ Như và Phật tử Viên Hân (NJ), đón tôi đưa về nghỉ.

Để chuẩn bị cho Phật sự này chúng tôi đã liên lạc với hai vị nhiều tuần trước, nhờ quý Cô giúp sắp xếp cho chuyến đi này phía bên NJ. Lúc đó chúng tôi chỉ biết cô và nhờ cô liên hệ các Chùa và quý thầy cô, Phật tử cũng như Cộng đồng người Việt tại địa phương hầu kết hợp lại để hỗ trợ cho chương trình cứu trợ lần này,

Sau một tuần cô cho biết là đã liên lạc được Thầy ở Chùa Phước Duyên, vài Phật tử gần nhà, trong số đó có cô Victoria Vân Phạm, Pt. Loan Nguyễn Liu và cũng là Chủ tịch Cộng Đồng NV tại đây. Các vị này đã giúp chúng tôi điều động những công việc cần thiết cho chương trình này và đây là những nhân sự chính chịu trách nhiệm liên lạc để tìm xin danh sách những nạn nhân Bão Sandy.

Kể đến nhờ nhân duyên có được cô Nhựt Khánh ở San Jose, CA (Phật tử sinh hoạt ở N.P.Đ. Fremont, sang NJ trong chuyến thăm Mẹ ở đây cũng như cúng giỗ Ông thân), chúng tôi nhờ cô cùng với Sc Huệ Như, Cô Viên Hân liên lạc quý vị quen biết kết hợp lại và thông báo cho họ biết là sẽ có chuyến cứu trợ nạn nhân trận Bão Sandy vừa qua do Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ tổ chức, do vị trưởng đoàn là TT Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội hướng dẫn và có nhã ý mời tất cả cùng tham gia. Mọi người rất hoan hỷ tham gia chuyến đi này, và cảm động nói lên rằng "Chúng con rất sung sướng được tham gia cứu trợ lần này, nhất là của GHPG vì từ hôm xảy ra trận bão đến nay chưa có phái đoàn Phật Giáo nào đến đây cứu trợ cả; phần đông là các đoàn thể của Tin lành, Thiên Chúa, hôm nay được nghe có Phái đoàn Phật Giáo đến, chúng con là những Phật tử tại địa phương rất vui mừng và hết lòng ủng hộ Quý Thầy Cô trong GH. Chúng con rất cảm kích việc làm từ thiện này sẽ cùng đi với Quý Thầy, Cô, đến nơi

phát quà cho nạn nhân." Và rồi tất cả cùng bắt tay vào mỗi người mỗi việc, có vị tìm kiếm danh sách của nạn nhân, thăm hỏi để biết những nhu cầu cần thiết khả dĩ có thể giúp cho gia đình nạn nhân, cũng như để chuẩn bị vật dụng cho ngày Cứu trợ.

Phi cơ đáp xuống phi trường Neward lúc 10:45pm, Về đến nhà Pt. Viên Hân, khoảng 11:30 pm, tôi dùng buổi cơm trễ sau một chuyến bay dài trên 6 giờ đồng hồ từ San Jose đến New Jersey. Hy vọng có một giấc ngủ thật ngon tối nay sau chuyến bay đường xa ngàn dặm mỗi mệt.

Sáng nay Dec. 05, 2012, có buổi họp mặt đầu tiên theo dự định, để bàn thảo những công việc phải làm cho chương trình cứu trợ và chuẩn bị trước những quà bánh cũng như bao thơ tiễn chia phần cho sẵn sàng.

Buổi họp bắt đầu lúc 10:30am hiện diện gồm có: Sư Cô Huệ Như, Sc Thông Ân, anh Hà Dương Cự, cô Loan Nguyễn Liu, cô Victoria Vân Phạm, Pt Viên Hân, Pt Nhựt Khánh, em cô Khánh, và tôi Thích Nhật Huệ, bắt đầu bằng lời chào mừng đến tất cả quý vị có mặt hôm nay, tự giới thiệu từng cá nhân, kể đến đi vào chủ đề chính phân phối công việc cho tất cả để chuẩn bị như đối tiền ra để để phân chia. Lúc đầu dự định mua gạo, mì gói, nhưng có vị nói sợ gạo cũng như những thứ khác lo không kịp vì không order trước, và cũng sẽ làm trở ngại cho chuyên chở của đoàn cũng như người nhận quà, nên cuối cùng mua bánh hộp cho tiện; nhưng món quà chính vẫn là tiền để cho những nạn nhân Bão sandy sẽ tự chọn mua những vật dụng cần thiết cho gia đình để mua. Tất cả chúng tôi mỗi người mỗi việc cố gắng phải hoàn tất trong ngày hôm nay để ngày mai đến địa điểm phát quà không bị trở ngại.

Sau hơn hai giờ họp, đến giờ trưa, chúng tôi vừa bàn thảo kế hoạch vừa dùng bữa cho kịp giờ. Đến khoảng 2:30 pm chúng tôi chia tay để làm công việc của mỗi người:





Cô Vân đi đến ngân hàng đổi tiền để bỏ bao thư và liên hệ về phương tiện di chuyển; cô Loan liên hệ những việc cần ở nơi địa điểm cho buổi phát quà; cô Viên Hân đi mua quà bánh ở các tiệm sau đó lo phần bao thư, liên hệ Nhóm Chị Thu Hà (Chơn Hiền) ở tại địa phương phát quà nơi mà Sandy Storm hit nặng. Quý vị trong nhóm này làm việc rất tốt, phải nói sự hy sinh rất nhiều thời gian để đi đến từng nhà lấy danh sách từng gia đình, vì các nạn nhân không còn ở trung tâm tạm cư nữa; vất vả đã đành, còn nghe những lời khó nghe khi đi làm công việc từ thiện. Nhưng học được bài học nhẫn nại, từ bị của Đức Phật nên mọi người đều rất hoan hỷ, khi kể lại cho chúng tôi nghe.

Riêng chúng tôi phải tranh thủ đi thăm các Chùa tại địa Phương cũng như mời quý Thầy cô cùng tham dự buổi cứu trợ mang tinh thần Phật giáo vào đời để ủy lạo và chia sẻ khó khăn thiên tai với mọi người.

Đến 11:30 pm chúng tôi về đến nhà Pt Viên Hân thì thấy mọi người còn đang sửa soạn chuẩn bị quà bao thư. Mãi đến 1:30 am chúng tôi bảo mọi người phải đi nghỉ để có sức cho ngày mai nếu không sẽ không đủ sức để làm.

Sáng hôm sau thức dậy sớm một chút để hoàn tất công việc cho ngày cứu trợ.

Hôm nay Dec. 06, là ngày đi phát quà cứu trợ. Sáng sớm chúng tôi chuẩn bị thêm chút xíu cho công việc được chu đáo hơn, xong chúng tôi ăn sáng, sau đó rời nhà lúc 9:30 am để đến văn phòng dịch vụ travel của cô Vân Phạm là điểm hẹn của tất cả thành viên trong đoàn Cứu trợ Bão Sandy.

Tại đây chúng tôi có được Quý Chư tôn Đức Tăng Ni: HT. Thích Minh Đức, Viện chủ Chùa Phước Long Connecticut, Sư Cô Thích nữ Trí Đức trú xứ Chùa Linh Sơn New Jersey, Sc. Tn Huệ Như, NJ, Sc. Tn Thông Ân, New Jersey; Phật tử đi chung gồm có: cô Vân Phạm, cô Loan Nguyễn Liu, cô Nhật Khánh, cô Viên Hân, hai Phật tử tí hon Matt & Ben...

Rời khỏi văn phòng travel hướng về Atlantic city là nơi đụng phải trận Bão Sandy rất nặng, chúng tôi được quý vị đại diện ở địa phương sắp xếp cho chúng tôi đi xem cảnh bị tàn phá bởi trận bão vừa qua. Mặc dầu đã được nhân viên chính phủ, thành phố cũng đã dọn dẹp đi nhưng những hoang tàn cây gỗ xe cộ vẫn còn ngổn ngang, nhà cửa hư hoại chưa sửa xong, quán xá chưa bán buôn các cơ sở vẫn chưa sinh hoạt được. Qua một vòng vội vã tham quan, chúng tôi phải đến địa điểm phát quà ngay vì được sự báo tin

từ cô Viên Hân cho biết mọi người đã đến nơi và xếp hàng từ lúc 10:30am.

Cô Chơn Hiền là người chịu trách nhiệm tổng kết danh sách hỗ trợ nạn nhân cần giúp đỡ trong chuyến cứu trợ lần này. Đoàn của chúng tôi đã chuẩn bị 405 phần quà, mỗi phần quà trị giá khoảng \$60.00 us, bao gồm 1 hộp bánh và bao thư \$50.00 usd.

Chúng tôi xin được giới thiệu thành viên nhân sự hiện diện tham gia đóng góp cho ngày phát quà Cứu trợ Bão Sandy:

1.- Trưởng đoàn TT. Thích Nhật Huệ, Tổng vụ Phó TTXH thuộc GHPGVNTN Hoa Kỳ

2.- HT. Thích Minh Đức Viện chủ Chùa Phước Long Connecticut

3.- Sư Cô Thích nữ Trí Đức trú xứ Chùa Linh Sơn New Jersey,

4.- Sc. Tn Huệ Như, NJ

5.- Sc. Tn Thông Ân, New Jersey,

Quý Đồng Hương Phật tử Việt Nam đi chung: Victoria Vân Phạm, Loan Nguyễn Liu, Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt New Jersey, Nhật Khánh, Viên Hân, hai Phật tử tí hon Matt & Ben, Mai Khanh Phạm, Phạm Thị Ngọc-Thần Xuân, Lâm Bạch Yến, Thu Hà-Chơn Hiền, Nguyễn Thị Mừng- Viên Minh, Tịnh La, Nguyễn Thị Thanh Ngọc, Tịnh Nguyễn, Loan Mỹ Trần, Cẩm Hồng Trần, Trung D Hồ, Trinh Thị Hạnh.

Chuyến đi Cứu trợ lần này phải nói rất thành công và cảm động. Chúng tôi ghi nhận và tán thán công đức các Phật tử tại địa phương cũng như Cộng Đồng Người Việt New Jersey đã nhiệt tâm ủng hộ cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ để hoàn thành phật sự Cứu trợ Bão Sandy. Chúng tôi xin thay mặt Giáo Hội Phật Giáo VNTN Hoa Kỳ, Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội, tán thán công đức tất cả quý vị đã đóng góp tích cực cho sự thành công này. Nguyên cầu Tam bảo mười phương luôn gia hộ quý vị cùng quý quyến luôn an lành trong ánh từ quang chư Phật.

Chúng con không quên ghi ơn sự đóng góp của Chư tôn Đức Tăng Ni, Chư tôn Đức Thành viên Giáo Hội PGVNTN Hoa Kỳ, Các Chùa, Tu viện, Tự viện, Tịnh thất, Niệm Phật Đường, Đạo tràng tu học đã đóng góp tịnh tài để Tổng vụ TTXH thực hiện công tác cứu trợ này.

Chúng tôi cũng không quên tán thán Quý Phật tử của các Chùa... Quý Đồng hương Việt Nam đã đóng góp, Quý Đài truyền thanh Radio, cô Hạ Vân, Đài "radio VN 1500", anh Mùi, Đài 1430 "Phổ Đem", anh Timothy Châu, Đài "Khôn Nhà Giỏi Chợ", cô Dung, Đài 1430... đã đưa lời kêu gọi của chúng tôi đến Cộng Đồng Người Việt khắp nơi.

Một lần nữa chân thành cảm ơn tất cả mọi đóng góp của tất cả Quý vị, sự đóng góp của quý vị giúp chúng tôi hoàn thành tốt đẹp phật sự cứu trợ này.

Thích Nhật Huệ

DANH SÁCH CHÙA - PHẬT TỬ ỦNG HỘ CỨU TRỢ BÃO SANDY

- | | |
|--|------------|
| 1. Phật tử Nghe Pháp tại Sài Gòn Kitchen Restaurant đóng góp | \$1,350.00 |
| 2. Khoi N. Pham & Leslie B. Pham | \$50.00 |
| 3. Hanh N Dinh | \$100.00 |
| 4. Nhu Y Tailoring (TX) | \$200.00 |
| 5. Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại TX) | \$400.00 |

6. Chùa Cổ Lâm (WA)	\$3,940.00
7. Cô Hạ Vân (Đài Phát Thanh VN Bắc Cali 1500)	\$100.00
8. HT. T. Tịnh Từ (Tu Viện Kim Sơn)	\$500.00
9. HT. T. Minh Đạt	\$300.00
10. ĐĐ. T. Chúc Chơn (Oakland)	\$500.00
11. TT. T. Minh Chí (PHVQT)	\$5,000.00
12. Hạnh Nguyễn (Milwaukee)	\$200.00
13. Ns. Quảng Tịnh	\$1,500.00
14. Phật Tử Chùa Duyên Giác (TT. T. Nhứt Huệ, San Jose)	\$550.00
15. Ni Sư Giới Hương (Pt. Chùa Hương Sen, Moven Valley, CA)	\$320.00
16. Sư Đàm Nhật (Chùa Đức Viên)	\$3,000.00
17. Ni Sư Diệu Tánh (Thiền Tịnh Đạo Trảng) vận động	\$13,370.00
Tổng Thu	\$30,580.00

---oOo---

Ghi chú:

* Danh sách chi tiết Pt. Chùa Hương Sen, Moven Valley, CA do Ni Sư Giới Hương vận động:

- Diệu Thanh	\$25.00
- Minh Đức	\$25.00
- Diệu Thảo	\$25.00
- Minh Hiền	\$25.00
- Nhật Quang	\$20.00
- Viên Bảo Chân	\$10.00
- Viên Bảo Giác	\$10.00
- Viên Bảo Bi	\$10.00
- Quảng Lộ	\$10.00
- Gđ. bác Tâm Viên	\$60.00
- D. Liên & D. Ngọc	\$100.00
Tổng cộng:	\$320.00

* Danh sách chi tiết Pt. Thiền Tịnh Đạo Trảng, Garden Grove, CA do Ni Sư Diệu Tánh vận động:

- Brodard Restaurant	\$5,000.00
- Châu Ninh Nguyễn	\$5,000.00
- gđ. Nguyễn Cẩm	\$1,000.00
- gđ. Văn Thị Ba	\$500.00
- Vô Danh	\$500.00
- gđ. Trang, Châu	\$400.00
- Judy Phạm	\$200.00
- Diệu Đài	\$200.00
- SC. Từ Đạo	\$100.00
- Thắng Tín	\$100.00
- Bửu Thọ	\$100.00
- Diệu Phương	\$50.00
- Hạnh Viên	\$50.00
- Mạch Yến Phương	\$50.00
- Phước Hiền	\$50.00
- Chúc Thành, LV	\$20.00
Tổng cộng:	\$13,370.00

Thành kính tri ân chư tôn đức và quý Phật tử.



Tự tư

*hôm xưa bỏ phố lên ngàn
gói theo khăn áo nửa trang kinh lành
dối lòng thôi nhớ chi anh
giã làm thiên sử tập tành chân thân*

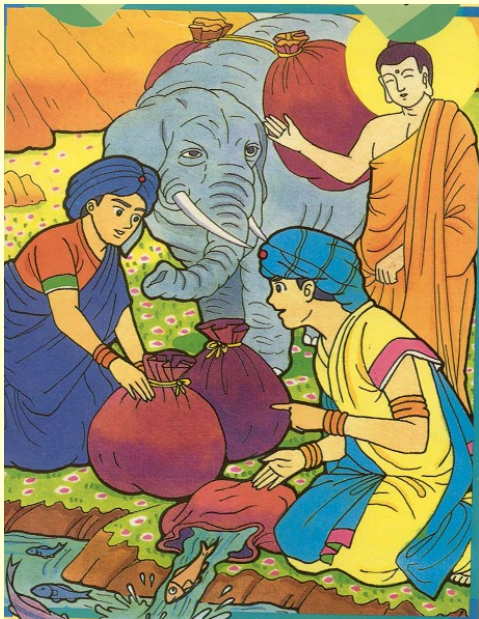
*mở kinh chữ biếc xoay vần
vườn đêm phai nguyệt lặn khân chồi từ
bụi hồng phớt nhẹ tâm hư
trầm tích hương ngải tự tư trở vòng*

*tay ôm kinh điển như không
lạc thuyền bát nhã giữa dòng thường luân
bờ xa cứ ngỡ là gần
dòng mơ trôi mãi chìm dần kính tin*

*tương tư một nỗi cầu xin
thay anh hóa mực chữ in trái lòng
thơm lời trọn cuốn kinh thông
môi em lựa tiếng thư tòng tịnh an*

*nay mai đổi kiếp mây ngàn
theo dòng vô định thênh thang góc trời
thoát thân cát bụi chơi vơi
quên anh quên cả sự đời trường thiên...*

YÊN CHI



Bầy Voi Chờ Nước Cứu Sống Đàn Cá

Cách đây hai ngàn năm bên cạnh dòng sông ở xứ Ấn Độ, có một hồ nước chứa hàng nghìn con cá. Chúng sống hạnh phúc nơi dòng nước trong. Chúng nhảy, nhón nhờ bơi lội và lững lờ đuổi bắt nhau một cách thích thú.

Rồi gặp lúc trời nắng hạn trải qua nhiều ngày không có một giọt mưa. Nước trong hồ mỗi ngày bốc hơi dần dần lúc liền này sinh mỗi tử tâm. Ông lập tức đến yết kiến vị quốc vương và tâu rằng: "Tâu đại vương, hồ nước sắp khô, không bao lâu nữa đàn cá sẽ chết hết. Xin đại vương cho hạ thần hai mươi thớt voi để chở nước tới đổ vào hồ hầu cứu sống đàn cá".

Một ngày kia, trời đang nắng chói chang, bất chợt một ông lão già đến viếng bờ hồ. Ông thấy hồ nước khô cạn liền nảy sinh mỗi tử tâm. Ông lập tức đến yết kiến vị quốc vương và tâu rằng: "Tâu đại vương, hồ nước sắp khô, không bao lâu nữa đàn cá sẽ chết hết. Xin đại vương cho hạ thần hai mươi thớt voi để chở nước tới đổ vào hồ hầu cứu sống đàn cá".

Vị vua này vốn là một Phật-tử thuần thành, nên khi nghe lời thỉnh cầu của ông lão già liền nói: "Thực khó gặp được người có lòng từ bi như khanh. Vây khanh có thể đến chuồng voi, cần bao nhiêu tùy ý dắt voi đi chở nước để cứu sống đàn cá khổ khổ sắp lâm nguy".

Sau khi nghe nhà vua trả lời cho phép, ông lão cùng với hai người con đến chuồng voi chọn lấy hai mươi thớt voi lớn khỏe nhất.

Đồng thời ông đến quán rượu mượn nhiều bình đựng rượu - tại Ấn Độ thuở xưa người ta thường chứa rượu trong bình để mang đi. Rồi ba cha con dắt đàn voi đến con sông lớn nhất trong vùng lấy nước chứa đầy trong tất cả những bình này. Sau đó, hai mươi thớt voi chở những bình nước đầy tới đổ hết nước xuống hồ cá.

Sau nhiều chuyến đi, hồ tràn ngập nước trở lại như lúc chưa bị nắng hạn. Hàng vạn con cá trong hồ được cứu sống! Chúng vui mừng đùa giỡn, vẫy sóng và bơi lội qua lại thỏa thích.

Ông lão đứng nhìn đàn cá sung sướng vẫy vùng trong nước, trên mặt hồ gợn sóng lăn tăn; bao nỗi âu lo phiền muộn nhiều năm chắt chứa trong lòng ông bỗng rụng tan biến hết.

Đến lúc trời tối, ông lão cùng hai người con hân hoan dắt đàn voi trở về chuồng và đến thông báo cho nhà vua biết tin vui là đã cứu sống được hàng vạn con cá mắc cạn.

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

LÒNG THƯƠNG YÊU SỰ SỐNG

Người dịch: **HT. THÍCH TRÍ CHƠN**

Nguyên tác: THE LOVE of LIFE by **G. B. TALOVICH**

Elephants To The Rescue

Some two thousand years ago, in a river in ancient India, there was a pond full of fish. They lived happily in the clear water. They jumped and swam or just floated around enjoying their watery home.

Then for a long time it didn't rain. Every day some more water evaporated, until the pond had almost dried up. If the pond dried up, all of the fish would die under the hot, dry sun.

The sun kept beating down on the dry earth. An old man happened to walk by the pond. He saw the water was almost gone. His heart filled with mercy. He went straight to the king and said, "The water in the fish's pond is almost dry, and the fish are in great danger. If it pleases your majesty, you might send twenty elephants to tote water to save those fish."

The king was a Buddhist, so as soon as he heard the old man's request, he said, "It is wonderful that you have such a kind and merciful heart. Go to the royal elephant stables and take as many elephants as you feel you need to tote water to save those poor, suffering fish."

When the old man heard the king's reply, he took his two sons to the royal elephant stables and selected twenty of the best elephants.

Then he went to the breweries and borrowed as many skins as he could - in India in those days, liquor was stored and transported in skins. Then the three of them led the twenty elephants to the biggest river in the region, and filled all the skins with water. The twenty royal elephants carried the heavy skins full of water to the fish pond, and they poured all the water into the pond.

After many trips, the pond was full again, just as it had been before the drought. The fish in the pond were saved! They leapt and played and swam back and forth.

When the old man saw how happy the fish were, and watched the ripples on the water's surface, all of the worries and sadness that the long years had gathered in his tired old heart were immediately swept away.

As the day turned into night, he and his sons cheerfully led the twenty elephants back to the royal stables and went to tell their king the good news.



PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ



DHARMA FOR CHILDREN

PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho

Illustrations (Minh họa): Yanfeng Liu

Biên soạn và chuyển ngữ: **Tâm Minh Ngô Tằng Giao**

5 BUDDHIST STORIES CHUYỆN PHẬT GIÁO

A Happy Monk THE END OF SUFFERING

There was once a man of wealth and high position who realized that suffering was the same for rich and poor alike. So he became a monk to practise meditation in order to develop his mind. Soon, this old monk had a following of 500 monks. One of these monks always wore a smile, unlike the others who usually looked serious. The old monk was the only one who knew his source of happiness, and this happy monk was soon made his chief assistant.

A year later, while they were spending the rainy season in the royal garden at the king's invitation, the old monk was asked to stay in residence at the palace. The happy monk became the new leader of the group.

One day, this happy monk went to pay the old monk a visit at the palace. All he would stay to the old monk on seeing him was, "What happiness! What happiness!"

The king, who happened to visit the old monk at that time, felt insulted when he was not greeted by this happy monk, who was not even aware of the king's entrance.

Seeing the king's displeasure, the old monk said to him: "Have patience, my king, and I will tell you the source of this monk's happiness. Not many people know of it. He was once a king like you. But having given up his kingly life for that of a monk, he had found his present joy! Sitting alone in the forest, he had nothing to fear and no need for armed guards to surround him. Free from the worry over wealth and power, his wisdom now protects himself and others. He has found such inner peace in meditation that he cannot help saying: "What happiness! What happiness!"

The king finally understood what was true happiness. He honoured the two monks before returning to his palace.

Unattached to wealth and power, happiness increases.

Một ông sư sung sướng CHẤM DỨT KHỔ ĐAU

Trước kia có một người giàu của cải và có địa vị cao, ông nhận ra rằng đau khổ thời giàu và nghèo đều bị giống nhau. Vì vậy ông ta đã trở thành một vị

sư thực tập thiền định với mục đích phát triển đầu óc mình. Ít lâu sau, vị sư già này có 500 sư đệ tử theo mình. Một trong những đệ tử này luôn mỉm cười, không giống như những người khác trông thường nghiêm trang. Vị sư già là người độc nhất biết rõ nguồn gốc tại sao đệ tử này sung sướng, và đệ tử sung sướng này ngay sau đó được ông chỉ định làm người phụ tá chính.

Một năm sau, trong khi họ trải qua mùa mưa trong vườn hoàng gia theo lời mời của nhà vua, vị sư già đã được mời ở lại hẳn trong cung điện. Ông sư sung sướng kia đã trở thành người lãnh đạo mới của nhóm.

Một hôm, ông sư sung sướng này đến thăm vị sư già tại cung điện. Khi gặp mặt vị sư già ông chỉ nói "Sung sướng thay! Hạnh phúc thay!"

Vua tình cờ cũng đi thăm vị sư già lúc đó, cảm thấy bị lãng nhục khi vua không được đón tiếp bởi ông sư sung sướng kia, ông sư này thậm chí không hay biết là vua đã đi vào nữa.

Thấy vua không hài lòng, vị sư già nói với vua, "Xin nhà vua hãy bình tĩnh, tôi sẽ kể với ngài về nguồn gốc sung sướng của ông sư này. Không nhiều người biết chuyện đó. Trước đây ông ấy cũng từng là vua như ngài. Nhưng ông ấy đã từ bỏ cuộc sống vua chúa để trở thành một ông sư, ông ấy đã tìm thấy sự hoan hỉ hiện nay. Ngồi một mình trong rừng, ông ấy chẳng có gì phải sợ hãi và không cần phải có lính canh gác ở quanh ông ta. Thoát khỏi những lo lắng về tài sản và quyền lực, giờ đây trí tuệ của ông bảo vệ cho chính ông ta và các người khác. Ông ấy đã tìm thấy cái hạnh phúc bên trong con người ông nhờ thiền định đến nỗi ông cứ luôn phải thốt lên "Sung sướng thay! Hạnh phúc thay!"

Sau cùng vua hiểu ra thế nào là hạnh phúc thật sự. Vua ca ngợi hai vị sư trước khi trở lại hoàng cung của mình!"

Không ràng buộc với tài sản và quyền lực, hạnh phúc sẽ tăng lên.



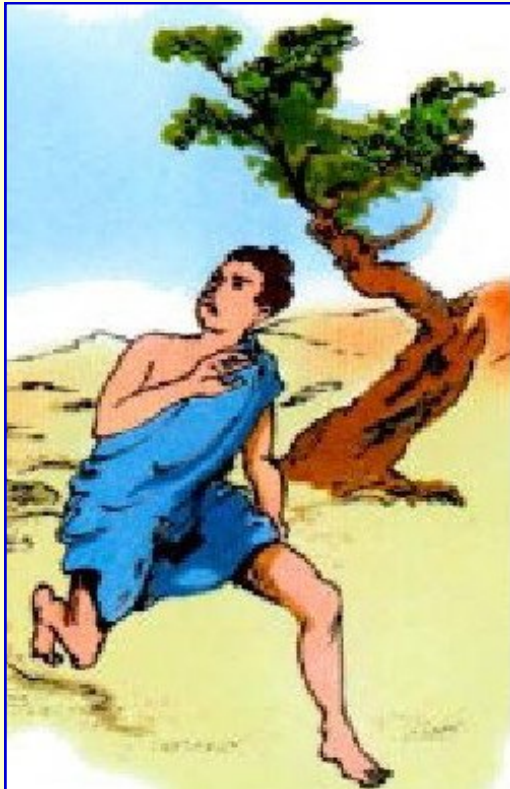
Raft

PATH LEADING TO THE END OF SUFFERING

A man who was escaping from a group of bandits came to a vast stretch of water that was in his way. He knew that this side of the shore was dangerous and the other side was safe. However, there was no boat going to the other shore, nor was there any bridge for crossing over.

So he quickly gathered wood, branches and leaves to make a raft, and with the help of the raft, he crossed over safely to the other side.

The Noble Path taught by the Buddha is like the raft. It would take us from the suffering of this shore to the other shore of no suffering.



Cái bè

CON ĐƯỜNG DẪN TỚI CHẤM DỨT SỰ KHỔ ĐAU

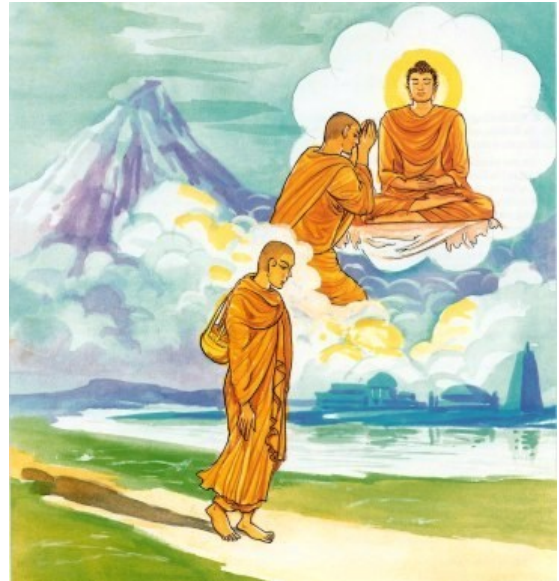
Một người đang chạy trốn một bọn cướp, chạy tới một vùng sông nước bao la trên con đường đang chạy. Người ấy biết rằng bờ bên này là nguy hiểm và bờ bên kia là an toàn. Tuy nhiên, không có con thuyền nào để đi qua bờ bên kia, cũng không có cây cầu nào để vượt qua.

Vì thế người ấy nhanh chóng lượm các khúc gỗ, cành cây và lá cây để kết thành một cái bè và với sự giúp đỡ của cái bè, người ấy đã an toàn vượt qua bờ bên kia.

Con Đường Cao Quý được dạy bởi Đức Phật thời giống như cái bè. Nó sẽ đưa chúng ta từ sự khổ đau ở bờ bên này đến bờ bên kia không còn đau khổ nữa.

(to be continued...)

DHAMMAPADA



CHAPTER 1: TWIN PAIRS—YAMAKA

VERSE 1.

Mind always comes first
Mind is of all states the primer
By mentality are all things initiated
By thought of mind are all phenomena formed
So - if with good intention one thinks, speaks or acts
Joy surely follows one like the never-leaving shadow
However!
- if with evil intention one thinks, speaks or acts
Pain certainly follows one like the wheel follows the car.



LUCKY CHÙA BÁT NHÃ

Thích nữ Giới Định

Đang ngủ ngon, tiếng Lucky sủa vang làm mình phải thức giấc. Ô bây giờ hơn 12 giờ khuya rồi mà chú nhóc con này còn la inh ỏi như vậy! Đứng trong nhà nhìn ra cửa sổ thấy chú ta đang hướng mặt về nhà bên cạnh, ở bên đó có một chú cẩu cũng đang đáp trả lại, bằng một giọng thật êm dịu, như đang mời bạn đến nhà chơi.

Chú Lucky thật dễ thương, có bộ lông màu vàng pha lốm đốm trắng, tìm đến cửa thiền môn vào một ngày đầu xuân năm 2011; chú chạy khắp nơi, ánh mắt lăm lét, nhìn hết chỗ này qua chỗ kia, trông thật đáng thương. Chú ở ngoài sân, nhìn chú chẳng khác gì gã cùng tử bỏ cha trốn đi nổi trời khổ sở trong nhiều năm, may mắn thay có một vị Thầy phát bồ đề tâm, dang rộng đôi tay cứu vớt chú. Thật đúng là nhân duyên, vừa thấy vị Thầy chú liền quẩn quít chạy theo như đã biết từ kiếp nào.

Trước kia chẳng biết chú tên là gì, vì trên cổ không có mang lý lịch cá nhân, nhưng vị Thầy nói "Đầu năm có Chó đến nhà chắc là may mắn, nên đặt cho chú tên gọi Lucky". Kể từ đó chú rất hạnh phúc, lớn nhanh mà lại mập hơn. Sư phụ của chú chăm lo chu đáo, cho chú chích ngừa, uống thuốc bổ, cắt tóc, cắt móng tay móng chân, tắm rửa sạch sẽ, mua áo mới cho chú khi gió lạnh tràn về, sắm cho chú một căn nhà xinh xắn. Bây giờ chú đúng là con nhà giàu, đẹp trai đáo để. Nghe Sư phụ của Lucky tâm sự: "Xà phòng của tui chỉ mua có \$7.00, còn Lucky mua đến \$12.00." Không biết chú tu từ kiếp nào mà may mắn như vậy?

Bây giờ chú quen tất cả mọi người trong chùa. Chú đi lại thật tự nhiên, vì bây giờ là nhà của chú cơ mà. To xác nhưng rất nhát gan, thấy ai đi ngoài đường hay thấy chú cẩu nào chạy vào khu vực cấm địa thì đứng la ãm lên; nhưng một khi đối thủ chạy đến thì chú chạy vô phòng sư phụ mà

trốn. Không biết sư phụ của chú huấn luyện thế nào mà chú nghe lời răm rắp: Thầy bảo nằm xuống, ngồi dậy, đi ngủ đều tuần hành, đang sửa thầy nói không được ồn chú liền nín thinh; nhưng có một điều thật đặc biệt, chú nhìn gương mặt buồn vui của sư phụ mà nhõng nhẽo hay nằm im. Cứ một lần bị la nhìn chú rầu rĩ, nhưng thấy sư phụ gọi Lucky là nhảy nhót mừng rỡ, ngoắt đuôi, y như là trẻ nhỏ vậy.

Mỗi lần Thầy đi vắng nhìn chú ai cũng thương xót, chú đi lui đi tới, lăm lũi mà đi, như đang có một tâm sự thâm kín đau khổ. Ít ăn, ít sủa, ít ngủ cứ mặt hướng ra đường chờ đợi, trông



mong một bóng hình, nếu nói được chắc cún sẽ nói: "Con nhớ sư phụ quá đi thôi". Chú thật là tài, xe trong sân chùa rất nhiều, nhưng chú tìm thật chính xác, cứ nằm dưới chiếc xe sư phụ chú, mà lại nằm ngay chỗ ngồi của tài xế. Chú đi thất tha thất thểu thân hình đầy đất bụi, như đứa giang hồ bạt mạng, trông thật đáng thương, có thể chú suy nghĩ không có sư phụ thì mất hết cả cuộc đời con rồi! Ôi thật đúng câu "Ái bất trọng bất sanh ta bà".

Người xưa nói, con chó là con vật trung thành nhất, thật đúng như vậy, nhiều lần làm xấu bị sư phụ đánh, chú chạy trốn, nếu là con người mà bị đánh đòn như vậy thì giận không biết bao giờ mới nguôi. Nhưng hễ nghe gọi

Lucky là chú nhảy đếm ôm chân ôm cổ, như không hề chuyện gì xảy ra. Chú khôn ơi là khôn, cứ mỗi lần bị đau chú đến trước phòng Hòa thượng trụ trì mà nằm, ai cũng mắc cười, có lẽ chú cũng biết, chỉ có Hòa thượng mới có tiền cho chú đi bác sĩ mua thuốc chữa bệnh. Trong tâm tưởng chú cũng biết được ai là chủ của ngôi chùa, nên mỗi lần Hòa thượng gọi Lucky là chú phóng nhanh đến người Hòa thượng nhảy nhót, mừng rỡ.

Chú hơn hai tuổi, nhưng đã hơn một năm ở cửa chùa, cứ những giờ công phu tu tập, chú cũng lên chánh điện nằm nghe kinh, sư phụ chú dặn không được vào chánh điện, chỉ nằm bên ngoài, nhưng khi mọi người lo tụng niệm chú lại bò nhẹ nhàng vào trong, nằm trên bồ đoàn, nghe đến phục nguyện là chú âm thầm chạy ra bên ngoài, đứng chờ sư phụ. Ai cũng cho rằng có thể đây là một con người kiếp trước có biết Tam bảo nhưng vì một nghịch cảnh mà sanh làm thân súc sanh. Cứ mỗi lần Lucky đến gần quý tăng Ni, Phật tử ai cũng phát khởi tâm từ bi quy y, chú nguyện cho nó sau khi xả báo thân được làm thân người, biết tu theo chánh pháp, không còn đọa vào thân súc sanh đau khổ như hiện nay.

Trong vô lượng kiếp luân hồi sanh tử, tử sanh, thay hình đổi dạng khi làm trời, khi làm người, khi làm súc sinh chúng ta không thể nhìn ra nhau được. Trong Kinh Phát bồ đề tâm nói rằng "Đời trước oán nghĩa mà đời nay thành oán thù, ngày xưa oán thù mà nay thành ruột thịt. Quá khứ là mẹ mà hiện tại là vợ, túc thế là cha mà hiện tiền là chồng. Nếu có tri túc mạng để biết thì thật đáng xấu hổ đáng thẹn, nếu có con mắt thiên nhãn để nhìn thì quả đáng cười đáng thương. Văn Vương còn ăn thịt con mà không hay biết." Trong văn học Việt Nam có sự tích Hòn Vọng Phu, anh em thất lạc nhau thời thơ ấu, lớn lên thành chồng vợ cũng không biết là anh em, đời sống hiện tiền mà còn chưa rõ, chưa tường tận được, huống gì trong quãng dài luân hồi khó mà nhận ra nhau, khó mà nói cho hết.

Chứng Tam minh Lục thông, Đức Thế Tôn nhìn xuyên suốt thấy

sự trầm luân sanh tử của nhân sinh, nên Ngài mở bày phương tiện, trao truyền bốn vạn tám ngàn pháp môn cho chúng sanh tu tập. Bất luận là người hay súc sinh đều có thể tu hành được. Lời Phật dạy "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh", nghĩa là kiên trì tu tập sẽ thành Phật không phân biệt là người hay súc sanh. Đức Như Lai từ địa ngục A tỳ sơ phát thiện tâm, trải qua vô lượng kiếp tu hành khổ hạnh mới thành Phật đạo. Trong kinh Pháp Hoa phẩm Đề Bà Đạt Đa có ghi "Long nữ cũng thành Phật", một khi tâm lành phát khởi thì có vô số chư Phật, Bồ tát chư thiên khắp mười phương ủng hộ, mật niệm gia trì, để thành tựu chí nguyện. Đạo Phật dạy con người tu tập rất đơn giản, tùy hoàn cảnh tuổi tác sức khoẻ mà tu, không cần phải gò ép, tu đúng phương pháp thì ngày càng thấy mình an lạc vui tươi. Hơn nữa, thành Phật hay đọa lạc tự mình là chủ nhân, không có vị Phật hay thần linh nào đủ thẩm quyền để ban phước hay giáng họa cho ai. Đức Phật không cầm tay dẫn mình lên Niết bàn, hay đẩy mình xuống địa ngục, mà được như thế nào là tùy vào sự nỗ lực của tự thân. Giáo lý nhân quả, nghiệp báo của Phật giáo đã thuyết minh, chứng minh cặn kẽ sâu sắc điều này.

Lucky bây giờ rất hạnh phúc chú được pháp danh là Tu Mau, được nhiều người thương cho thật nhiều thức ăn, mua cho nhiều áo đẹp, "Dẫu rằng nhơn vật không đồng, tuy không biết nói mà lòng biết nghe". Không nói được nhưng nhìn cử chỉ của người đối diện Lucky cũng hiểu được ai là người thương mến chú, hoặc ngược lại. Hy vọng hàng ngày nghe được lời kinh tiếng kệ, mỗi sớm chiều, theo đại chúng lên chùa lạy Phật, gieo nhiều chủng tử Phật Pháp, kiếp sau chú sẽ được làm người, tu tập thêm nhiều cho đến ngày giải thoát. Đó là những lời chúc lành đến với Lucky.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
Bat Nha Meditation Institute of America

CHÙA BÁT NHÃ

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704—Tel: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009



Chương trình tu học ngày thứ Bảy hàng tuần

Giờ	Đề Tài
09:00 am - 10:30 am	Thọ trì Chú Đại Bi
10:45 am	Kinh hành niệm Phật
11:00	Nghỉ xả hơi.
11:15	Lễ cúng ngô
12:00	Thọ trai
02:00 Pm	Thuyết Pháp
03:15 Pm	Thọ trì Chú Đại Bi & Kinh hành niệm Phật.
05:00 Pm	Hồi hướng công đức.

Chương trình tu Bát Quan Trai ngày thứ Bảy tuần lễ thứ ba của mỗi tháng

08:30 Am - 09:15 Am	Thọ trì Chú Đại Bi (21 biến) Truyền giới Bát Quan Trai - Tụng kinh Phổ Môn cầu an.
10:30 - 12:30	Thọ Trì Chú Đại Bi (21 biến) - cúng ngô - Thọ trai - Kinh hành niệm Phật
01 PM - 02 PM	Thọ trì Chú Đại Bi (21 biến)
02:15 Pm - 03:40	Nghe Pháp thoại
04:30 - 0530 Pm	Lễ Bồ Tát cho Phật tử tại gia

TƯ TƯỞNG

BẢN-THỂ-CỦA-PHẬT

Daisetz Teitaro Suzuki
Hoang Phong chuyển ngữ

(tiếp theo trang 20)

Quá trình hình thành khái niệm về Bản-thể-của-Phật

Đức Phật trực tiếp nêu lên tánh không trong nhiều bài giảng và cho biết rằng Ngài luôn thường trú trong cõi tánh không tối thượng và tuyệt đối ấy. Thế nhưng không thấy có một bài kinh "nguyên thủy" bằng tiếng Pa-li nào trực tiếp nêu lên khái niệm về Bản-thể-của-Phật một cách dứt khoát và rõ ràng. Chỉ thấy *Tăng-nhất Bộ Kinh* (*Anguttara Nikaya*) và một học phái Phật Giáo xưa đã mai một là Đại-chúng bộ (Mahasanghika) đưa ra một vài gợi ý khá mơ hồ về Phật-tính mà thôi. Tóm lại khái niệm về Bản-thể-của-Phật hay Phật Tính nhất thiết chỉ là một khái niệm đặc thù và cá biệt của Đại Thừa nói chung và đặc biệt đã giữ một vai trò thật chủ yếu trong Thiền Học và Kim Cương Thừa.

Khái niệm về Bản-thể-của-Phật chỉ bắt đầu được nêu lên thật rõ ràng từ khoảng năm 200 sau Tây Lịch trở về sau này, và đã được đề cập nhiều nhất trong các bộ kinh như *Đại phương đẳng Như Lai Tạng kinh* (*Tathagatagarbha-sutra*, khoảng năm 200 sau Tây Lịch), *Thăng man Kinh* (*Srimadadevisimhanada-sutra*, thế kỷ thứ III), *Đại bát Niết Bàn Kinh* (*Mahaparinirvana-sutra*, thế kỷ thứ III), *Hoa Nghiêm kinh* (*Avatamsaka-sutra*, thế kỷ thứ III), *Nhập Lăng Già Kinh* (*Lankavatara-sutra*, thế kỷ thứ III), v.v... Nói chung thì số kinh sách vô cùng phong phú này đã đánh dấu thời kỳ trưởng thành của Đại Thừa Phật Giáo vào các thế kỷ thứ III và IV, sau khi đã được hình thành bốn trăm năm về trước tức vào thế kỷ thứ I trước Tây Lịch.

Có thể nói rằng trong số các kinh sách trên đây thì *Nhập Lăng Già Kinh* (*Avatamsaka-sutra*) là bộ kinh giải thích khái niệm về Bản-thể-của-Phật sâu sắc và khúc triết nhất. Kinh này được xem là do chính Đức Phật Thuyết giảng thế nhưng thật ra nếu căn cứ vào các dữ kiện lịch sử thì chỉ được trước tác vào khoảng thế kỷ thứ III. Cũng xin nhắc thêm là Bồ-đề Đạt-Ma đã dựa vào kinh này làm nền tảng để sáng lập ra một học phái mới là Thiền Học tại Trung Quốc vào khoảng thế kỷ thứ VI.

Bước sang thế kỷ thứ V người ta lại thấy xuất hiện thêm một tập luận khá quan trọng nữa là tập *Bảo tính luận* (*Uttaratantra-sastra* còn gọi là *Ratnagotravibhaga*). Tập luận này đã triển khai khái niệm

về Bản-thể-của-Phật thật sâu rộng với nhiều khía cạnh triết học vô cùng sâu sắc và khúc triết. Chính tập luận này đã giữ một vai trò then chốt đưa đến sự hình thành của Kim Cương Thừa vào khoảng cuối thế kỷ thứ V hay đầu thế kỷ thứ VI.

Trên đây là một vài nét thật khái quát đánh dấu một giai đoạn cực thịnh của Phật Giáo nói chung và của Đại Thừa nói riêng suốt trong nhiều trăm năm, kể từ thế kỷ thứ I trước Tây Lịch cho đến các thế kỷ thứ VII và VIII. Trong giai đoạn này nhiều học phái lớn tuần tự được hình thành như Trung Đạo, Duy Thức Học, Kim Cương Thừa và Thiền Học. Sau giai đoạn hưng thịnh này và cho đến nay không còn thấy một học phái quan trọng nào khác được thành lập thêm. Trên phương diện giáo lý thì bốn học phái lớn trên đây đã đưa ra nhiều cách diễn đạt mới về một số khái niệm trong giáo huấn của Đức Phật, hoặc ít ra thì trên phương diện thực hành cũng đã thiết lập được nhiều phép tu tập đặc thù và chuyên biệt, nhất là đối với Kim Cương Thừa và Thiền Học.

Trong số các đường hướng diễn đạt mới về giáo huấn của Đức Phật, người ta nhận thấy có hai khuynh hướng nổi bật nhất: trước hết là triển khai sâu rộng khái niệm về tánh không và đưa khái niệm này vào vị trí trung tâm của Đạo Pháp, và sau đó là sáng tạo ra thêm một khái niệm mới là Bản-thể-của-Phật (*Tathagatagarbha*).

Vậy Bản-thể-của-Phật, ngoài các cách giải thích của D.T. Suzuki trong bài viết

trên đây, còn mang thêm các ý nghĩa hay các cách giải thích nào khác nữa hay chăng?

Định nghĩa về Bản-thể-của-Phật

Trong *Đại phương đẳng Như Lai tạng Kinh* (*Tathagatagarbha-sutra*) có một câu như sau: "Trong tất cả chúng sinh đều ẩn chứa tinh anh của Như Lai: tương tự như trong lòng của một người mẹ nghèo nàn ẩn dấu một đứa con đáng yêu, như vàng ròng ẩn kín trong một nơi ô uế...". *Đại bát Niết-bàn Kinh* cũng nêu lên như sau: "Tương tự như bơ hòa lẫn trong sữa, Phật-tính thấm nhuần trong tất cả chúng sinh".

Thế nhưng Bản-thể-của-Phật - còn được gọi là Phật-tính - không những chỉ được xem như một kho báu vô cùng quý giá mà còn là "nguyên nhân" hay một "phương tiện" giúp cho tất cả chúng sinh trở thành Phật. Nói một cách khác Bản-thể-của-Phật còn biểu trưng cho một tiềm năng tự tại trong tâm thức của mỗi cá thể con người giúp họ thực hiện được sự Giác Ngộ. Tiềm năng ấy chỉ tạm thời bị che khuất và bị bóp ngạt bởi vô minh mà thôi. Chính vì thế nên Bản-thể-của-Phật hay Phật-tính, hay Như Lai Tạng (*Tathagatagarbha*) còn được gọi là "hạt giống", "nguyên nhân" hay "chủng-tử-của-Phật".

Ngoài ra kinh sách cũng thường sử dụng chữ "dhatu" (có nghĩa là giới, thành phần, lãnh vực, thể



dạng...) ghép thêm vào chữ "*Tathagata*" (Như Lai) để tạo ra từ ghép "*Tathagatadhatu*", có nghĩa là "*Thể-dạng-Như-Lai*", nhằm để chỉ định Bản-thể-của-Phật. Thuật ngữ này thật ra mang hai thể dạng hay hai bản sắc khác nhau:

- thể dạng thứ nhất là *sattvadhatu* hay "thể dạng chúng sinh" (chữ *sattva* có nghĩa là chúng sinh: être / being), tức là thể dạng chung của tất cả các chúng sinh "chưa giác ngộ".

- thể dạng thứ hai là *Dharmadhatu* hay "thể dạng Đạo Pháp" còn gọi là "Pháp Giới" (cảnh giới của Đạo Pháp), tức là thể dạng giác ngộ của chư Phật, biểu trưng bởi "Hiện Thực tuyệt đối".

Hơn nữa người ta cũng còn thấy kinh sách gọi Bản-thể-của-Phật là *Dharmakaya* tức là "Pháp Thân" hay là "Thân Đạo Pháp", tức là thể dạng không sinh, không diệt, không hình sắc của chư Phật. Pháp Thân còn được xem là thể tính của hiện thực hiện hữu tự tại nơi chư Phật và tất cả chúng sinh. Tóm lại chữ Pháp Thân được xem đồng nghĩa với các chữ Chân Như, Hiện Thực hay sự Vận Hành của toàn thể Vũ Trụ, nói cách khác là trong mỗi chúng sinh đều hàm chứa sẵn Chân Như hay Hiện Thực để giúp họ cùng với chư Phật vận hành chung trong vũ trụ. Tuy nhiên nếu các chúng sinh nào chưa đạt được giác ngộ thì sẽ không thể nào nhận thấy được phẩm tính ấy của chính mình để hòa nhập với sự vận hành đó.

Ngoài ra Kim Cương Thừa còn xem Bản-thể-của-Phật là một sự "viên mãn tuyệt đối" và gọi đây là "ánh sáng trong suốt" biểu trưng bởi một vị thần linh nhằm ứng dụng vào việc luyện tập. Đối với riêng học phái Đại Cúu Cảnh (Dzogchen) thì Bản-thể-của-Phật chính là "bản thể đích thật và tự tại của tâm thức" và được gọi là *rigpa*. Chữ Tây Tạng *rigpa* có nghĩa từ chương là một "thể dạng tự nhiên hay tự tại", và trong trường hợp nếu được dùng để chỉ định Bản-thể-của-Phật thì chữ này sẽ mang ý nghĩa là "bản chất tự nhiên của sự hiểu biết", tương tự như "hơi nóng là bản chất tự nhiên của lửa" hay "sự ẩm ướt là bản chất tự nhiên của nước". Do đó chữ *rigpa* cũng được xem như tương đương với các chữ Phạm *vidya* (sự quán thấy) hay *prajna* (trí tuệ) là các chữ mang ý nghĩa đối nghịch lại với chữ *avidya* tức là vô minh, để nói lên bản chất tự nhiên của sự hiểu biết. Đối với học phái Shentong - một trong hai học phái Trung Quán của Tây Tạng - thì Phật-tính hay Bản-thể-của-Phật còn được gọi là *Buddhajana* tức là *Trí-Tuệ-của-Phật*. Nói chung các thuật ngữ Tây Tạng dùng để chỉ định Bản-thể-của-Phật rất phong phú và mang nhiều ý nghĩa rõ rệt.

Tóm lại Đại Thừa Phật Giáo qua hàng nhiều trăm năm đã cố gắng phân tích, tìm hiểu và ứng dụng "một điều gì đó" vừa trừu tượng, bao quát lại vừa sâu sắc và rất khó để diễn đạt gọi là Bản-thể-của-Phật. Các vị đại sư trong quá khứ đã kế tiếp nhau sáng tạo ra vô số các thuật ngữ quy ước cũng như đã bày ra thật nhiều cách gợi ý nhằm giúp chúng ta nắm bắt một điều gì đó vô cùng "bí ẩn" gọi là Bản-thể-của-Phật. Cái bản thể ấy sở dĩ đã tỏ ra bí ẩn chỉ vì nó không phải là một thứ gì khác thuộc bên ngoài được đem áp đặt thêm cho hiện thực, mà chính là bản chất tự tại bên trong mọi hiện tượng, từ một hạt bụi cho đến cả vũ trụ, kể cả tư duy cũng như xúc cảm trong tâm thức của mỗi con người. Vậy cái bản thể tự tại và cùng khắp ấy của mọi hiện tượng là gì?

Sự cụ thể hóa tánh không

Sau bài thuyết giảng thứ nhất là Bốn Sự Thật

Cao Quý (Tứ Diệu Đế), thì ngay sau đó trong bài thuyết giảng thứ hai Đức Phật đã nêu lên khái niệm "không có cái tôi" hay "giáo lý Vô Ngã". Trong suốt bốn mươi lăm năm thuyết giảng Đức Phật tiếp tục triển khai nền móng đó của Đạo Pháp với các cấp bậc khác nhau, và đồng thời Ngài cũng đã thường xuyên giải thích giáo lý "Vô Ngã" bằng mọi cách và dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Thể những khái niệm về tánh không thì chỉ được Đức Phật trực tiếp thuyết giảng cho một số đệ tử thật thân cận, chẳng hạn như Đức Phật đã giảng riêng cho A-nan-đà hai bài *Kinh ngắn* và *Kinh dài về Tánh Không* (*Culasunnata-sutta* và *Mahasunnata-sutta* - *Trung A Hàm* 121, 122). Ngoài ra một đôi lần Ngài cũng có nêu lên cho hai người đệ tử là Xá Lợi Phất và A-nan-đà biết rằng Ngài luôn thường trú trong cõi tánh không tuyệt đối và tối thượng ấy. Trong bài *Kinh ngắn về Tánh Không* có một đoạn như sau:

- "*Bạch Thế Tôn, có lần Ngài ngụ ở thị trấn Nagaraka thuộc xứ của dân Sakka. Vào dịp ấy và trước mặt Ngài tôi đã được nghe chính Ngài nói lên như thế này: 'Này A-nan-đà, Ta luôn an trú trong tánh không, và đang trong lúc này thì Ta lại càng an trú sâu xa hơn nữa'. Bạch Thế Tôn, tôi nghĩ rằng tôi đã nghe đúng như thế, và hiểu đúng như thế.*

- Đấng Thế Tôn đáp lại như sau:

- "*Quả đúng như thế, này A-nan-đà, những gì người đã được nghe thấy đúng là như thế; những gì người hiểu được cũng đúng là như thế. Đang trong lúc này, và cũng tương tự như trước đây Ta từng an trú trong tánh không thì nay Ta lại càng an trú sâu xa hơn nữa trong tánh không. Cũng chẳng khác gì như gian tịnh xá này do Migāra-Matā xây cất hoàn toàn trống không, không có một con voi nào, không có một con bò cái nào, không có một con ngựa đực nào, không có một con ngựa cái nào, không có vàng cũng chẳng có bạc, hoàn toàn trống không, chẳng có đám đàn ông hay đàn bà nào tụ tập. Gian tịnh xá chỉ duy nhất không-trống-không về cái đặc tính độc nhất [của nó] thiết lập bởi tập thể Tăng Đoàn.*"

Đoạn trích dẫn trên đây cho thấy là A-nan-đà vẫn áy náy không biết những gì mình được nghe có đúng như thế hay không. Áy náy tức là còn có một cái gì đó mà mình không hoặc chưa hiểu hết. Tuy nhiên A-nan-đà vẫn cứ thuật lại sự thắc mắc của mình vào dịp kết tập Đạo Pháp lần thứ nhất được tổ chức một năm sau khi Đức Phật tịch diệt. Sự thắc mắc ấy đã được truyền khẩu gần bốn trăm năm trước khi được ghi lại bằng chữ viết trên những tờ lá bối vào thế kỷ thứ I trước Tây lịch ở Tích Lan.

Có thể A-nan-đà cũng muốn thấu hiểu tường tận hơn ý nghĩa của tánh không là gì nên mới nêu lên với Đức Phật thắc mắc của mình như trên đây, thế nhưng Đức Phật chỉ nói với A-nan-đà rằng Ngài luôn thường trú trong cái tánh không ấy và cho A-nan-đà biết là sự thường trú ấy cũng tương tự như cảm nhận được gian tịnh xá trống không, ngôi làng trống không, khu rừng trống không, không gian trống không, tri thức trống không, hư vô trống không, đây là một sự cảm-nhận không-cảm-nhận, một sự cảm-nhận không hướng vào một chủ đích hay đối tượng nào cả. Đức Phật không hề "mổ xẻ" cái tánh không đó trên mặt trí thức để giải thích cho A-nan-đà mà chỉ cho biết đây là một thể dạng hay một kinh nghiệm cảm nhận mà thôi. Nếu nói theo D.T. Suzuki thì sự "cảm nhận phi-đối-tượng" ấy cho thấy Đức Phật đã hội nhập và đã trở thành MỘT với cái tri thức trống không tuyệt đối và tối thượng bên trong của chính Ngài.

Thế nhưng nếu thuyết phục một người tu tập bình dị như chúng ta hãy cứ hội nhập với cái trí thức trống không của chính mình và để trở thành MỘT với nó thì quả rất khó, bởi vì nếu không hiểu được tánh không là một phương tiện mang lại sự giải thoát mà chỉ nhìn thấy khía cạnh tiêu cực tức là sự trống không của nó, thì nhất định sẽ khiến cho chúng ta khó tránh khỏi phải sợ hãi. Dù cho không sợ hãi đi nữa thì chúng ta cũng có thể sẽ cảm thấy hoang mang và lo lắng, bởi vì chúng ta không đủ khả năng để cảm nhận được sự trống không tự tại ấy trong tâm thức của chính mình, mà lại xem nó như là một đối tượng bên ngoài để hội nhập vào đấy, tương tự như phải nhảy vào một cái hố trống không và sâu thẳm. Có thể cũng vì lý do đó mà các vị đại sư trong quá khứ thuộc các tông phái và học phái khác nhau đã cố gắng tìm đủ mọi cách để lấp đầy cái hố ấy, nói cách khác là cụ thể hóa "điều bí ẩn" ấy, tức là cái MỘT trong bài viết của D.T. Suzuki hay cái "tánh không tuyệt đối và tối thượng" nêu lên trong bài *Kinh ngắn về Tánh Không*, nhằm để biến nó trở thành một cái gì đó mang tính cách "tích cực" hơn. Nói một cách khác là khoác lên cho tánh không một chiếc áo mới dễ nhận thấy và nắm bắt hơn cho một số người tu tập. Chiếc áo ấy có thể mang tên là Bản-thể-của-Phật, Như Lai Tạng, Phật Tính, Chân Như, Hiện Thức, v.v... Triết học Tây Phương gọi phương pháp này là cách "vật thể hóa" (chosification, reification, objectification...) các khái niệm trừu tượng.

Sau đây là một thí dụ khác về cách "vật thể hóa" khái niệm Bản-thể-của-Phật, tìm thấy trong *Như Lai Tạng Kinh (Tathagatagarbha-sutra)* và trong tập *Bảo Tánh Luận (Uttaratantra-sastra còn gọi là Ratnagotravibhaga)* là hai trong số các văn bản nồng cốt đưa đến sự hình thành của Kim Cương Thừa, đây là chín phương cách so sánh Bản-thể-của-Phật nhằm biến nó trở thành cụ thể hơn:

Bản-thể-của-Phật (Tathagatagarbha) tương tự như:

- 1- Một pho tượng Phật bên trong một đoá hoa sen héo úa
- 2- Mật ngọt giữa một bầu ong
- 3- Một hạt giống bên trong chiếc vỏ cứng
- 4- Vàng ròng giấu trong đồng rác
- 5- Một kho tàng chôn kín dưới mặt đất
- 6- Một mầm cây bên trong hoa quả
- 7- Một pho tượng Phật trong đồng giẻ rách
- 8- Một vị lãnh đạo tương lai trong bụng của một phụ nữ xấu xí và nghèo nàn.
- 9- Một pho tượng bằng kim loại quý bên trong một khối đất sét.

Pho tượng Phật, mật ngọt hay vàng ròng... chính là cái "tánh không tuyệt đối và tối thượng" nằm bên trong mọi hiện tượng hư ảo và vô thường trong thế giới, từ một hạt bụi cho đến toàn thể vũ trụ.

Thật vậy nếu bảo một người nào đó hãy chuyên cần tu tập để đạt được thể dạng "tánh không tuyệt đối và tối thượng" hay "tánh không của tánh không" thì nhất định sẽ rất khó để chinh phục họ bởi vì có thể họ sẽ không hiểu đây là gì. Thế nhưng nếu bảo họ là sẽ đạt được Bản-thể-của-Phật hay Phật Tính hầu giúp họ trở thành Phật thì may ra có thể thuyết phục họ dễ dàng hơn.

Bures-Sur-Yvette, 11.12.12
Hoang Phong

QUÁN NHƯ MỘNG

Tác giả: Cư sĩ LÝ NHẤT QUANG

Dịch giả: Thích Thắng Hoan

(tiếp theo trang 12)

6.- Vạn pháp đều do tâm tạo, tâm và vật của Phật Giáo thì hoà hợp nhau thành một thể; tâm thì thuộc về dụng và vật thì thuộc về tướng. Nhờ tướng của vật mà biết được tâm dụng của con người như thế nào. Lý do tại sao? Ở điểm hiện lượng này cũng rất khó trình bày cho rõ ràng, giờ đây chúng ta đem vấn đề mộng làm tỷ lượng để so sánh cho thích hợp. Lúc chúng ta ở trong mộng các cảnh giới đột nhiên xuất hiện, sau đó chúng ta khi tỉnh mộng liền nhớ lại những ký ức trong mộng và biết rõ tất cả những cảnh giới mộng kia là do tâm hiển hiện; nhờ những cảnh mộng kia mà chúng ta biết được tướng mạo của tâm mộng. Tình trạng ban ngày cũng giống như thế, tất cả thấy nghe ngửi biết đều là chỗ của tự tâm, tất cả cảnh giới cũng đều là chỗ hiển hiện của tâm. Cho nên mới nói vạn pháp đều do tâm tạo. Thông thường người ta nói lương tâm tốt và lương tâm xấu. Lương tâm tốt hay xấu của con người ai cũng không thể nhìn thấy được và cũng không thể từ nơi hành động của con người mà quan sát thấy được sự xuất hiện của nó. Nó thường ngày chỉ cảm giác được trong hoàn cảnh sanh hoạt hơn kém của con người mà thôi và nó tức là tướng của tâm chúng ta đấy.

7.- Kinh Kim Cang nói rằng: "Tất cả pháp, tức không phải tất cả pháp, thế mới gọi là tất cả pháp." Trước hết đem câu này đổi thành một pháp gì đó để nhận xét, như đem đoá hoa làm đề tài: "Đoá hoa, tức không phải đoá hoa, thế mới gọi là đoá hoa". Đoá hoa đây ai ai cũng đều nhìn thấy: nó là màu hồng, là màu trắng, là màu tím, là hoa tươi đẹp để thơm tho; đây chính là người ta chấp trước quan niệm cho đoá hoa là thật có, nhưng đúng ra nó chính là giả có. Đoá hoa đây sớm mai thì tươi đẹp thơm tho, nhưng đến chiều thì tàn úa, đó tức là không phải đoá hoa. Nó chính là không, do nhân duyên hoà hợp mà thành, giống như đoá hoa trong mộng, cho nên gọi tức không phải đoá hoa. Thế mới gọi là đoá hoa, nghĩa là ý nói đoá hoa đây chính là hoa của tâm địa hiện ra. Nhờ hoa mà biết được tâm địa của chúng ta, hoa chính là tâm địa của chúng ta đây, là đoá hoa thật tướng, nó không phải Không và cũng không phải Có, liền có liền không, tức là Trung Đạo vậy. Đoá hoa đây là một loại pháp của tất cả pháp, đoá hoa của một pháp là như thế thì tất cả pháp lại cũng như thế. Cho nên mọi việc mà chúng ta sanh hoạt thường ngày đều có thể sử dụng ba pháp quán Không, Giả, Trung Đạo để thể nghiệm và nhờ đó mới không bị ngoại cảnh mê hoặc.

8.- Cái Không, có người nói cái Không trong Phật Pháp không phải là cái Không của Ngoan không mà nó chính là cái Không trong cái không của Diệu Hữu. Ngoan không và Diệu không phân biệt như thế nào? Như trong Kinh nói: "Pháp Thân của Như Lai xét đến cùng chính là tịch tịnh, dù như hư không." Lời nói trên người định có người hiểu lầm cho hư không chính là cái Không của Diệu không; hiểu như thế là sai lầm. Thật tế mà nói, chúng ta đối với cái Không ở đây không một chút nào có kinh nghiệm cả và cũng

rất khó có thể tiến vào cánh cửa của nó. Cho nên phải dùng cái mộng làm công việc so sánh để quan sát nó. Khi ở trong mộng, chúng ta mộng thấy trạng thái hư không và quan niệm cho cảnh giới hư không đây thật có tồn tại, vì thế mới có cái mộng phát khởi; sự tồn tại của hư không nói trên chính là ở trong mộng vậy! Hiện tượng này quyết định không thể cho là tỉnh được. Chúng ta chỉ khi nào tỉnh lại mới biết những sự vật (tức hư không) ở trong mộng đúng với sự thật chính là không. Cái không ở đây có thể gọi là Chân không diệu hữu. Lý lẽ này giống nhau với Hư không của Phật Pháp quan niệm, nghĩa là chúng ta sau khi giác ngộ thì mới biết được chân không của vũ trụ vạn hữu và vạn hữu chân thật đây chính là Chân không diệu hữu vậy.

Những điều giải thích ở trên hoàn toàn dùng tỷ lượng để trải nghiệm lời nói của bậc Thánh (Thánh ngôn lượng). Vì có một số người ngộ nhận xin đề cử dưới đây để dẫn giải:

a. Cái Không mà nơi văn Kinh thường nói thì cũng giống như ở trước trình bày đều thuộc về loại mộng, đã là mộng, đã là không thì cần gì phải bận rộn vất vả đi làm suốt ngày? Người nào nói những lời này, thường có những tư tưởng (vọng tâm) tồn tại thì người đó phải chịu ở trong mộng lâu đời. Khi ở trong mộng, họ lại thọ nhận những cảnh mộng chi phối, chịu đựng những định luật nhân quả không chế, trốn không thoát khỏi cảnh giới mê hoặc. Lẽ cố nhiên thiết thực hơn mặc dù đang ở trong mộng, con người cần phải đi làm việc, làm càng chân thật và càng lâu năm thì mới có thể được những mộng tốt (báo ứng tốt). Nếu không như thế, ác mộng lại đến vĩnh viễn khó xa lìa và trường mộng trở nên dày đặc không kỳ hạn. Chỉ có một phương pháp là làm cách nào khiến cho cái Không chân thật xuất hiện thì mới có thể thoát ly được thế giới mộng mê.

b. Lại có một hạng người lãnh hội vấn đề này nói rằng: “Giáo lý Phật Giáo nói mộng nói không, thật ra đem người đang nằm mộng để xem thì nhận thấy họ rất tiêu cực!” Đây là một thứ hiểu lầm, con người đang nằm mộng quyết không phải tiêu cực. Phải nói chúng ta đang sống đây không khác như người đang ở trong mộng; chúng ta đang sinh hoạt trong tư tưởng của mê hoặc, đang hành động trong cảnh giới của mộng mê. Chỗ nói năng chỗ làm việc của chúng ta đều sai lầm, những sự việc của chúng ta làm cũng giống như những sự việc ở trong mộng. Khác nào người mê quên mất phương hướng, nhận lầm phía đông cho là phía tây, càng đi càng xa, nên gọi họ là người mê. Con người cũng vì mê nên mới có quan niệm phương hướng, mới phát khởi vấn đề mê cùng không mê. Giả sử nếu hoàn toàn ly khai quan niệm phương hướng (tức là ý nghĩa chân không), người mê không hội đủ điều kiện để thành lập. Vì thế trong Phật Pháp nói mộng nói không, là mục đích khiến cho chúng sanh thức tỉnh để thoát ly được huyền cảnh. Cố nhiên trong Phật Pháp cho hành vi và tư tưởng hướng thượng trên đây là vô cùng tích cực.

c. Lại cũng có một hạng người hiểu lầm như trên bảo rằng: “Người đang mộng xem ra cũng tốt, cần gì phải tỉnh lại, đã là một vũ trụ không nào có thú vị bao nhiêu? Hơn nữa mọi người trên thế giới đều đi tu hành làm hoà thượng cả thì ai lại đi kiến lập chi cái xã hội này?” Vấn đề này bảo chúng ta trước hết nên nhìn xem cái xã hội này là mộng ác nhiều hay là mộng tốt nhiều? Giả sử mộng tốt nhiều lại còn bảo nó đi làm việc, nhưng trên thực tế, con người mặc dù được nhiều mộng tốt hoặc làm được nhiều công việc tốt, mà vẫn không thoát khỏi tám

thơ

Tiếng chuông tỉnh thức

*Chuông chùa ngân tiếng hư không
Thân tâm rũ sạch bụi trần vẩn vương
Sắc, Không, Không; cõi vô thường
Tỉnh cơn mê thức, ngộ đường vô sanh.*

NGUYỄN ĐĂNG



cái khổ: sanh, già, bệnh, chết, thương yêu nhau bị xa lìa, thù ghét nhau cứ gặp nhau mãi, hy vọng không thành, năm ấm xí thành. Ngoài ra còn có các thứ thiên tai như họa, thật là kể không hết. Trong những hiện tượng trên, chọn một người bệnh để bàn, thân thể người bệnh nổi đầy mụn nhọt, họ đi cầu thầy cho thuốc, nhờ cầu thầy nên sung sướng được khỏi bệnh. Nếu như có người báo cho người khác biết: Đây là mộng, các ông nên tỉnh lại đi! Như thế xin hỏi quý Ngài, có nên chọn con đường cầu thầy cho thuốc hay là cầu tỉnh lại (tức là theo sự tu hành)? Đương nhiên mục đích chúng ta học Phật là muốn tỉnh lại từ nơi mộng, muốn thoát ly cảnh giới giả khổ để thành tựu đại giác, tế độ quần sanh. Cuối cùng xin dẫn chứng bài kệ của kinh Kim Cang quán chiếu đối với các pháp để kết thúc đoạn văn này. Bài kệ như sau:

“Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn, như bọt nước; như sương khói, như điện chớp, nên quán chiếu như thế.”

(Nguyên bản đăng trong Nguyệt San Hải Triều Âm, ngày 01 tháng 10 năm Dân Quốc 57)

HỘI LUẬN TƯƠNG LAI – CƠ HỘI & THÁCH THỨC PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI MỸ

Tâm Tĩnh Lặng

Tiết đông cuối năm lạnh toả khắp vùng California và mưa phùn lất phất, vậy mà trong khuôn viên của hội trường Sangha ở Huntington Beach vẫn ấm áp với nhiều bóng chư Tăng Ni, Phật tử, giới văn hào trí thức và nhiều hội đoàn Phật giáo khác của vùng Santa Ana, Cali, đến để tham dự buổi hội luận do Hội Phật Học Đuốc Tuệ tổ chức vào ngày 16 tháng 12 năm 2012, với chủ đề “*Nhìn Về Tương Lai – Cơ Hội & Thách Thức Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ*”.

Buổi hội luận với bốn thuyết trình viên là Hòa Thượng Thông Hải với chủ đề “*Vài Suy Nghĩ về Tăng Già Việt Nam tại Mỹ - Biểu tượng và Sứ mạng*”, Ni Sư Giới Hương “*Từ Những Ngôi Chùa Thời Phật đến Chùa Việt trên Đất Mỹ thời nay*”, Phật tử Diệu Huyền (Lê Ngọc Bảo) “*Người Phật Tử Việt Nam trong Bối Cảnh Đạo Phật tại Mỹ*” và cuối cùng là Phật tử Nguyễn Giác (Phan Tấn Hải) với đề tài “*Tiếp Cận Các Nguồn Nghiên Cứu Phật Học Anh Ngữ*”. Theo như đạo hữu Mật Nghiêm - Hội Trưởng Hội Phật Học Đuốc Tuệ trình bày rằng: “Bốn thuyết trình viên là hình ảnh tiêu biểu của bốn chúng (Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di) trong tăng già Phật giáo sẽ nói lên quan điểm của mình đối với dòng sinh mệnh của Phật giáo Việt tại Mỹ”.

■ Buổi hội luận bắt đầu rất sôi nổi với sự diễn thuyết lưu loát của Hòa Thượng Thông Hải nói về nhu cầu cần thiết để tổ chức khóa tu dưỡng giảng sư là để tạo điều kiện cho Tăng Ni và trụ trì các Tự Viện có đủ năng lực phục vụ Đạo Pháp, mở ra và định hướng cho thế hệ trẻ tương lai tại Mỹ, đem Đạo Phật vào tận các nơi xa không có hình bóng chư tăng hoằng pháp.”

Ni Sư Giới Hương trình bày một khắc khoải ưu tư với đề tài của Hòa Thượng Thông Hải: “Phật giáo Việt tại Mỹ đã trải qua 37 năm từ năm 1975 đến nay, thời gian không quá dài và quá ngắn, nhưng đối với con là thật dài, nửa đời người rồi. Vấn đề ưu tư là chỉ có các khóa an cư kiết hạ 10 ngày, khoá bồi dưỡng pháp sư một tuần... hình như chưa đủ nguồn Phật pháp (background) cho Tăng Ni trẻ đủ năng lực nội diện để hoằng pháp. Thế hệ chư Tôn đức Hoà thượng được đào tạo, tu học và tốt nghiệp các khóa Phật pháp ở Việt Nam thì có thể làm “Sứ giả Như Lai” tại Mỹ; còn tăng ni trẻ sanh trưởng tại

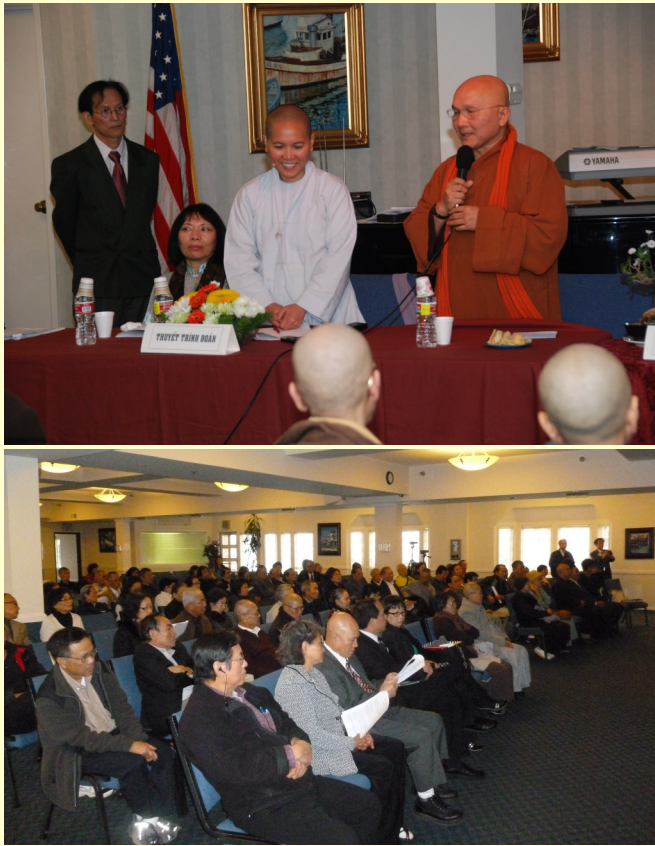


Mỹ cần những lớp cơ bản, trung cấp và cao cấp, cần thời gian tu học lâu dài để đủ nội lực pháp khí. Hình như Phật giáo tại Mỹ của chúng ta đang thiếu các trường lớp thì làm sao Tăng Ni trẻ có thể “*Tre già măng mọc*” gánh vác tương lai Phật pháp? Sư cô Khánh An đồng ý với ý kiến này và thêm vào rằng những vị giảng sư đa số được tu học ở Việt Nam, có quá trình đạo pháp nhưng chưa thông thạo Anh văn, chúng ta nên mời thêm cả các nam nữ Phật tử giỏi ngôn ngữ làm giáo thọ sư để giúp chư Tăng Ni.

■ Đạo hữu Diệu Huyền thuyết trình rằng Phật tử Việt Nam là một lực lượng đông đảo nhất trong giới Phật tử gốc Á của Mỹ, đã đóng góp rất nhiều và có nhiều nét sinh động khởi sắc, tuy nhiên, đa phần vẫn tách rời với Phật giáo bản xứ Mỹ, với những nghi thức hành lễ riêng biệt, với ngôn ngữ Việt Nam sử dụng trong tất cả những sinh hoạt tôn giáo. Điều này không chỉ giới hạn trong cộng đồng Phật giáo Việt Nam, mà cũng là một tình trạng chung của tất cả những truyền thống Phật giáo Á Châu khác. Dù thế nào, điều hiển nhiên là đạo Phật đã và đang có ảnh hưởng trên đời sống tinh thần của người Mỹ, bằng bất cứ hình thái nào. Đạo Phật không đi xuống nhưng vấn đề làm sao để Phật giáo Việt Nam được tồn tại trong bối cảnh Mỹ? Câu trả lời rằng chúng ta phải hòa nhập với Phật giáo Mỹ, phải tuyên và đào tạo tăng già người Mỹ.

Đạo hữu Tâm Nguyên Nghiêm Phú Phát san sẻ một ý kiến về việc người Mỹ hướng dẫn. Đh Panama cho biết có một nhóm giới trẻ Việt Nam ở Santa Ana mời những người Mỹ da trắng đến để hướng dẫn Phật pháp một tháng một lần. Nhưng kết quả là các em đến tham dự càng ngày càng ít. Vì thế, đạo hữu đề nghị chúng ta nên dùng thêm nhiều phương tiện khác để có thể thu hút giới trẻ. Một trong những phương tiện mà nhóm Hương Thiền đang thực hiện là dùng âm nhạc để chuyển tải Phật pháp.





■ Qua slideshow với 20 bức hình minh họa (có đính kèm PowerPoint link của web: <http://www.chuahuongsen.com/Vietnamese/HinhAnh.html>) được chiếu trên màn hình, Ni sư Giới Hương trình bày ba ý chính của đề tài như 1) Vai trò của Ngôi Chùa Thời Phật là lý tưởng A-la-hán, sớm mau thành Phật; 2) Vai trò của Ngôi chùa Thế kỷ 21 là lý tưởng Bồ tát, tinh thần nhập thế hòa đồng xã hội của chư Tăng Ni và 3) Cơ hội thách thức của chùa Việt đất Mỹ. Cả về bản sắc cũng như số lượng, chùa Việt đất Mỹ tùy thuộc vào sự hiện diện của chính bản thân Phật giáo Việt Nam trên đất Mỹ. Mà Phật giáo Việt Nam, sau 37 năm tính từ năm 1975, vẫn đang **trong quá trình hình thành** với tất cả những biến số do cơ hội và thách thức mà xã hội và văn hóa Mỹ đặt ra. Chùa Việt đất Mỹ đang đối diện với hiện tượng tiếp biến văn hóa (acculturation) tại Mỹ. Một Tăng đoàn thuần Việt sẽ càng ngày càng nhỏ lại khiến cho lượng chùa Việt Nam sẽ ít đi, có thể dần dần biến mất để hóa thân thành một ngôi chùa "X phần Việt, Y phần Mỹ", mà giáo sư Phật học Charles Prebis gọi là hiện tượng "hybridity", nên Phật giáo sẽ có nhiều thách thức và vấn đề này sinh phía trước (khó hơn là Chùa Việt - Đất Việt hay Chùa Mỹ-Đất Mỹ). Tuy nhiên, với sự góp mặt của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 và tăng đoàn Tây Tạng của ngài, cũng như với Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh và Tăng thân Làng Mai của Việt Nam, Phật giáo đã trở thành một tôn giáo lớn, với số Phật tử ngày càng tăng (so với các nước Phật giáo Châu Á khác) và được nhiều giới trí thức Âu Úc Mỹ biết đến và tu tập theo. Cho nên tương lai của Chùa Việt Đất Mỹ có khuynh hướng sáng rạng.

Hòa Thượng Thông Hải góp ý cho đề tài của Ni Sư Giới Hương rằng tương lai chùa Việt tại Mỹ đang có những trở mình thuận lợi sáng rạng, nhưng

thật ra có rất nhiều thử thách phía trước. Tạo tự lập chùa tại Mỹ rất khó vì luật lệ chùa chiền ở Mỹ rất phức tạp và chi phí rất cao nhưng người Mỹ ít biết cúng dường rộng rãi. Ví dụ, người Mỹ đến tu viện An-lạc học đạo rất đông. Hòa thượng phải hướng dẫn thiền (mediation), yoga và giảng pháp, nhưng họ cúng dường rất giới hạn, nên việc có kinh phí duy trì chùa là một thách đố. Thêm một việc nữa là tạo tự dễ nhưng tạo Tăng khó. Làm sao để một vị Tăng Ni có thể đi vào dòng chảy của xã hội Mỹ để hoằng pháp có hiệu quả? Đòi hỏi rất nhiều năng nổ, công sức đào luyện và thách thức phía trước.

■ Thuyết trình viên Nguyên Giác phân tích vài cách tiếp cận các nguồn nghiên cứu Phật học Anh ngữ hay chuyển ngữ (dịch giả) cho có hiệu quả hơn. Nguyên Giác tâm sự: Thật ra dù học tiếng Anh ngày đêm trong 20 hay 30 năm vẫn chưa hiểu hết cách sử dụng tiếng Mỹ, huống chi chỉ học 5 hay 10 năm rồi vội dịch thuật, nên trên thực tế bản dịch nào cũng vẫn có thiếu sót là điều tất nhiên. Đạo hữu cũng phân tích các bản dịch dị biệt (ví dụ kinh Pháp Cú, kinh Kim Cương) vì thế cách hay nhất khi nghiên cứu không nên chỉ sử dụng một văn bản mà nên sử dụng nhiều nguồn khác nhau để so sánh. Thêm vào đó Đạo hữu cũng cảnh báo cho biết hiện giờ hàng giả trà trộn trong Phật giáo rất nhiều. Thí dụ, như trên mạng email và nhiều diễn đàn gần đây, chúng ta thấy có bản văn ghi là "66 câu Thiền ngữ chấn động thế giới," thực ra là do người giả danh Phật Tử viết ra, chứ không phải Phật giáo. Bạn cứ xem câu thứ 50 là biết: "50. Cảm ơn Thượng đế với những gì tôi đã có, cảm ơn Thượng đế những gì tôi không có." Người ta đang nhẹ nhàng cấy tư tưởng Ky Tô Giáo vào đầu của chúng ta. Làm như cuộc đời là do "Chúa quyền năng và lòng lành" ban cho chứ chẳng có Nhân quả Nghiệp báo vận hành gì cả! Nếu bạn lên

các trang mạng xã hội, như Facebook và Twitter, cũng sẽ gặp thêm nhiều câu nói giả làm như lời Đức Đạt Lai Lạt Ma nói. Nghe có vẻ như Phật pháp, nhưng thực ra là xô đẩy với các tôn giáo khác.

Ni Sư Giới Hương lo lắng rằng học tiếng Anh ngày đêm trong 20 hay 30 năm vẫn chưa hiểu hết cách sử dụng tiếng Mỹ thì làm sao dịch thuật được, Nguyên Giác có cách nào trong thời gian nhanh gọn hơn mà có hiệu quả trong việc dịch thuật vì đời người quá ngắn ngủi? Thuyết trình viên trả lời hãy dịch bằng tâm lòng, dùng bản gốc và phải có kiến thức Phật học. Đh Trần Quốc Châu bổ sung đạo Phật dịch được là do có chứng ngộ được.

Được biết thành phần tham dự hội luận gồm có nhiều hội đoàn như Hội Phật Tử Lạc Pháp, Tổng Hội Cư Sĩ PGVN, nhóm Phật Tử Sợi Nắng, nhóm Xóm Dừa, nhóm Phật Giáo Hòa Hào... Theo như Đạo hữu Tâm Cát thay mặt cho Ban Điều Hợp Hội Luận tổng kết rằng: Một cách ngẫu nhiên mỗi đề tài có được năm thính chúng đưa câu hỏi rất đều nhau. Đây là mặt tích cực của hội luận. Tịnh Tánh đề nghị nên có thư viện Anh Việt song ngữ cho giới trẻ đọc sách trong khi chờ cha mẹ tụng kinh và mở khóa tu mỗi tuần 2 tiếng đồng hồ cho các em. Đạo hữu Hùng đề nghị nên có một hệ thống sách giáo khoa phù hợp cho giới trẻ Việt-Mỹ. Chư tôn đức Tăng Ni và các bậc cha mẹ nên giải thích ý nghĩa quy y Tam bảo giữ năm giới cho các em biết là để các em thăng tiến tâm linh. Nếu các em thật hiểu ý nghĩa giới thì hiệu quả thọ giới, trì giới sẽ là cấp số nhân chứ không phải cấp số cộng. Một đạo hữu góp ý trong sách giáo khoa của trẻ em tại các trường Mỹ đã giải thích đạo Phật là đạo bi quan, yếm thế, nên chúng ta phải hợp lực để có một textbook đúng với tinh thần đạo. Đh Bàn Quốc Châu thêm vào đạo Phật là đạo nhân bản, không có đạo nào nhấn mạnh nhân bản như đạo Phật. Nếu chúng ta là cư sĩ mà thuần thành học đạo thì con em của chúng ta sẽ tránh tình trạng tham sát bạo động như một em thanh niên 20 tuổi cầm súng bắn vào chính mẹ của mình, 20 học sinh cấp một vô tội (tuổi từ 6-7), và 6 thầy cô giáo tại Sandy Hook Elementary school, Newtown, Connecticut vào ngày 14 tháng 12 năm 2012 vừa rồi. Đạo Phật không có mộng lung mà thiết thực. Chúng ta phải biết những cơ hội, nắm những cơ hội và trả lời những thách thức vì Đạo Phật là đạo sống. Tâm Nguyên Trí có cái nhìn lạc quan về tương lai đạo Phật vì nhiều người Mỹ đến tu học đông ở tu viện Lộc Uyển. Đạo Phật muốn sống hay chết là tùy thuộc vào sự ứng dụng. Chính sự ứng dụng đã mang đến sự chuyển hóa nội tâm và hạnh phúc cho người Phật tử, vv...

Thay mặt ban tổ chức Đuốc Tuệ, hội trưởng Mật Nghiêm tri ân tấm lòng hộ pháp của Chư tôn đức Tăng Ni và các thiện tri thức đã tham dự từ 2 giờ trưa cho đến 7 giờ tối dù bên ngoài trời đã nồm nhem tối và mưa lất phất. Đh Mật Nghiêm đề nghị các hội đoàn Phật giáo khác nên phụ giúp với hội Đuốc Tuệ để cùng tổ chức nhiều cuộc hội luận bổ ích như vậy nữa trong tương lai. Còn rất nhiều ý kiến quý giá khác của các hội đoàn. Mỗi vị đóng góp một cách nhưng đều là lòng nhiệt tình, cùng gióng lên một tiếng chuông để chung xây một ngôi nhà Phật giáo Việt Nam tại Mỹ.

Mưa Cali, ngày 18/12/2012
Tâm Tĩnh Lặng

YẾM TRỢ CHÁNH PHÁP

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý Phật tử và bạn đọc gần xa,

Nhằm phổ biến giáo lý Giác ngộ của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni và tạo mối dây liên hệ tinh thần giữa Phật giáo đồ khắp nơi, báo Chánh Pháp ra đời. Thời gian qua, báo Chánh Pháp đã tạo được niềm tin cậy và yêu thích của bạn đọc, xuất gia hay tại gia.

Tuy vậy, để báo Chánh Pháp được duy trì và phát triển trên đường dài, Ban Chủ Trương chúng tôi mong mỗi được sự yểm trợ sâu rộng của chư tôn đức và quý phật-tử qua các phương thức sau:

- Chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu xin đóng góp bài vở, gửi về tòa soạn (nội dung liên quan Phật giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Từ Thiện...)
- Quý phật-tử có thương vụ xin đăng quảng cáo để ủng hộ
- Quý phật-tử đồng hương xin phát tâm ủng hộ mỗi vị \$5 một tháng (để trang trải cước phí gửi báo đi khắp nơi)
- Giới thiệu báo Chánh Pháp đến thân nhân, bằng hữu, bạn đạo khác.

Sự yểm trợ của chư tôn đức, văn thi hữu và bạn đọc sẽ giúp cho nội dung báo Chánh Pháp ngày càng phong phú, đặc sắc hơn, giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo dài lâu, góp phần hoằng dương Phật đạo.

Thành thật tri ân chư liệt vị.
Tỳ kheo Thích Nguyên Trí

Tịnh tài xin gửi: CHÁNH PHÁP
11502 Daniel Ave.,
Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.
Tel.: **(714) 638-0989**

Bài vở xin gửi:
baivochanhphap@gmail.com

CÁI NGÃ

Vĩnh Hiền

"Thầy muốn trùng tu hay sửa chữa?" Quân hỏi.

"Sao lại trùng tu hả anh?" thầy Ngộ mỉm cười nói, "Chùa chưa tới trăm năm tuổi mà anh, ta không dùng từ 'trùng tu' làm gì cho to tát."

"Chưa tới trăm tuổi nhưng cũng thuộc hạng cổ lai hy rồi," Quân nói, "Vâng, không phải trùng tu mà chỉ tân trang, sửa chữa thôi."

"Tôi muốn làm một cái gì đó hiện đại mà hơi... quái quái một chút, anh Quân à," thầy Ngộ phác tay ra dấu, "Anh hãy đi một vòng với tôi quanh chùa đi. Rồi anh sẽ thấy cần phải làm một ngôi chùa cách tân theo ý tôi như thế nào."

Quân đưa hai tay lên, "Ồ, đừng có lên lầu lên tầng gì cả, thầy nhé! Tân trang mà làm cho ngôi chùa cổ này hóa thành ngôi chùa hộp thì nguy mất."

"Sao lại chùa hộp?" thầy Ngộ phá ra cười, "À, ý anh muốn nói như mấy cái nhà hộp hiện đại đó hả? Chắc! Chùa thì mình phải xây theo kiến trúc cổ chứ! Nhưng lên hai, ba tầng lầu thì sao nào? Miễn giữ nguyên phong cách cổ xưa của chùa làng thôi."

"Chùa làng thì cần phải là chùa làng," Quân bức mình nói, "Chỉ một tầng trệt thôi, ba gian hai chái, năm gian ba chái, hay thậm chí cả bảy gian ba chái..."

Thầy Ngộ đứng lại phía sau hậu điện ngôi chùa. "Anh hãy vẽ cho tôi một ngôi chùa 108 gian." Quân há hốc mồm, "Cái gì? 108 gian? Thầy có điên không đấy?"

"Không điên chút nào!" thầy Ngộ nói, "Tôi có mấy ông sư huynh sư đệ bên Mỹ, Pháp sẵn sàng gởi tiền về cho tôi xây lại ngôi chùa này cho thật hoành tráng... Vậy tại sao ta không xây luôn một ngôi chùa rộng cả 108 gian, được không anh?"

Quân đưa tay lên, "Với diện tích 300 mét vuông mà thầy tính xây chùa kiểu đó sao?"

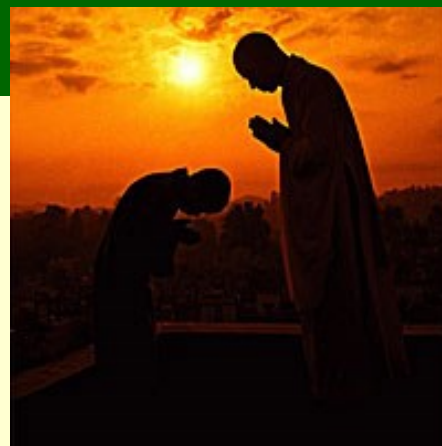
"Này," thầy Ngộ kéo ghế đến ngồi xuống hàng hiên, "Anh ngồi xuống. Ta nói chuyện này nghiêm túc nhé. Anh có nghe người ta xây nhà chỉ có ba mét vuông vừa đủ chỗ cho một người sống không? Ta sẽ xây một ngôi chùa 108 gian,

mỗi gian đủ diện tích để thờ một vị Phật, Bồ Tát, La Hán, và Tổ sư, mỗi gian chỉ một mét rưỡi chiều ngang, ba mét chiều dọc. Đủ để thiết lập một bàn thờ và một cái chiếu cho mỗi gian, thế là đủ rồi chứ gì anh? Tính cả tường, vách, hành lang hai bên hông chùa, tổng cộng khoảng 200 mét chiều dài. Ngôi chùa 108 gian, chính điện thờ tam thế Di Đà, Thích Ca và Di Lặc, hai bên lần lượt thờ các vị Bồ Tát Dược Sư, Quan Âm, Văn Thù, Phổ Hiền, Địa Tạng... và các vị La Hán, Tổ sư."

"Ý tưởng của thầy rất hay, rất độc đáo," Quân trầm ngâm hồi lâu rồi lắc đầu, xua tay, "Nhưng tôi e là tôi không làm nổi đâu thầy."

"Tại sao?" thầy Ngộ trợn mắt, "Tôi nghe nói anh là một kiến trúc sư có phong cách sáng tạo mới mẻ, hiện đại bậc nhất thành phố này kia mà. Anh yên tâm," thầy Ngộ chỉ tay xung quanh. "Các vị Phật tử địa phương sẽ tình nguyện hiến thêm phần đất của họ quanh chùa. Ta sẽ có đủ đất để xây thêm phòng ốc cho các thầy và chú tiểu ăn uống sinh hoạt. Còn ở trung tâm, anh sẽ thiết kế cho tôi một ngôi chùa đủ 108 gian đi, anh Quân! A! Đây sẽ là ngôi chùa độc nhất vô nhị tại Việt Nam! Các sư huynh đệ của tôi bên đó sẽ rất hân hoan tiếp nhận ý tưởng ngôi chùa 108 gian này và sẽ yểm trợ vật chất để tôi hoàn thành được ý nguyện của mình. Anh hãy mạnh dạn bắt tay vào làm đi, anh Quân!"

"Chùa trước kia là một cái am nhỏ của cụ Mạnh xây lên để tu tại gia," ông già Hành nói, "Cụ Mạnh chết, con cụ là thầy Thường tiếp tục về tu ở đó cho đến những năm 1970 thì giao cho con trai thầy là thầy Ngộ bây giờ làm chủ chùa. Sau 1975, thầy Ngộ tình nguyện hiến chùa cho Giáo hội, biến thành chùa của hệ thống chùa sở tại, thuộc ban trị sự huyện. Thầy Ngộ tu lên Đại Đức, theo nguyện vọng được cho về làm trụ trì ngôi chùa làng này đến nay đã tám năm."



"Bây giờ chùa xuống cấp nên ông ấy muốn xin phép sửa chữa à?" cô Thanh hỏi. "Không sửa chữa mà đập phá toàn bộ để xây lại một ngôi chùa hiện đại có cấu trúc của 108 gian," ông Hành đáp.

"Điên rồi," cô Thanh buột miệng nói, "Cái ông thầy Ngộ này thiết ngộ há!? Vậy các sư huynh đệ của ông đồng ý gởi tiền về tài trợ à?"

"Ừ," ông Hành cười nói, "Các ông bên đó cũng tân tiến mà, cũng muốn biến ngôi chùa xưa thành ra một ngôi chùa đặc dị ở Việt Nam."

"Rồi sao?" cô Thanh hỏi.

Ông Hành cười to, "Cũng may không có một ông kiến trúc sư nào dám nhận thiết kế một ngôi chùa kỳ cục cỡ đó, ngay cả kiến trúc sư Quân vốn là bạn hồi nhỏ của thầy Ngộ. Nhưng chính ông Quân đã nhận lời thiết kế toàn bộ ngôi chùa 108 gian ấy, nhưng ông ta đã tự làm cho bản thiết kế bị sai lệch đi 0,9 li trong cấu trúc. Vậy là không một kỹ sư thiết kế nào dám nhận lời lập hồ sơ kỹ thuật, không nhà thầu nào dám nhận thi công công trình. Và bản thiết kế ngôi chùa 108 gian vẫn còn nằm trên bàn của thầy Ngộ từ đó đến nay..."

"Ông Quân cố ý thiết kế sai chỉ 0,9 li à?" cô Thanh bật cười. "Sai một li đi một dặm mà, cô Thanh. Nếu y theo thiết kế thì toàn bộ ngôi chùa sẽ đổ nghiêng về bên trái và chiều dài của chùa sẽ lệch về bên phải."

Ông Hành lấy ra một hộp diêm, trút hết que diêm ra, lấy mấy ngón tay bóp cho hộp diêm thành một hình chữ nhật méo. "Cũng tương tự thế này," ông già Hành nói tiếp, "Ngôi chùa 108 gian sẽ phi thực trong hồ sơ kỹ thuật của mọi kiến trúc sư và kỹ sư thiết kế, nhưng nó vẫn hiện thực trong tâm tưởng của thầy Ngộ."

Thầy Ngộ nói, "Tôi chẳng biết gì về kiến trúc nhưng tôi có thể



thấy là anh đã cố ý vẽ cho sai đi, phải không anh Quân?"

"Tôi đã nói là tôi không đủ sức đảm đương một công trình có tầm cỡ thế giới vị lai kia mà thầy!" Quân cười nói, "Họa may thầy ráng đợi đến khi nào Phật Di Lặc hiện thế, có lẽ có một tay kiến trúc sư nào đó sẽ thiết kế

ngôi chùa 108 gian theo đúng ý nguyện của thầy. Còn tôi thì xin chào thua."

Thầy Ngộ bỏ tập bản vẽ xuống, đăm chiêu nói, "Có lẽ tôi sẽ nhờ một ông kỹ sư thiết kế nào đó chỉnh lại bản vẽ này ở mức chênh lệch 1 li hay 1 li rưỡi gì đó thì... nó sẽ trở thành hiện thực thôi. Nhưng thôi, tôi sẽ không làm điều đó. Và tôi sẽ giữ bản vẽ của anh như một món kỷ niệm để đời."

"Tại sao?" Quân hỏi, "Bỏ thầy buông bỏ ý nguyện rồi à?"

Thầy Ngộ lắc đầu nói, "Không phải buông bỏ. Nó vẫn còn trong tâm tưởng tôi chứ. Nhưng đêm qua," thầy ngước mắt nhìn lên bầu trời mây trắng đang thấp thoáng trong lùm cây bồ đề, "ừ, đêm qua sau khi tọa thiền, tôi xuống sân chùa đi dạo vòng vòng. Tôi vấp phải một cục đá và tôi ngã xuống. Tôi đập trán vào ngay mô đất mà ngày trước tôi đã ngồi vẽ cho anh mô hình ngôi chùa 108 gian. Tôi ngồi dậy sờ trán thấy sưng một cục." Quân nhìn vào trán thầy Ngộ thấy một vết sưng hấy còn đang bầm tím. "Tôi ngộ ra rằng tôi sưng một cục trong tôi," thầy

Ngộ cả cười, "Anh biết nhà Phật gọi cục sưng ấy là gì không? Là tảng thượng mạn."

Thầy Ngộ đứng dậy kéo Quân đứng lên.

"Tôi là một ông thầy nên tôi cứ quen coi anh là một Phật tử, mà một Phật tử thì phải nghe lời thầy – cục sưng tận mạng. Nhưng anh không chỉ là một Phật tử, mà anh còn là một con người độc lập, có tính tự duy sáng tạo của mình. Tôi có cái ngã của tôi cũng như anh có cái ngã của anh chứ. Cái ngã bảo vệ quan điểm trùng tu của anh đã chống lại cái ngã tăng thượng mạn của tôi, một cái ngã coi mình đã là một ông thầy tu thì phải ở trên mọi Phật tử và đệ tử đến chùa. Một ông thầy chùa thì phải ở trên cao, với mọi phẩm hạnh và khí chất cao siêu, với mọi lý thuyết và kinh điển nhà Phật để cho lúc nào thiên hạ cũng đều tuân phục ý kiến của mình. Hà! Cục sưng của tôi đã suýt làm tôi ngã luôn cái ngã của mình. Cái ngã rất ngã mạn mà lẽ ra tôi không nên sa vào chứ! Tôi rất cảm ơn anh đã cố ý vẽ sai, anh Quân à!"

Vĩnh Hiền

NƠI TỔ CHỨC KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 3 TOWN AND COUNTRY RESORT, SAN DIEGO, CALIFORNIA



Cảnh trí êm đềm, thoáng đẹp.



Hội trường rộng lớn, khang trang.

**Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 3 sẽ được tổ chức vào các ngày:
từ Thứ Năm, ngày 8 tháng 8, đến Thứ Hai, ngày 12 tháng 8 năm 2013,**

tại Khách Sạn Town and Country Resort Hotel

500 Hotel Circle North, San Diego, CA 92108.

Liên lạc: Chùa Phật Đà, Tel. 619-283-7655